

PHÓ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc : NGUYỄN-VĨ 31

- Tướng Tàu và Trọng Tàu LÊ VĂN TRƯƠNG
Thé mới là tình yêu (truyện ngắn quốc tế) VÂN SƠN
Người thơ xuất hiện MẶC THU
- **Danh nhân thế giới:** Doctor McCollum,
Bác sĩ Vitamine THELMA S. NASON
Giặc chày vôi của Đoàn Trung NGUYỄN QUANG
Những áng thơ hay THÀM THẾ HÀ
- ✖ Minh ơi ! DIỆU HUYỀN
- **Thơ cũ** Phan Khôi làm trong
chiến khu PHAN THỊ MỸ KHANH
Đặng Thúc Liêng, một bậc tiên phong ... ĐẶNG CỘNG THÁNG
Con gái cưng của Mẹ (truyện ngắn) PHƯƠNG ANH
- ✖ Văn sĩ thi sĩ tiền chiến NGUYỄN-VĨ
hai bài thơ «Sóng» và «Chết» LƯƠNG TRỌNG MINH
- **Những cuộc tình duyên say mê**
của văn hào G. FLAUBERT TRÚC VIỆT
Chí sĩ Nguyễn Trường Tộ cảm đờ NGUYỄN BÁ THÉ
- ✖ **Mối tình cao thượng** của
công chúa Quma TRẦN HUỲNH HOA
- Một hạm đội Nga trốn tại Vịnh Cam Ranh .. TÂN-PHONG
Tôi làm phim THÁI THÚC DIỄN
Chuyện cà kē TRỌNG TẤU và BA TÈO
- **Thơ Lên Ruột** DIỆU HUYỀN
Đơn côi (thơ) LŨ QUỲNH
Tú thần (thơ) HOÀNG QUANG BẰNG

TRUYỆN DÀI

Kiên trinh truyện dài của Cô VÂN NGA

Cô gái điện truyện dài của TÙ-VU

Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC

(Xem mục-lục đầy đủ ở trang 4-5)

DÂN ĐỘNG VIỆT

* TỰ-DIỄN I TỰ-DIỄN !

(cùn cõ Hô-Hồng-Hoa, Gihô-sir Trung-học Sài-gòn)

... Tôi mua quyền *Tự-diễn* Việt-Pháp ấy ở Cần-thơ hồi năm 1957, ở tỉnh họ bán đến 200 \$. Tôi phải mua, vì nghề-nghiệp bất-buộc, vì danh-tùy mới nhiều quá mà khó hiểu. Không những tôi, mà cho đến các bạn đồng nghiệp cũng không giảng nghĩa xác-đáng nhiều danh-tùy mới. Quyền *Tự-diễn* Việt-Pháp của tôi mua, xuất-bản năm 1956, thì chúng tôi tưởng có đủ các danh-tùy mới giảng rành-rẽ để chúng tôi tra-cứu. Nhưng thưa ông, đây: tôi xin kể một vài chữ mà chúng tôi bị học trò hỏi và bị «*Tự-diễn*, cho nghĩa sai lầm:

1.— KIỂM THẢO, trong một quyền «Việt-Pháp *Tự-diễn*» dịch như vậy: faire un compte-rendu, censurer. Tất cả các bạn đồng-nghiệp của tôi đều phê-bình là «*tự-diễn*», nói sai. Faire un compte-rendu là *tưởng-trình* hoặc *phúc trình* chờ đâu phải.. KIỂM-THẢO ? Và faire un compte rendu sao lại là censurer ? Chúng tôi tưởng censurer là KIỂM DUYỆT.

2.— TÁC PHONG, trong *Tự-diễn* đó, dịch là manière d'agir, maintien. Xin thưa là chúng tôi không hiểu gì hết.

3.— Trong Chinh-phu-ngâm, có chữ CÙ-MỘC. Chúng tôi tra *Tự-diễn* Việt Pháp xem là cây gì, thì quyền *Tự-diễn* kia ghi là «saule». Chúng tôi ngạc-nhiên tra *Tự-diễn* Pháp-Việt thì lại thấy Saule = CÂY LIÊU, *Tự-diễn* Hán-Việt của ông Đào-duy-Anh lại nói: «Cù mộc = một cây to cành, lá cong xuống để cho dày bìm dày sần leo lên». Như vậy thì cây liễu đâu phải là «cây to» và CÙ MỘC đâu phải là «CÂY LIÊU» ?

4.— DỮ-KIỆN. Trong một bài luận-thuyết của báo Phô-Thông (tôi quên số), có một danh-tùy mới lạ: «DỮ-KIỆN của vấn-de». Chúng tôi không hiểu, tra «*Tự-diễn* Việt-Pháp», không có chữ ấy. Sau tôi viết thơ hỏi ông chủ-bút, ông trả lời: «dữ-kiện của vấn-de là những yếu-tố chính làm nòng-cốt của vấn-de. Les données du probl-

me». Như thế thưa ông, tại sao trong «Tự-diễn Việt-Pháp», không có chữ ấy? Đọc Phổ-Thông số 30, chúng tôi thấy ông N.V. nói đến chữ «Đào-Hoa» mà trong quyển Tự-diễn kia dịch là «*Séducteur de femmes*, *Don Juan*». Ông N.V. cho là dịch ấy, nhưng ông không giảng rõ ấy như thế nào. Tôi hỏi ông hiệu-trưởng trường chúng tôi (Cử-nhân Văn-chương), ông bảo: Tiếng Pháp nói: *Séducteur*, là kẻ quyến-rũ đàn bà con gái, chứ không nói «*Séducteur de femmes*» và chính ông cũng cho rằng Tự-diễn kia nói *Séducteur de femmes* là «incorrect» — không đúng Pháp văn. Vâ chăng người quyến-rũ đàn-bà sao gọi là người «ĐÀO - HOA»? Hay là tác-giả quyển Tự-diễn kia muốn nói NGƯỜI CÓ SỐ ĐÀO HOA? Nhưng thưa ông, nếu tự diễn nói như vậy cũng là sai vì «người có số đào-hoa» đâu phải là «*Séducteur*» là người quyến-rũ đàn bà? Còn nói: «Đào hoa = *Séducteur de femmes*», thì thật là sai cả nghĩa tiếng Việt, sai cả văn Pháp nữa, như trong Phổ-Thông đã chỉ chỗ sai lầm đó cho tác giả quyển Tự-diễn Việt-Pháp» kia.

Còn bao nhiêu chữ sai lầm và thiếu sót khác nữa mà những khi tra Tự-diễn chúng tôi vẫn thường gặp luôn...

* ĐỨC NAGASENA KHÔNG NGUY-BIỆN.

(của Sir-ông Tích-Thiện-Chân)

Xem xong bài «*An-Tử và Nagasena nguy biến*» của Ô. Thẩm-thệ-Hà, trong Phổ-Thông số 26, chúng tôi đồng ý ở điểm tác giả cho rằng phép tỷ-luận đồng phương là một lỗi lý luận gây được nhiều hứng thú cho người nghe và người đọc. Nhưng chúng tôi không đồng ý ở điểm ông kết án Đức Nagasena là nguy biến, bởi lẽ Đức Nagasena đã «đặt vấn đề không đúng và kết luận sai» trong khi biện minh đạo lý vô ngã với Vua Milinda.

Ông Thẩm-thệ-Hà căn cứ trên chữ của trong đoạn văn sau đây, do ông dẫn chứng:

«... Nếu không có người Nagasena thì tóc kia có phải CỦA «Nagasena không?

«— Không.

(xem tiếp trang 125.)

PHÒ THÔNG

TẠP - CHÍ

DỘP PHÂN XÂY SUNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỐ BIỂN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VĂN

Quản-lý : TRẦN-VĂM-LANG

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NGÀY MỚI SỐ 31 * 1-4-1960

- | | | |
|--|---------------|---------|
| 1.— Dạ Hồi Văn Nghệ ở Paris. | Phan-chí-Linh | 7 — 9 |
| 2.— Doctor Elmer Verner McCollum . Thelma S. Nason | | 10 — 16 |
| 3.— Túi-đựng Tàu và Trang Ta | Lê-văn-Trương | 17 — 19 |
| 4.— Đơn côi (thơ) | Lữ Quỳnh | 20 |
| 5.— Con gái cưng của mẹ (truyện ngắn) . . . | Phương Anh | 21 — 27 |
| 6.— Hai bài thơ « Sóng » và « Chết ». Lương Trọn, Minh | | 28 — 30 |
| 7.— Nàng chinh-phụ trong chinh-phụ ngâm Vũ đức Trinh | | 31 — 36 |
| 8.— Giặc Chày Vôi của Đoàn Trung. . Nguyễn Quang | | 37 — 43 |
| 9.— Mối tình cao thượng của Công Chúa Trần Huỳnh Hoa | | 41 — 48 |
| 10.— Những áng thơ hay | Thầm Thệ Hà | 49 — 55 |
| 11.— Chi-sĩ Nguyễn-trường-Tộ cảm-dè . Nguyễn Bá Thé | | 56 — 57 |
| 12.— Từ-thần (thơ) T. K. Hoàng quang Bằng | | 58 |
| 13.— Thể mới là tình yêu (truyện quốc tế) . . . | Vân-Sơn | 59 — 62 |

14.— <i>Người thơ xuất hiện</i>	Mặc-Thu	63—65
15.— <i>Một hạm đội Nga trốn tại Vịnh Cam Ranh Tân Phong</i>	66—72	
16.— <i>Những cuộc tình duyên của G. Flaubert</i>	Trúc Việt 73—79	
17.— <i>Mình ơi!</i>	Diệu Huyền 80—88	
18.— <i>Đặng Thúc Liêng</i>	Đặng công Thắng 89—93	
19.— <i>Thơ cụ Phan Khôi làm trong chiến kiuu</i>	Mỹ Khanh 94—95	
20.— <i>Văn-sĩ thi-sĩ tiền chiến</i>	Nguyễn Vy 96—102	
21.— <i>Cô gái diễn</i>	Vi Huyền Đắc 103—107	
22.— <i>Thơ lén ruột</i>	Diệu Huyền 108—109	
23.— <i>Tối làm phim</i>	Thái thúc Diễn 110—113	
24.— <i>Cà - Ké</i>	Trọng Tầu và Ba Tèo 114—117	
25.— <i>Sách báo mới</i>	P.T. 118—120	
26.— <i>Kiên Trinh</i>	Cô Vân Nga 121—124	
27.— <i>Đáp bạn bốn phương</i>	Bach Yến và Diệu Huyền 125—130	

Sắp xếp bài, trình bày bìa và nội dung, cho màu . . Cô Diệu-Huyền

- Các Sách Báo Việt-ngr ở trong nước thuộc typ-typ trích
kang những bài trong tạp-chí PHÙ - THÔNG, nhung
yêu-cầu đe rõ xuất-xứ : • Trích Tạp-chí PHÙ - THÔNG •
và dâng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viêt-Nam

Dạ-hội văn-nghệ
ở PARIS

Kỷ-niệm Thi-sĩ TÂN-ĐÀ



NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

* PHAN-CHÍ-LINH
(Đại-học-xá, Paris)

LÊM 26 Février vừa rồi, Hội Pháp Việt Thân-Hữu ở Paris, dưới quyền chủ-tọa của Giáo-Sư Gustave Meillon, có tổ-chức tại khu Đại-học-xá một buổi dạ-hội văn-nghệ tung-bừng hào-hứng, kỷ-niệm Thi-sĩ Tân-Đà Nguyễn - khắc - Hiếu. Trong gian phòng rộng-rãi trang hoàng rất mĩ-thuật, và trước một số thính-giả đông nghẹt, chật ních cả phòng, gồm toàn là Sinh-viên Đại-học, Nam, Nữ

Việt, Pháp, Giáo-sư Custave Meillon trình bày mục-dịch và chương-trình buổi dạ-hội đêm nay. Ông được thính-giả nhiệt liệt hoan-nghênh vì dạ-hội văn-nghệ ở Kinh-đô Pháp để kỷ-niệm nhà Thi-hào của núi Tân sông Đà đã thực-hiện được là do sáng-khiến rất tốt đẹp của Giáo-sư Meillon và chi-hội Pháp-Việt Thân-Hữu ở Paris.

Tiếp theo ông, Giáo-sư Nguyễn-văn-Cẩn và nhà văn

Nguyễn-Tiến-Lang lần-lượt lên diễn-dàn thuyết-trình về thân-thế và sự-nghiệp của Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, mối tình mẫu-tử thâm-dặm của Thi-sĩ đối với Mẹ là Nữ ca-si Nghiêm, và lòng yêu-nước thiết-tha của ông. Nhiều bài thơ của Thi-sĩ được ngâm lên, gây cho thính-giả một hoài-niệm cảm-động êm đềm hướng về Đất Nước Việt-Nam yêu dấu.

Nhiều bài thơ nhất là bài «*Nước tôi*» được dịch ra Pháp-văn, do Nữ-ký-giả và nghệ-si Pháp S. Ribeyre ngâm với một giọng ngân-nga tuyệt-diệu. Cô Thu-Hương, Sinh-viên Đại-học, và Ông Michel Mỹ, Ông Đặng-trần-Văn hòa đón thập-lục ru dương theo nhịp Thơ.

Thính-giả vỗ tay hoan-nghênh không ngớt. Kể đó, giáo sư G. Meillon chiếu một cuốn phim màu về tình-hình hiện tại ở Việt-Nam, mà ông đã thực hiện trong cuộc viếng thăm của ông tại Việt-Nam hồi mùa hè năm ngoái, từ các thang cảnh ở Huế, & Tây-Ninh, Hà-Tiên, đến các công trình kiến-thiết mới ở Saigon, Cần-Thơ, các cảnh đồng quê ở Biên-Hòa,

Thủ-dầu-Một, Châu-Đốc, cho đến các cuộc khai-khẩn & Cao-Nguyễn, ở Cái-Sắn, các cảng chài lưới ở Long-Hải, Phan-Thiết, v.v...

Khán-giả rất tán-thưởng công việc của giáo-su và hy-vọng ông sẽ trở qua Việt-Nam một lần nữa và làm một cuộn phim thật dài hơn nữa.

Vô-tuyến truyền-hình Paris có tham-gia dạ-hội hào-hứng này và các bài thuyết-trình về Thi-sĩ Tân-Đà, cuộc hò-hì nhạc và chớp bóng đều được thu thanh và hình để truyền đi các nơi.

Dạ-hội văn-nghệ kỷ-niệm Thi-sĩ Tân-Đà & Đại-Học-Xá Paris đã gây cho Kiều-bào ta và các giới văn-hóa ở Thủ-đô Pháp một không-kí hào-hứng vô-cùng, một hoài-niệm và một cảm-tưởng rất êm đẽp, và rất nhiều triết-vọng về cuộc tuyên-truyền văn-chương và tư-tuồng Việt-Nam ở Pháp và Thế-Giới.

PHAN CHÍ LINH

* Trong số tôi chúng tôi sẽ đăng hai bài thuyết-trình của giáo-su Nguyễn-văn-Còn và nhà văn Nguyễn-Tiến-Lang.

Trung-tâm văn-hóa Pháp Việt ở Paris

(Centre culturel Franco-Vietnamien)

Nhân dịp này, chúng tôi có nhận được một bức thư của ông bạn rất đáng kính mến, Giáo-sư G. Meillon, cho biết ý định của ông muốn thực hiện tại Paris một Trung-tâm Văn-Hóa Pháp Việt (Centre Culturel Franco-Vietnamien). Hình như Bộ Ngoại-giao Pháp đã tán-thành và ủng-hộ. Nếu được thì tháng Bảy năm nay, ông G. Meillon sẽ trở qua Việt-Nam để trình bày đại-cương của tổ-chức văn-hóa ấy với Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, mục-dịch của Trung-Tâm Văn-Hóa Pháp Việt là phát-triển sự trao đổi Văn-Hóa Việt Phá, và giúp đỡ Sinh-Viên Việt-Nam ở Pháp về các phương diện tinh thần và vật chất. Cơ-quan ấy sẽ hướng dẫn các Sinh-Viên mới qua trong việc học hỏi để khỏi bơ-vơ lạc-lõng giữa rừng học-vấn của Kinh-Đô Paris và để đến khi trở về Nước nhà, được đem khả-năng trí-thức của mình mà

áp-dụng được ngay trong các ngành hoạt động. Hiện nay, theo lời Giáo-Sư G. Meillon, rất đông Sinh-Viên Việt-Nam ở Pháp đang nóng lòng chờ đợi công việc vận động tổ-chức Trung tâm Văn-Hóa được thành công.

Tạp-Chí *Phổ-Thông* rất hoan nghênh sáng-kien của Giáo-Sư G. Meillon, và hy-vọng việc làm của ông sẽ có kết-quả viễn-mãn. Chúng tôi nhiệt-liệt ủng-hộ ông bạn trong công-trình lớn lao phồ-biển Văn-Hóa Việt-Nam tại Pháp và giúp đỡ Sinh-Viên Việt-Nam đang cố-gắng rèn đức tài năng và trí-thức tại các trường Đại-Học Pháp nhất là ở Paris. Chúng tôi tin chắc rằng Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm sẽ sẵn-sàng khuyến-kích và tác thành công cuộc văn-hóa rất tốt đẹp ấy.

N.V.

doctor

**ELMER
VERNER**

Mc

COLLUM

DANH NHÂN QUỐC-TẾ : «BÁC-SĨ SINH-TỐ»



BÁ C-sí Elmer Verner McCollum, đã được người ta gán cho cái biệt hiệu là «Bác sĩ Sinh tố», cha đẻ của sự dinh dưỡng và cũng là người đã thay đổi tập quán ăn uống theo khoa học. Chính bác sĩ Edwards A. Park, là người bạn cộng sự của ông cũng phải công nhận ông là một «Abraham Lincoln của Khoa học».

Công cuộc khảo cứu của bác sĩ McCollum tại Đại-học-dưỡng Wisconsin (Mỹ) từ năm 1907 đến 1917 và tại Trường Vệ-sinh và Y-tế thuộc Đại-học-dưỡng Johns Hopkins từ năm 1917 đến 1944, thường là đề tài của nhiều tờ báo và nhiều nhà bình luận.

Tường thuật lại một buổi thảo luận về vấn-dề sinh-tố tồ chức tại Đại-học-dưỡng Johns Hopkins, tờ *Time* năm 1951 đã viết như sau về bác-sí McCollum: «*Hơn ai hết, bác-sí đã đem lại chất sinh tố vào bánh mì và sữa của chúng ta, đã đem đến trái cây tươi cho các bữa ăn sáng và rau tươi trong bữa ăn hàng ngày của chúng ta.*

Tại Wisconsin, giáo sư E.B. Hart thực hiện một loạt những cuộc thí nghiệm về dinh dưỡng cho loại bò. Ông chia số bò cái

* THELMA S. NASON

(*The Johns Hopkins*)

ra làm ba dàn khác nhau và cho mỗi dàn ăn một loại ngũ-cốc khác nhau: lúa mì, ngô hoặc kiều mạch, để xem loại ngũ cốc nào bò dưỡng nhất. Sau khi thí nghiệm người ta nhận thấy một sự khác biệt rõ rệt giữa ba dàn bò cái đó: những con bò được nuôi bằng ngô tỏ ra khỏe mạnh hơn cả, còn dàn bò được nuôi bằng lúa mì thì tệ nhất. Như thế người ta thấy rằng ngô giúp cho bò cái khỏe mạnh hơn và sinh - sản được những con bò con tráng-kiện hơn, còn kiều-mạch thì ít hiệu-quả hơn, trong khi những con bò được nuôi bằng lúa mì thì chỉ đẻ ra những con bê yếu đuối, chưa trông thấy ánh mặt trời bao lâu đã mù mắt và thường thường đẻ được ít bửa thì chết. Nhiệm-vụ của ông McCollum là phải tham-gia công cuộc khảo cứu này để tìm hiểu nguyên-nhân của sự khác biệt về dinh-dưỡng đó.

50 năm về trước, người Mỹ phần lớn chỉ dùng bánh mì, thịt, đậu, đường và một vài thứ ngũ-cốc khác làm món ăn chính. Những thức đó được coi là món ăn phồ - thông nhất, vừa rẻ tiền lại vừa giàu chất đạm-bạch-tinh và nhiệt - lượng. Hồi đó không

DANH NHÂN QUỐC TẾ

những hầu hết dân-chíng mà đến như các nhà khảo-cứu về dinh-dưỡng cũng đều công-nhận rằng bộ ba — chất đản - bạch - tinh, chất mờ và chất Hi-rốc-xít Các-bon là những nguyên-tố cần-yếu duy-nhất của một bữa ăn đầy đủ. Chẳng món thực-phàm nào được coi trọng bằng số nhiệt lượng (calorie) và sự dễ tiêu-hóa của món ăn trung-bình. Sự khảo-cứu hồi đó chỉ căn-cứ theo kinh-nghiệm và theo thống-kê, chứ không căn-cứ vào công-cuộc thí-nghiệm.

Quan-niệm dinh-dưỡng trong những năm đầu thế-kỷ thứ hai mươi đãi đề là như thế, và ông McCollum hồi đó ở Wisconsin cũng chẳng thấy một triền-vọng nào đáng khuyễn-khích cả. Nhưng ông vẫn bền-trí theo đuổi việc sưu tầm qua sự đọc sách. Và chẳng bao lâu, ông đã trông thấy một tia hy-vọng.

Ông McCollum đã đề hối tâm trí đọc cuốn “Jahrebericht über die Fortschritte der Thier-Chemie” của Maly, là một cuốn niên-giám viết bằng tiếng Đức nói một cách hối súc trừu-tượng về hóa-học động-vật và thảo-mộc. Trong hàng

trăm bài viết về vấn-dề đó, ông chỉ đề ý có 13 bài nói về những cuộc thí-nghiệm riêng biệt, được đặt dưới sự hướng dẫn của nhiều nhà khảo-cứu trong nhiều năm trời. Súc-vật được nuôi bằng chất bồ cǎn thiết và rất “tinh-khiết”, được hòa-trộn theo tỷ-lệ được chính thức coi là lý tưởng nhất. Điều mě trọng những cuộc thí-nghiệm này là người ta không còn sử dụng những thực-phàm thiên-nhiên hoàn-toàn nǔa, mà chỉ dùng những thức ăn chế biến tại phòng thí-nghiệm. Bác-sĩ McCollum nhận thức rằng những cuộc thí-nghiệm đó là những cố gắng đầu-tiên có hiệu lực thực sự để đem những tín-diều dinh-dưỡng đã được người ta chấp-nhận từ lâu ra thí-nghiệm theo phương-pháp khoa-học. Nếu cuộc thí-nghiệm đem lại kết-quả, thì súc-vật chắc chắn có thể nẩy nở với thức ăn chế biến trong phòng thí-nghiệm.

Nhưng không, súc-vật đã không nẩy nở theo như ý muốn, và đó là điều đã làm bác-sĩ

McCollum phải bức bối. Sức-vật không được khoẻ mạnh và đôi khi còn bị chết là điều khác. Bác-sĩ McCollum đã tự hỏi : « Tại sao thế nhỉ ? » Và chính bác sĩ đã tự trả lời : « Có lẽ trong thức ăn còn cần phải có thêm nhiều chất bồ khác nữa mà khoa học chưa khám phá đó thôi. » Bác-sĩ còn đi xa hơn thế nữa : Ông đã bắt đầu nghĩ tới những cuộc thí-nghiệm sẽ giúp loài người khám phá được những vật « chưa được quen biết ». Ông đã nghĩ ra cách và đã quyết định dùng loài chuột để thí-nghiệm trong phòng thí-nghiệm.

Năm năm sau đã đem lại cho bác-sĩ nhiều thành - quả đáng mừng, và lúc đó là lúc mà bác-sĩ McCollum đang chuẩn bị cách mạng toàn thể quan niêm của loài người về thực phầm, một cuộc cách mạng mà chính ông là vị lãnh tụ. Nhiều nhà bác học cho rằng bác sĩ McCollum sẽ phải được giải thưởng Nobel để tưởng thưởng sự đóng góp vĩ đại của ông vào nền khoa học. Sau khi ông sử dụng loài chuột để thí-nghiệm, phòng thí-nghiệm Wisconsin của ông đã thề

hiện hết khám-phá này đến khám phá khác. Mười năm nghiên-cứu của ông tại Wisconsin đã hoàn-toàn thay đổi quan-niệm của ta đối với thực-phầm. Phong-tục và sự mê-tín xung-quanh vẫn-dè thực-phầm dần dần tiêu-tán, dần được thay thế bằng những sự thật có tính-cách khoa-học và xác thực hơn.

Bác-sĩ McCollum là người đầu tiên đã dẫn-chứng sự hiện-hữu của chất mờ, chất sinh-tố A, rất quan-hệ cho sức khoẻ và sự phát dục. Những con chuột mà ông thí-nghiệm là bằng chứng cụ-thì nhất. Những con chuột nào được ăn bơ và lòng đỏ trứng gà trộn lẫn với thức ăn cǎn-bản thì rất mập và mượt, trái lại những con nào ăn chất mờ lấy ở dầu ô-liu và mờ lợn thì không lớn được chút nào cả. Bác-sĩ McCollum kết-luận rằng **trong chất bơ và lòng đỏ trứng gà, có một yếu-tố chưa ai biết tới là VITAMINE A** mà cũng không có trong các chất mờ thường khác, nhưng rất cần-thiết cho sự phát-dục. Năm 1913 ông đã cho xuất-bản công cuộc khám-phá đó của ông, và chỉ trong vòng mấy tháng sau, chính ông Mendel, là vị giáo-sư cũ của ông, và cả ông Thomas B. Osborne đều xác-

nhận sự khám-phá đó.

Loài chuột vẫn tiếp tục đóng vai trò chính trong nhiều cuộc thí-nghiệm khác trong những năm kế tiếp. Trong một cuộc thí-nghiệm người ta nhận thấy rằng, những con chuột nào thiếu chất sinh-tố A đều bị sưng mắt và có nhữ. Hai hôm sau thì nhân-cầu của chuột bị đứt mạch máu. Nhưng trước khi nhân-cầu bị đứt mạch máu mà người ta kịp cho chuột ăn chất sinh-tố A thì mắt của chuột lại lành ngay và trở lại bình thường.

Trong một cuộc thí-nghiệm khác, người ta nhận thấy rằng chuột rất cần ăn lá cây, mà từ trước đến giờ vẫn không ai cho đó là một món ăn, vì thường thường ai cũng chỉ cho chuột ăn ngũ-cốc. Những con chuột nào chỉ được ăn ngũ-kiểu-mạch, và lúa mì thì rất nhỏ con, so sánh với những con khác được ăn **lá cây và ngũ-cốc** pha trộn. Người ta cũng nhận rằng sữa có một chất dinh-dưỡng rất quý giá.

Những cuộc thí-nghiệm với loài chuột còn cho người ta thấy rằng chất đan-bach-tinh có những

anh hưởng dinh - dưỡng khác nhau, mặc dù sự kết-cấu hóa-học của nó đường như không có gì khác cả. Người ta còn được biết thêm rằng sữa có nhiều chất bồ hơn rau; những bộ phận như tim, cật và gan chứa đựng nhiều chất bồ hơn những miếng thịt bắp thông thường. Tất cả những ngũ-cốc thông thường đều thiếu chất bồ và cần phải được bồ xung thêm chất đan-mạch tinh, chất Calcium, muối và chất mỡ có chứa sinh-tố A. Gạo già cần được bồ xung thêm một chất nữa, và chất đó thường thấy trong cám hoặc mầm lúa mì, thì mới có thể gọi là hoàn toàn bồ được.

Giờ đây, người ta không còn nghi ngờ gì nữa về sự tương-quan giữa sự dinh dưỡng với sức khoẻ. Những sự quan sát và thí-nghiệm của bác-sí McCollum cũng như của các nhà bác-học khác đã được sưu-tập, được lựa chọn kỹ càng và được in thành sách. Giờ đây người ta cho rằng tất cả những bệnh nào mà bệnh căn khêng được rõ đều do sự ăn uống thiếu chất dinh-dưỡng gây ra cả.

Một cuốn sách nói về bệnh phù mà bác sĩ McCollum đã đọc xác nhận những sự nhận xét của bác sĩ về gạo già và gạo lát. Những cuộc khảo cứu khác tiết lộ thêm rằng yếu tố chứa đựng trong cám và mầm lúa mì, mà sau này người ta gọi là sinh tố B, rất dễ tan trong nước và khác hẳn sinh tố A, là chất dễ tan trong chất mỡ. Các nhà khảo cứu phải mất thêm **20 năm nghiên cứu** nữa mới khám phá ra rằng SINH-TỐ B thực ra chứa đựng rất nhiều chất sinh tố, trong số có cả SINH-TỐ B12, là một thứ thuốc rất tốt để chữa bệnh thiếu máu.

Danh từ "SINH-TỐ. (VITAMINE) chính là do ông CASIMIR FUNK, một nhà hóa-học Ba-Lan, năm 1912 đặt ra, sau khi ông đã dùng loài chim bồ câu cho ăn gạo già trắng rồi thành bệnh phù. Chính ông này đã tin chắc rằng có một chất dinh dưỡng rất cần thiết cho sự sống, mà loài người chưa biết tới. Và ông đề nghị đặt tên cho chất đó là chất sinh-tố (Vitamine). Năm 1914, ông Funk cho xuất bản một cuốn sách trong đó ông nói rằng những bệnh như bệnh hoại huyết, bệnh

ra-si-tít, bệnh phung dién (pellagra) và bệnh phù đều do sự thiếu chất sinh tố gây ra cả.

Sau nhiều năm thí nghiệm với loài chuột, bác sĩ McCollum đã công khai chỉ trích tiêu chuẩn ăn uống của người Mỹ.

Năm 1914 ông được mời diễn thuyết tại một câu-lạc-bộ phụ nữ ở Madison. Thật là một buổi họp mặt hào hứng, đối với diễn giả cũng như thính giả. Ông đã nói với các bà rằng gia đình của họ ăn uống không được đầy đủ ; ngay như mấy con chuột của ông thí nghiệm cũng không thể sống với lối ăn như thế, huống hồ loài người. Ông nhấn mạnh về tính cách quan trọng của RAU, TRÁI CÂY TUỔI và THỊT, trong bữa ăn hàng ngày và ông cũng ca ngợi những đức tính của SỮA : Những lời khuyên của ông mà sau này đã được in thành sách "Những kiến thức mới về dinh dưỡng" xuất bản năm 1918. Kỷ nguyên sinh tố đã mở rộng từ đó tại Hoa-kỳ.

"Năm 1922 bác sĩ McCollum và vài vị cộng sự của ông, như các ông Park, Shipley and Sim-

monds loan báo một khám phá mới, một chất sinh-tố mới rất dễ tan trong chất mỡ, mà người ta thấy rất nhiều trong DẦU CÁ THU, vì đây là chất sinh-tố thứ tư mà loài người đã tìm thấy nên chất đó được đặt tên là SINH-TỐ D.

Năm 1927, bác-sĩ McCollum lại có thêm một sứ-mạng mới: giáo-dục công-chúng để hiều rõ sự quan-trọng của thức ăn đối với sức khoẻ và hạnh-phúc. Khác hẳn những đồng-nghiệp khác, tuy đã đóng góp không ít vào nền khoa-học, nhưng chẳng bao giờ đi ra khỏi phạm-vi phòng thí-nghiệm của họ, bác-sĩ McCollum là một nhà bác-học có sứ-mạng quảng-bá quan-niệm mới về dinh-

dưỡng. Năm 1923, ông từng nói rằng: "Con người trung-bình không biết cách tiết chế sự ăn uống của mình. Họ không biết lúc nào nên ngừng ăn, mà cũng ít khi biết nên ăn những món nào tốt.. Ông đã hướng-nghị-lực của ông vào việc giúp-dàn-chúng vượt qua được sự đói nát đó.

Kết-quả của những cuộc thí-nghiệm của ông với loài chuột cho-thấy rõ sự khác biệt giữa những con chuột được dinh-dưỡng đầy đủ và những con thiếu dinh-dưỡng. Đó cũng là một bằng chứng để доказать cho những lời khuyên nhủ của ông rằng sữa và rau-tươi là những "thức ăn có khả-năng bảo-vệ".

* THAO ĐỜI

NÀNG : Tôi hết yêu anh rồi, anh Thu à. Bây giờ tôi yêu anh Xuân. Nè, chiếc cà-rá của anh đã cho tôi, tôi trả lại anh.

THU : Ủ. Mà thằng Xuân đâu ?

NÀNG : Anh hỏi chi vây ? Anh muốn kiểm anh Xuân để đánh lộn với ảnh hả ?

THU : Không. Để tôi bán lại chiếc cà-rá nầy cho nó.

M.H.C.

Tướng Tàu và Trạng Ta

Cả triều đình nhốn
nhạo về cái tin tướng
Trung-Hoa là Mã-Bá
Ôn (cái tên vị nguyễn-
soái Tàu mồi người
nói rỗi khác, không
biết có đúng không. Chỉ biết
không phải là Lưu Bá Ôn) có
nhân dẹp tan loạn Nùng tại Lưỡng
Quảng, Vân-Nam, muôn thura
thắng viễn đấu, đem đoàn quân
Kiêu-Hùng xâm-nhập nước nhà.
Hiện ba mươi vạn quân đã tới;
Cao Bằng, và đóng lại đó nghỉ
ngơi. Bất nhặt sẽ kéo giặc sang
địa phận Việt-Nam. Thế rất lớn.

Tại kinh đô Thăng-Long,
người ta còn chưa biết cử ai làm
tướng để thống-lĩnh ba quân kéo
đi chống giặc. Thì có tin sứ giả
Tàu đã tới, đem theo không phải
là chiểu-thư mà là một bài
thơ. Và một thách thức: họa-lại.

Không bài binh bố trận, nước
đại Trung-hoa mồi nước Việt
Nam tiêu nhược một cuộc chinh
chiến... bằng bút.

Đó là một lối mà người xưa
dùng để đùa xem đối-phương còn

* LÊ VĂN TRƯƠNG

có nhân tài không? Mà cũng có
lẽ vì nghĩ tới những ngày nay xưa
xưa mà đoàn quân Viễn chinh đã
bị đánh không còn mảnh giáp,
cho nên mới dò xét thế. Tuy
muốn kéo đoàn quân thura
thắng chàn vào nước ta, nhưng
Mã Bá Ôn ý hẳn còn ẩn về cái
truyện Ô Mã Nhi bị phơi thây
và Hoàng-Phúc bị sanh cầm,
mới đóng quân lại, làm một bài
thơ lắt léo gửi sang. Chẳng qua
để liệu chiểu mềm nắn rắn buông.



Lúc nghe tin giặc xâm-nhập
biên-thùy mà túc tưống không
ai, một vị quan lớn tại Viện Hàn
Lâm đã nói với bạn hữu một
câu, mà lịch sử ghi nhớ, mà
người sau không thể không
ngẫm nghĩ về cái Kiều, — mà có

lẽ cũng là cái kém của những con người cầm bút ngâm lòng mèo.

— Giá phải là cuộc bút chiến, có phải chúng ta đã gặp cơ hội để vẩy bút thành mưa gió không?



Thần-Khẩu của ông này linh, nhưng tài thơ lại chỉ rất tài... & cái lỗ miệng. Cho nên khi cuộc đánh nhau bằng bút súng đến đúng với lời ước của ông, thì ông cũng như các quan lớn tại triều đường đều lắc đầu le luõi, sờ đến bụng không ai còn lấy một chữ. Những tiếng thở dài lúc đó mới nỗi lên đều một lượt với những lời than của bọn người dốt cổ chưa nhẹ cái... dốt của mình.

— Thơ gì mà các có thể!

— Nó lấy hết cả tú rồi thì còn tìm đâu ra tú để rồi chơi... từng chữ.

Thấy cả triều thúc thủ, đức vua đành hạ chiếu ân xá cho Trạng giáp Hải vì người học trò gởi bài cho con trai ngồi trong kỳ thi mà mắc tội, bị cách xuống làm thưa dân.

Trạng được phục chức và được triệu về triều.

Đọc xong bài thơ, Trạng liền quỳ Tâu.

— Muôn tâu thánh thượng. Đây là... lũ giặc muôn dòn ngọt nước nhà. Chúng đưa thư là để dò xem mình còn có người hay không, và luôn thế để cho gian tế có cá chánh đáng theo vào nước nhà mà dò xét binh tinh. Tiểu thần xin họa lại, lấy cái hùng khí của văn chương áp đảo khiến nó phải khiếp phục cái oai đức của chín bệ mà không dám vọng động. Trong bài thơ, lời lẽ nó khinh bạc, không đáng sợ. Nó dùng cái đầu để «Bèo» để miệt thị ta. Giòng giòng, là dọa dẫm thách thức. Nhưng muôn tâu, ý thơ đã không chánh - thực, hồn thơ lại không quang minh thì lấy đâu ra cái sức bật núi, lay non. Đây chẳng qua là lũ đom đóm chúng loè sáng trên ao bèo trong tắc gang mà thôi.

BÈO

Bài thơ của sứ tau

Tùy điền trực thủy mạo ương chám
Đáo thử khán lai thực bất thâm
Không hữu bàn cản không hữu cán
Cam sinh chi diệp cam sinh tâm.

Đô chi tự sirs minh chi tám
Đàn therc phù thời ná therc chám
Đại đé trung thiền phong khí ác
Tào quy hồ hãi tiễn nan tám.

DỊCH

Theo mộng bán mớc tuồng mạo hé
như kim
Đau gần nhòn thật là không sâu
Không thân minh, không cầm bàn
Dám sinh cảnh lá dám sinh lòng
Chỉ biết thời tụ, chử chưa biết lúc
nào tan
Chỉ biết lúc nỗi, đau hay khi nào
chùm
Vì phòng trong lòng giờ nỗi giờ ác
Quét về hổ bể, khò mà tìm

BÀI THƠ HỌA CỦA GIÁP-HẢI

Cảm lận mặt vật bất dung chám
Đối diệp liêu can bất kẽ thâm
Thường dù bạch vân tranh thủy
diện

Khảng giao hòng nhặt chiếu ba tâm
Thiên tầng lăng đã thành nan phá
Vạn trận phong suy vịnh bắt chầm
Đa thiếu ngư long tang lý đé
Thái công vô kẽ tiễn nan tám.

DỊCH

Bóng bẩy rực rỡ kim không lọt
Liên lá kẽ minh nào cần sâu
Thường cùng mày trắng tranh mặt
nước
Hà đé mặt trời đỏ chiếu vào lòng
sóng
Nghìn trùng sóng vô thành khôn phá
Vạn trận đồng giỗ đánh chẳng châm
Ít nhiều rồng cá ăn nơi đây
Lã vọng nhà bay cũng khó tìm.

Tướng Mã Bá Ôn xem xong
bài thơ họa liền than :

— Nước Việt Nam còn rất
nhiều nhân tài.
Rồi truyền cho rút quân.
Bài thơ cuối được ba mươi
vạn quân Tầu là bài thơ Bèo này.



* UỐNG CÀ PHÊ

Ba-Búa :

— Hết tôi uống cà phê, tôi ngủ hòng được.

Ba-Tèo :

— Tôi, thì hết tôi ngủ tôi uống cà phê hòng được !

M. H. C.

Đơn côi

Mẹ ơi, con tắt đèn đi ngủ,
Trời đã về khuya, lạnh lắm rồi !
Mưa gió ngoài hiên xào xác mái;
Con nấm n火烧 mẹ khóc không thôi.
Gối đầm lệ sầu, con ấp chặt ;
Tim đường muôn xé nát làm đôi.
Vài hình ảnh mẹ về trong trí,
Làm chêt hồn con đến một hồi.
Mẹ đã đi rồi, con mãi hẳn !
Biết đến bao giờ trả khúc-nội ?
Nhiều đêm thức-trắng con nầm nghĩ,
Đến những chông gai của cuộc đời
Mà thấy tâm-hồn đau đớn lạ !
Lạy trời phù-hộ kiếp mồ-côi.
Những đêm mưa gió về trên mái ;
Ấp gối vào tim, khóc hận đời !
Con nhớ làm sao, con nhớ mẹ,
Lệ sầu tuông mái cũng không với.
Mẹ ơi, nhớ quá làm sao được ;
Con khóc thâu canh cả cuộc đời !

LŨ. QUỲNH
(Huế)

T
H
Ơ

TRUYỆN NGẮN PHÔ-THÔNG



« Cô gái cưng

Của Mẹ... »

HÀ hát quay đều trên pick-up. Hà uyển-chuyền lướt nhẹ nhàng trong phòng học, xoay tròn theo nhịp điệu. Hai mắt mờ-màng. Đầu nghiêng về một bên, tình tứ. Tay ôm chiếc gối ôm, áp vào má — nàng đang nhảy với một người đàn ông trong tưởng - tượng. Nàng se-sé hát theo, mấp-máy môi khêu gợi như chờ đợi một chiếc hôn nồng.

Sáng nay, chúa-nhật, ba mẹ Hà cùng các em lên xe di chơi từ sáng sớm. Ở nhà chỉ còn lại một mình nàng. Hà cao hứng

vào phòng học đóng cửa lại, mở pick-up khiêu-vũ. Nắng sáng reo vui tràn lên thành phố. Mấy con chim sẻ lìu-lo nhảy chuyền bên cửa sổ, quanh mẩy chậu cúc vàng. Tiếng nhạc theo gió nhẹ đưa.

Trước cổng nhà Hà, một chiếc xe Hoa-kỳ mui trần từ cuối đường chạy đến, ngừng lại đột-ngoặt. Chiếc xe chui mũi, lún xuống, kéo lết trên mặt đường năm sáu thước mới chịu ngừng hẳn. Buông tay lái, một người con gái trẻ, rất trẻ nhêch miệng cười thỏa mãn. Hai tay xoa vào nhau, lột đôi găng đầy cửa bước xuống đường đi vội vào cổng. Mái tóc nửa hót, nửa

* PHƯƠNG ANH

CON GÁI CƯNG CỦA MẸ

uốn, phía sau cột « đuôi ngựa »
lắc-lư, nhảy theo bước đi.

Nghé tiếng nhạc trong nhà
thoát ra nàng cung uốn éo thân
hình. Hai tay vung lên đánh nhịp.
Miệng nàng hát theo...

... « *Ré si sol, do la fa, si
sol mi... Elle dansait le Baïon
chaque soir... à Paris* ».

Nàng đưa tay đấm cửa phòng
mà nàng biết rằng Hà ở trong
ấy. Đang nhảy Hà dừng chân
lại, cau có :

— Đứa nào thế ?

— Bà đây ! Con Hà đâu rồi ?
Mở cửa cho bà vào !

Hà cười to lên, chắc lưỡi :

— À ! Hách nhỉ ! Con Mánh
mà tao tưởng là ai. Cửa không
khóa. Entrez !

Mánh đẩy cửa vào, nhún vai :

— Lần nào tao đến, cứ y như
là « Anna » ! Mày nhảy với ai
đấy ?

— Tao nhảy với tao, với cái
trống không. Tao nhảy với... một
người trong mộng.

— Thế sao lại ôm chiếc gối
ôm ?

— Ủ ! Không có người dề ôm
thì tạm ôm gối vậy. Không ôm
nhảy ngượng tay.

Mánh nhịp nhịp cặp kính mắt

lên bàn :

— Ước gì lúc mày ôm gối
nhảy có người ta xem chắc thích
lắm !

— Ô ! Mặc ! Bắt chấp ! Tao
xem thường quá, ngoại cảnh ?
« Est le zéro très grand ».

— Lại hách ! Ngon nhỉ !

Hà liêng gối, bước dồn giật
giật « đuôi ngựa » của Mánh :

— Mày định kéo tao đi đâu
đấy hắn ?

— Ủ ! Rước mày rồi đến
rước con Phượng xuống « Pagode »
ăn sáng. Sau đó, đi chụp ảnh,
mua đĩa hát, mua nylon, đi sửa
tóc, đi chơi phiếm. Cả một ngày
chúa nhật. Lắm sao tiêu thụ hết
24 giờ thì thôi. Năm nhà chju
sao nòi. Lại phải cái ngũ túan,
lý hóa thì đến diên mất. Tôi gì !
Xe tao còn bò ngoài ngõ ấy.

Mánh thò đầu ra cửa, nhìn
quanh :

— À ! Hai bác đâu ?

— Ba mẹ tao với mấy em đi
chơi từ sáng ! Nghé mấy kè tao
phát mệt.

— Vậy mày phải trông nhà,
đi sao được ?

— Ô ! Đi thì đi chứ ! Khó
cửa lại, dặn đứa ở hay chỉ bếp
mấy câu dù rồi.

— Hai bác về rầy rà to.

Hà nhêch môi :

— Hè gì ! Ba mẹ tao chưa
mắng thế bao giờ.

— Tùy ! Thế thì đi.

Hà sửa-soạn xong, gọi chị ở
lên :

— Một chốc nữa ông bà về,
chị bảo có cô Mánh đến rù cô
Hai xuống Saigon mua mấy quyển
sách Algèbre chưa ?

Chị ở băn-khoǎn :

— Thưa cô sách chị ạ ?

— Sách Algèbre !

Mánh chen vào :

— Chị cứ nói sách « Ăn-
rệp » tắt ông bà hiểu ngay. Hay
nói theo tiếng Việt là sách « đại
số ».

Ra xe, Mánh lái chạy như
bay đến nhà Phượng. Phượng
chưa dậy, còn ngủ trễ. Cô con
gái út của ông bà Giám-dốc mãi
say sura trong giấc mộng còn
vương dư-hương cuộc ái ân
thoát trần ở Thủ - đúc với gả
tình-nhân tạm bợ tối qua. Mánh
cố ngoan-ngoán, nhu mì nói với
bà Giám-dốc :

— Dạ thưa bác Phượng còn
ngủ ?

Bà ngồi chẽm-chệ, nha trầu
bóm-bém ở sập gu, mỉm cười

sung sướng khoe con gái mình :

— Tối qua em nó thức luyện
bài thi với các bạn ở dãng nhà
con Hoa con anh chị Phú khuya
quá nên còn ngủ muộn. Tôi
nghiệp ! Gần đến ngày thi nên
đêm nào cũng đi học thêm, đi
luyện bài thi khuya lơ khuya
lắc. Bác có khuyên, rầy nó, nó
cũng không chịu nghe, sợ thi
hỗng xấu hổ với bạn bè.

*Mánh suýt bật cười, nhủ
thầm :

— Con này nói lão tài thật.
Đêm qua nó đi với thằng Khanh
lên Thủ-đức tình tự lăng-nhăng
mà ở nhà cứ ngồi luyện bài thi.
Chăm học ? Nó chăm học hơn
cả mình !!

Nàng lể phép :

— Dạ thưa bác, xin phép bác
cho Phượng di chơi với chúng
con một lúc ạ. Luôn thè chúng
con mua một ít sách luyện thi.

Bà đón đà, uốn vành môi :

— Được ! Em nó ngủ trong
phòng ấy. Cháu vào mà đánh
thức nó dậy. Hơn mười giờ,
cũng trưa ! À, này ! Mấy chị
em liệu mà chơi đùa nhá ! Gia-
đinh nền nếp, gia giáo phải vạy
cháu ạ ! Bác thì nghiêm khắc,
luôn luôn trông nom từng ly từng

CON GÁI CUNG CỦA MẸ

tý. Chăm học như mấy cháu vẫn hơn. Chứ như bọn con cái thiên hạ thì giờ cũng đến sập.

Bà cười, rung cả đôi má đầy thịt. Hà ngồi chờ ngoài xe, không thấy tăm hơi Phượng và Mảnh đâu, nàng đi vào. Thấy Hà, bà vui vẻ, âu yếm :

— Ô kia ! Có cả cô con gái cung của tôi nữa kia ! Cô con gái tôi độ này ngoan lâm, lại đẹp hơn lên. Chăm học quá nên trông gầy và xanh hơn trước nhiều.

Hà liền thoáng :

— Lạy bác ạ ! Chúng con mê học đến quên cả ăn, cả ngủ mới gầy thế đấy. Phượng còn ngủ hờ bác ?

— Cô vào mà lôi nó dậy ! Hết

— Vâng ạ ! Đến phiên con đánh đòn cho thật đau.

— Hà và Mảnh nắm tay nhau xông vào giường Phượng, kéo chăn, dựng ngược nàng dậy, dết vào đít mấy cái :

— Có dậy không hờ ? Cái con bé này đến lôi thôi ! Đi chơi, tình tự cho khoẻ xác vào !

Phượng còn dật dờ, hồn gửi tận đâu đâu, bỗng tỉnh ngủ hẳn :

— Chết ! Tụi bay nói to thì

có giết tao. Làm ơn câm miệng cho con nhờ với.

Hà nheo mắt cười rũ ra :

— Cũng biết sợ nůa à !

Nàng thì thầm :

— Thế tối qua, cô cậu đã đi những đâu ? Làm những gì ? Đâu làm những gì nói tao nghe ?

Phượng đỏ mặt nguýt dài :

— Lạy bà ! Người ta làm việc mặc người ta. Hồi đê làm gì chứ ? Thế mọi lần mày với ông tướng ấy đã làm gì ?

— Ô hay ! Tao và hắn có làm gì đâu ?

— Thì tao cũng «ô hay ! Có làm gì đâu» vậy ?

Mảnh nhúróng mi :

— Bọn bay quá là qui sống không bằng ?

— Còn mày là con yêu à ? Mày trong sạch, “ngây thơ cụ” lắm hắn.

— Ủ ! Nó là con “yêu đuôi ngựa”. Đá người ta bay vù vù tao ngỡ trái sao rồi.

Mảnh dấm Phượng và Hà :

— Tao la ầm bây giờ ! Bọn bây có câm lại khêng ? Sửa soạn nhanh rồi còn đi nữa chứ ! Cuộc đời phù du quá, cứ thử, cứ nếm, có cái gì là vĩnh cửu ?

Nửa giờ sau, cả bọn đê huề

CON GÁI CUNG CỦA MẸ

kéo nhau ra xe. Phượng dành ngồi ở tay lái, Hà dìu sang bên:

— Đè tao ! Bạn mày lái tệ lắm.

— Bà thì hay lắm rồi ! Xe này nó thèm hôn lắm. Có cho nó hôn mày đừng cho hôn xe cam-nhông nhá. Tôi mang cả lũ.

Hà cười :

— Tao thì cho hôn Cảnh-sát, có lẽ hơn !

Cả bọn phá lên cười.

Xe chạy vù đi, Phượng mở contact radio Tiếng nhạc ngoại quốc vang theo hai bên đường. Hà cho xe vượt qua hằng bao nhiêu xe trước, ba đài lụa xanh cột tóc bồng lên theo gió bay.

Rẽ sang đường Tự-do, Hà cho ngừng trước nhà hàng « La Pagode ». Ba thân hình kiêu-diễn trong cái tuổi mộng mơ đầy khiêu gợi làm bao nhiêu cặp mắt đồ xô nhìn. Tất cả những đường cong những nét gầy mơ bó trong chiếc áo nylon mỏng sát người luôn luôn ẩn hiện, phô diễn một ý muốn, một cảm nghĩ mới mẻ về bản ngã của con người.

Thoáng có một câu bình-phầm lọt vào tai:

— Modèle 61 !

Hà ngoảnh lại, mấy người Âu nheo mắt bình-phầm. Nàng bảo

hai bạn :

—Ồ ! Cái gì cúng được.

« Phớt » như Ảng-lê. Họ ngờ mình là ca-sí hay minh-tinh, minh-tú gì đây.

Mảnh cao giọng :

— Hắn bọn mình « oai » lắm. Mặc sức cho họ thèm, trông đến mòn con mắt vẫn còn úc.

Vừa ngồi xuống bàn. Phượng quay nhìn ra cửa, bỗng nàng khẽ bấm Hà :

— Thắng nhân tình hụt của tao đấy. Hắn bám tao như đỉa dói. Hôm nay lại tụ tập thêm mấy thắng chầu rìa trông lắc-cắc lẹ.

Hà quay ra thì một tên trong bọn mặc áo rắn-ri, đầu phía trước chải mỏ vịt, phía sau tém đít vịt nhận ra :

— À « Bộ ba tướng sĩ tượng », đi ăn sáng đấy à ?

Hà cười, vui vẻ :

— Chưa ăn thì phải ăn chứ sao ? Các anh đi chơi có vui không ?

Mảnh dẫu cái sắc tay lên bàn. Nàng úc về tiếng « bộ ba tướng sĩ tượng » không biết ai đặt ra, để cho bọn này gọi mình. Thành ngữ này đã có từ hơn năm nay. Các bạn bè quen biết đều gọi thế.

CON GÁI CUNG CỦA MẸ

Bà nàng học khác lớp, khác trường nhưng điều quan hệ hơn là cả ba cùng chung một quan niệm, nhận xét cuộc đời theo một khía cạnh riêng. Vì thế bộ ba này gần như không rời nhau bao giờ đè cùng phô diễn mọi nơi một nếp sống kiêu-kỳ, hồn-dộn.

Mánh nguýt dài :

— Tao ghét cái con Hà lạ ! Nói chuyện với tụi quái ấy làm gì. Toàn là lù cúc đòi trèo thang. Mày chưa thấy tao đã hạ mẩy thẳng lang-bang bạt-tử, cao-bồi cúc cắn ấy sao ?

— Ô hay ! Mày mới lạ ! Trước mặt mọi người phải lịch sự chứ. Cũng thuộc về hàng quý phái, con ông cháu cha, mày nhảm có hơn không ? Cùng quan niệm cùng lối sống mà lại ghét ! Lạ nhỉ !

Phượng khó chịu :

— Thôi xin can hai bà ! Đến đây để dồn Sandwich vào bao tử hay để cải cọ ? Chưa đến lúc phải ra quân, xuất tướng, chống sisi, bay tượng kia mà !

Thế là cả ba lườm nhau cười. Hà cắn một miếng Sandwich, nhấp nháy đôi mi :

— Đúng ! Sandwich ở đây có tiếng là ngon. Thịt nguội thơm

thơm là !

— Jampon d'Alsace thì phải biết !

Bỗng Mánh gõ tay xuống bàn. Anh bồi bàn chạy đến :

— Cô gọi chi ?

— Anh cho Sâm-banh nhé ! Cồ con gà vàng thứ thiệt ấy !

Khách lấn bồi bàn, quản lý khách sạn lấy làm ngạc nhiên khi tiếng nút rượu sâm banh nồ dòn, ly chạm vào nhau ở bàn của Hà. Cả ba ăn uống tự-nhiên như chốn không người. Ở nhà uống Sâm-banh mãi, các nàng có lạ gì. Ai là mặc ai !

Theo chương trình của Mánh, cả bọn ăn xong đi chụp ảnh. Nhưng lên xe Hà bỗng nảy ra ý nghĩ đi qua cầu Tân-Thuận chơi. Hơi rượu bốc lên mặt. Ba nàng tiên kiều diễm của thế kỷ hai mươi, má đỏ bừng như trái cà tôm-mát chín. Trước mắt người những hào quang.

Phượng đưa tay xoa lẩy thái dương :

— Tao nghe nặng đầu rồi đây ! Hai mũi thì nghẹt lại. Mạch máu nhảy mau quá. Tụi bay làm gì thì làm, miễn tao còn sống, bọn mày có chết cũng được.

Hà cười :

CON GÁI CUNG CỦA MẸ

— Mày nhường mắt mà xem
bản lĩnh cô nương. Hà nhận ga
xăng xe lao đi vun vút. Qua mấy
ngã tư đường, Hà muốn thiên hạ
phải nhường quyền ưu tiên cho
mình nên nàng chẳng cần phải
quan sát nữa. Hằng năm sáu
chiếc xe khác phải cắm đầu, chuí
mũi mỗi khi nàng vút qua một
ngã tư đường.

Một anh tài xế nòi nóng la to :

— « È lái kiêu gì vậy ? Bộ điên
rồi hả ».

Xe đã chạy xa rồi, anh vẫn còn
lầm bầm :

— « Rõ là “ngựa”. Xe nhà
binh đâu không ủi nó. Muốn tự
vận mà ! »

Chúa nhật, thiên hạ đi chơi
đông đảo. Trên đường Nhà Bè
tấp nập xuôi ngược những xe là
xe. Hà vẫn giữ tốc độ cố hữu.
Mạnh và Phượng ngả đầu dựa
vào nhau, lim dim đôi mắt hơi
đại đi vì men rượu.

Qua khói dọc kho Thương Khâu
Hà đã thấy dạng cầu Tân-thuận.
Hai bên triền cầu dốc đồ sộ.

cười, bảo Phượng ngồi bên :

— Này Phượng ! Hôm nay tao
trông sao thấy những ba ‘bốn’ cây
cầu, ba bốn cái dốc sâu tối om
om. Nên chạy lên cầu hay đè
dốc ?

— Ủ ! Lối nào chạy được thì
chạy. Có lẽ tao thích đè dốc hơn !
Mày thử một lần xem cho biết.

Hà cố nhìn rõ về phía trước.
Qua nắng trưa và sao rượu chập-
chờn nàng loáng - thoảng thấy
sao cầu nhiều chiếc quá. Đã thế,
dốc hổ lại cứ chặng ngang lối đi.
Hừ ! con đường quen thuộc
ngai gì. Chiếc cầu nào cũng là
chiếc cầu, mà đã là cầu thì xe
cứ vọt qua. Nàng đẹp mạnh ga
thêm.

Hình như có chiếc xe chạy
ngược chiều. Nàng xoay tay
lái một vòng về phía mặt quên
cả trả tay lái trở lại. Trời đang
sáng bỗng tối sầm. Mắt nàng
hoa lên rồi không thấy gì nữa...

Lưng trời có một đám mây
den...



* DANH NGÔN

L'amour et un noble coeur ne font qu'un.
(Âi-linh và tấm lòng cao quý chỉ là một.)

DANTE (Thi sĩ La Mã)

Hai bài thơ SÔNG và CHẾT không phải của cụ PHAN - BỘI - CHÂU

★ LƯƠNG TRỌNG MINH

Lâu nay, các sách Luận đề và sách Giáo-khoa của các vị Giáo-sư xuất bản rất nhiều. Nó chiếm ưu thế trên thị-trường, bán chạy như tôm tươi vì nhờ bàn tay của nam-nữ học-sinh nhúng vào.

Đó là điều đáng mừng cho cả hai đối-tượng. Nhưng rât tiếc là những sách « Luận đề về Phan Bội Châu » có và! điêm không được chính xác. Từ trước đến nay, những sách luận đề ấy đều trích hai bài thơ « Sông » và « Chết » và cho đó là của cụ São Nam Phan-bội-Châu sáng tác.

THEO chở tra cứu của tôi thì hai bài thơ « Sông » và « Chết » là của cụ Nghiêm Giang ĐẶNG VĂN BÁ.

Hai bài thơ ấy như sau :

SÔNG

Sông dại sinh chí đứng chật trót
Sông xem Âu-Mỹ hồ không ai ?
Sông làm nô lệ cho người khiến
Sông chịu ngu si đê chúng cướp

Sông tuởng công danh không
tuởng nước

Sông lo phú quý chẳng lo đói

Sông mà trâu ngựa đừng nên sống

Sông dại sinh chí đứng chật trời

Nghiêu Giang Đặng-văn-Bá

CHẾT

Chết mà vì Nước chết vì Dân

Chết ấy làm trai hết nợ nần

Chết bởi Đông-Châu đói Thất-quốc

Chết vì Tây-Hán lúc Tam phân

Chết như Hung-Đạo hồn thành

thánh

Chết tựa Trung-Vương phách

hóa thần

Chết cụ Tây-Hồ danh chẳng chết

Chết mà vì Nước chết vì Dân

Nghiêu Giang Đặng-văn-Bá

Hai bài thơ này, chúng tôi
trích trong quyển « Thi văn các
nhà chí-sĩ Việt-Nam » do ông
PHI-BẮNG sao lục.

Sách này có nhiều quyển, đây
là quyển thứ nhất do « nhà xuất
bản Tân-Thanh, Huế ». Xuất
bản năm 1939.

Trong quyển này lại có đề-

tura của Cụ THA - SƠN
THẠCH (một biệt-hiệu của Cụ
HUỲNH - THÚC - KHÁNG
ngoài biệt hiệu MÍNH-VIÊN).

Và sau đây là tiểu-sử của Cụ
Nghiêu-Giang Đặng-văn-Bá do
ông Phi-Bằng viết :

... Ông Đặng-văn-Bá,
hiệu Nghiêu - Giang, con ông
Thám-Hoa Đặng - văn - Kiều,
người phủ Thạch-hà Tỉnh Hò-
tinh.

Ông hay chữ từ lúc mới 8,
9 tuổi. Người ta gọi Ông là
Thần đồng.

Ông đỗ Cử-Nhân cùng một
khoa với Cụ Phan-Bội-Châu.

Ông cũng có dự vào phong
trào mới ở Nghệ-tĩnh. Năm
1908, ông bị bắt và bị đày đi
Côn-Lôn cùng một lần với các
ông Lê-văn-Huân, Ngô-đức-Kế.

Ông học rộng, thâm-thúy và
tinh tinh thẳng thắn...»

Hy-vọng rằng quý vị Giáo-sư
sẽ chiểu cố đến tài liệu một cách
chính xác hơn để rồi khỏi phải
cái nạn « tam sao thất bồn ».

Và sau đây, chúng tôi rất
thắc mắc là bài « vịnh Kiều »
này không hiểu tác-giả nó là ai?

HAI BÀI THƠ

Sưu tầm mãi chưa tìm ra gốc
ngọn. Kính mong các bạn xa
gần nếu biết rõ cho chúng tôi
được biết với, trân trọng cảm
 ơn các bạn.

Bài « Vịnh Kiều » như sau :
« Khép cửa phòng thu luồng
đợi chờ
Duyên em mắt nết lự bao giờ

Chàng Kim mê gái công deer.
đẳng

Viên ngoại chiểu con chết ngắt-
ngor.

Nợ trước hẹn hò con dí Đạm.
Duyên sau gấp gối bối cu Từ.
Mười lăm năm ấy bao nhiêu-
suống

Còn trách làm chi chú bán tor ».



* Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ !

Năm rồi nhà tôi soạn nhạc Pierre Cour đem một bản nhạc
của ông đến « Hội soạn Nhạc » để xin bản-quyền. Ông Hội trưởng
hỏi :

— Bản nhạc mới của anh nhau đè là gì ?

Pierre Cour đáp :

— Bản nhạc của tôi nhau đè là « Ủ ».

— Thế thì không được. Vì đã có một bản nhạc nhau đè như
thế rồi.

— Vậy thì tôi đòi là « Ủ, Ủ ».

— Cũng không được. « Ủ, Ủ » cũng đã có rồi.

— Vậy thì : « Ủ, Ủ, Ủ »

— Cũng đã có rồi.

— Thì : « Ủ, Ủ, Ủ, Ủ »

— Cũng đã có rồi.

— Thì : « Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ ».

Rất tiếc, hiện giờ đã có bản nhạc nhau đè đến 6 chữ « Ủ »
lận. Rốt cuộc, Pierre Cour lấy nhau đè bản nhạc của anh là 7 chữ
Ủ : « Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ, Ủ ». Đó là bản nhạc danh tiếng nhất
và được bán chạy nhất ở Paris trong năm 1959.

Bên Đức, cũng dịch ra bán, đè là « Ya, Ya, Ya, Ya, Ya, Ya, Ya ».
Bên anh và bên Mỹ thì dịch là : Yes, Yes, Yes, Yes, Yes, Yes, Yes ».

T. P.

NÀNG CHINH PHỤ TRONG CHINH PHỤ NGÂM

(tiếp theo P. T. số 30)

ĐIỂM 4

Nàng chinh-phụ với chữ Nghĩa

Về chữ *nghĩa*, nàng Mạnh-Khương hỏi :

Khi về, dân chẳng ẩn-vàng ;
Trên khung cùi, dám rẩy ruồng,
làm cao ?

(C. c. 395-396)

Nàng hỏi túc là quyết. Nàng mo-tưởng đến buổi thanh bình, lúc chồng trở về với nhiều chiến công rực rỡ hay vẫn chỉ là một chú lính tròn; trong cả hai trường hợp ấy nàng đều vồn vã đón chào, chứ không tỏ thái độ kiêu hãnh, rứng rưng, nếu chồng không được hiển vinh,

* VŨ-BỨC-TRINH

phú quý. Nàng nhất quyết không học thói vợ Tô-Tần.

Thời Chiển-Quốc (403-221), chàng Tô-Tần, người đất Lạc-Dương, kinh đô nhà Đông-Chu, chuyên học khoa du thuyết với Trương-Nghi tại ông Quý-Cốc Tử, tức Vương-Thiền. Vì chàng hào hức công danh, nên, dẫu chưa thành tài, cũng đã vội xuống khôi núi, về nhà, bán ruộng đất, để sắm áo gấm, xe ngựa, và đem theo 100 cân hoàng kim sang nước Tần, một nước rất mạnh trong thời kỳ Chiển - Quốc. Với Tần - Huệ - Vương chàng để xướng thuyết liên hoành : kết hợp sáu nước Yên, Triệu, Hán, Ngụy, Tề, Sở,

để họ cùng suy tôn nước Tần, một nước rộng bờ ngang. Vì chàng còn hơi kém bờ kiến thức ngoại giao, nên không được vua chấp thuận. Dù thế, chàng cứ đợi chờ mãi hơn một năm; thành thử áo chàng bằng da con điêu màu mun, bị rách toạc. Vàng đem theo, chàng cũng tiêu hết nhẫn. Đừng chẳng được, chàng phải thu xếp dằn thân về quê quán. Chàng xô đổ giày da, bó xà cạp, đi bộ, tự mình quay túi cùng vác sách vở. Mặt mũi hóa đen sì, hình dung khô khan, và bộ dạng xấu hổ. Khi chàng tới nhà, vợ đang dệt trên khung cửi, cứ làm ngơ, không thèm bước xuống làm lễ chào, chỉ đâu không thổi cơm làm tiệc, cha mẹ thấy cách ăn vận của chàng, không thèm hỏi han tin tức. Chàng than thở: « Vợ không kể tôi là chồng, chỉ đâu không kể tôi là chú, cha mẹ không kể tôi là con. Bấy nhiêu nỗi sỉ nhục xảy đến đều tại tôi cả ». Thế rồi, ngay đêm hôm ấy chàng mò hòm, soạn ra mấy chục quyết sách Bình Thư, trong số ấy có một quyền gọi là *Âm Phù* (tức là mèo kín của việc hành binh) do

Khương - thái - Công sáng tác. Chàng quỳ mọp xuống, nghiên cứu từng chữ, từng câu, cho đến khi hiểu thấu thía, rõ ràng. Lúc đọc đã mệt mà buồn ngủ, chàng lấy dùi đâm vào vú, cho tỉnh thức, khiến nhiều khi máu chảy ròng ròng xuống bàn chân.

Sau đúng một năm cố gắng, chàng biện luận rất giỏi và hiểu rõ hình thể của Thất Hùng, tức là bảy nước Tần, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở. Chàng tự cho đã thành tài, mới đi chào đời một phen nữa. Đầu tiên chàng du thuyết vua nước Triệu. Triệu Vương nghe những mưu mèo của thuyết hợp tung, cho là hay quá, liền phong chức Vũ An Quân, và trao ấn vàng, đặt làm tể tướng. Vua cũng tặng cho nào là tiền của, nào là gấm vóc, nào là xe ngựa. Vua nước Triệu đem trình bày thuyết uốc tung tán hoanh của Tô-Tần với các vua năm nước Yên, Hàn, Ngụy, Tề, Sở. Dựa vào thuyết này, sáu nước sẽ liên minh thành một khối theo chiều dọc, để đánh tan kế hoạch viễn giao cản công.

của nước Tần. Đòng thời, họ sê phong tỏa các ải quan, không qua lại buôn bán với nước Tần, để b López nghẹt kinh tế. Thuyết của Tô-Tần cũng được cả năm nước kia công nhận là hay nura. Họ đều phong ông làm tể tướng và mời ông đến viếng nước họ.

Lúc vào thăm nước Sở, ông có đi ngang Lạc-Dương. Cha mẹ vừa nghe tin, liền sai dọn dẹp nhà cửa, quét trước đường lối, sắp tiệc rượu, bày dàn nhạc, và ra mài vùng ngoại ô chừng 30 dặm, để đón rước. Vừa thấy ông, chị dâu liền bỏ lết như con rắn, lạy ông bốn lạy, và quỳ xuống tạ tội mình. Ông hỏi : « Có sao trước chị ngạo nghẽ, mà bày giờ mới tự hạ làm sao ? » Chị dâu đáp : « Tôi tự hạ vì ông Quý-Tử có chức cao, có tiền nhiều. » Ông than : « Thương hỡi ! khi tôi bần cùng, thì dẫu cha mẹ cũng không kể là con; lúc tôi phú quý, thì dẫu người thân cũng nể sợ. Sống trên đời, ai có thể coi thường quyền thế, địa vị, và tài sản được ư ? » Còn

vợ, khi thấy ông đeo quả ấn vàng to lớn giữa những cảnh phú quý, vinh hoa, thời quỳ xuống, cúi đầu, và nghiêng tai, liếc mắt. Nàng chỉ biết phục tòng cách sợ hãi, đâu có dám nhìn thẳng vào ông ?

Cũng vào thời Chiển-Quốc (403—221), ở nước Ngụy, có chàng Nhạc-Dương Tử mồi đi du học được một năm đã trở về nhà. Vợ chàng đang dệt trên khung cửi, hối tại sao chàng về sớm thế. Chàng đáp : « Tôi nhớ mình, về thăm. » Vợ không buồn nói nura, cứ ngồi lỳ trên khung cửi, véné vang, chẳng thèm xuống làm lễ chào, và múc nước cho chàng rửa mặt. Chàng khó chịu, hỏi : « Tôi thương em, về thăm viếng. Sao em lại xử nhạt nhẽo ? » Nàng thưa : « Buổi chàng ra đi, tôi ướt mong chờ chàng học đến lúc công thành danh toại, đeo quả ấn vàng, trở về cách vinh hiển ; bấy giờ tôi sẽ đón rước nồng nhiệt. Chứ hôm nay chàng về suông quá, tôi chẳng thấy ý nghĩa gì... » Rồi nàng lấy dao cắt phăng cánh chỉ, nói : « Học dở dang cũng như đứt nửa chừng. » Chợt hiểu ý tốt của vợ, chàng quay gót đi

ngay. Chàng tìm danh sư, học binh pháp bảy năm trời. Khi về nước, chàng đem sở học ra thuyết cho vua Ngụy-văn-Hầu nghe. Vua cảm phục, liền phong chức nguyên soái và trao quả ấn vàng. Ông trở lại gia-dinh cách hoan hỉ. Phen này vợ ông mới hậu đãi.

Ngược với vợ Tô-Tần, nàng Mạnh-Khương quý trọng người, chứ không trọng của. Nàng giống vợ Nhạc-Dương Tử về tâm tính phi thường, biết khích lệ chồng làm nên việc cao cả, nhưng khích lệ cách kín đáo, khôn ngoan hơn.

Nàng sê hết sức lưu tâm đến chồng, sê đón tiếp chồng hẳn hoi, khi chồng làm xong nghĩa vụ. Nàng hứa :

Xin, vì chàng, xếp bão, cởi giáp,
Xin, vì chàng, giữ lấp phong
sương. (C.c. 397-398)

Đời Thịnh-Đường (627-756), thi hào Đỗ-Phủ viết :

安教壯士挽天河,
淨洗甲兵長不用?

An giao tráng sĩ vân Thiên Hà,
Tinh tẩy giáp binh trường bất
dụng?

« Làm sao có được tráng sĩ

chống đỡ Sông Ngân trên trờ,

Rửa sạch áo chiến, đỡ đạc nhà binh, rồi để lâu, không dùng nữa? »

Ông Đỗ-Phủ ước có vị anh hào ra tay vén màn sương u ám đang che khuất Ngân-Hà, để cho trời được sáng. Bấy giờ vị đó sê rửa đỡ binh nhung cho sạch bụi và máu bôi tanh của quân địch, rồi xếp vào, cắt đi. Thế nghĩa là ông nguyên cho có chiến sĩ đẹp loạn tối đen, để cảnh thái bình tươi sáng trở về.

Vào cuối đời nhà Trần (đô năm 1407) của nước Việt-Nam, vị anh hào ái quốc Đặng-Dung bị quân nhà Minh bắt. Ông viết bài thơ « Cảnh Hoài », trong có hai câu :

致主有懷扶地軸。

洗兵無路挹天河。

Trí chủ hữu hoài phù địa trực,

Tẩy binh vô lộ vân Thiên Hà :

« Tôi có mối hoài bão giúp vua đỡ trực quả đất cho ngay thẳng.

Rửa đỡ binh khí, nhưng không có đường để cứu vãn sông Ngân ».

Ông Đặng-Dung muốn chờ chính nghĩa của càn khôn được sáng, muốn nâng đỡ nhà Trần sấp sụp đổ, và mong có buổi thanh bình để rửa dụng cụ quân sĩ, nhưng không đủ sức làm cho nước ra khỏi bóng tối của mây mù chiến tranh.

Nàng Mạnh - Khương mang nặng tâm hồn giống tâm hồn ông Đỗ-Phủ và ông Đặng-Dung về phuơng diện yêu nước, song nàng còn thêm phuơng diện yêu chồng.

Bài «Tòng Quân Hành» của ông Lý - Kỳ nói đến hai chữ phong sương cách gián tiếp như sau :

*Tướng quân dác cung bắt đắc
không,
Đô hộ thiết y lanh nan truớc.*

«Chiếc cung hình sừng của quan đại tướng không thể giroong lên ; Áo sắt của quan đô hộ thì lạnh, khó lòng mặc nổi.»

Ở miền bắc Trung-Hoa, nào phong, tuyết, nào băng, sương hả hơi rất lạnh, nên, dù quan đại tướng, dù quan đô hộ cũng phải chịu rét buốt. Huống hồ những quan bậc dưới và những

chú lính tron là toán người thường không vận nhiều áo ấm bằng các quan bậc trên mình. Cây cung và áo sắt trở nên những thứ khó dùng hoặc không thể dùng. Riêng manh áo giáp còn dính thêm những lớp sương phủ đặc lại vì hơi gió rét.

Đời Thịnh Đường (627-756) đặt bốn quan đô hộ để trấn thủ bốn bờ cõi : Quan An-Đông đô hộ trấn thủ Cao-Lý, quan An-Tây đô hộ trấn thủ Tân-Cương, quan An-Bắc đô hộ trấn thủ Mông-Cổ, và quan An-Nam đô hộ trấn thủ Bắc-Việt.

Ngược giòng thời gian, đời nhà Tần (255-206), anh Phạm-Thực, chồng của nàng Mạnh-Khương, dù hân ngữ giặc ngoại xâm tại bờ cõi bắc là chỗ lạnh thấu linh hồn. Nàng mong mỏi : khi chồng về, nàng sẽ được giữ các lớp sương đóng ở áo chồng, sẽ cởi ra, xếp lại, rồi sẽ cùng chồng sum họp mà hưởng cuộc sống thanh bình êm ấm.



KẾT LUẬN

Chúng tôi đã trình bày cuộc đời nàng chinh phụ Mạnh-Khương bằng cách nói tóm

thể với hành động của nàng, và ghi chép hai bài minh đà tạc vào bia đá dựng ở bên mộ nàng.

Chúng tôi cũng đã trình bày đức tính nàng gói gọn trong bốn chữ : trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Đến đây, chúng tôi có thể kết luận rằng : Nàng chinh phụ Mạnh-Khương là thiêng phụ gương mẫu, theo tinh thần Á-Đông.

Trải độ 5.000 năm, người Á-Đông đặt nền phuong pháp khôn ngoan cho các đoàn thể và xã hội sống chung một kiểu hợp lý. Phương pháp đó gồm những quy tắc luân thường, ăn khớp với luật tự nhiên. Nhờ đấy, cá nhân, gia đình, quốc gia và quốc tế được duy trì, bảo đảm, điều hòa một cách phải lẽ, để rồi tạo thêm lực lượng đoàn kết, mà nấm

tay nhau trên đường tiến thủ, lập ra những nền văn minh. Vì vậy, các nhà danh nho hay túc nho ở Việt-Nam cũng như ở nhiều quốc gia Phương Đông khác, khi viết văn thơ, quen nhầm vào mục tiêu quý báu của luân thường.

Thế giới ngày nay, sau hai trận chiến, đã giảm sút trong niềm đạo hạnh. Những căn bản nền đạo đức cổ truyền của người Á-Đông phải được nêu cao và nói rõ, để giúp vào việc cai thiện đời sống quá hướng chiều về vật chất mà sao nhăng tinh thần.

Trong số những áng văn ướp hương thơm đức hạnh, một quyển sách hay đặc biệt về cả hình thức lẫn nội dung, một quyển sách đáng đem giới thiệu với người ngoại quốc, chính là thi phẩm *Chinh Phụ Ngâm*.

ĐẦU NGÔN

D'un riche idiot, on dit qu'il est riche.

D'un pauvre idiot, on dit qu'il est idiot.

(*Người giàu mà ngu, thì người ta bảo là y giàu.*

Người nghèo mà ngu, thì người ta bảo là y ngu)

Văn-si Pháp PRANCIS CLAUDE

Chung quanh một bài của giáo-sư
BỬU-KẾ trong tạp-chí ĐẠI-HỌC, Huế

Giặc Chày vôi của
Đoàn - Trưng
mưu toan truất phế
vua Tự - Đức
như thế nào ?

* NGUYỄN-QUANG



Do sự bất ngờ,
chúng tôi được
đọc trong 2 số
tạp chí Đại-
học (số 6 và
10) của trường Đại-học, Huế,
một bài nhan đề : "Từ việc truất-
phế Hồng - Bảo tới vụ phản
nghịch giữa kinh thành" của
giáo sư Bửu-Kế.

Qua nhiều kiến giải trình bày
trong loạt bài nói trên, chúng tôi
nhận định được giáo-sư là một
nhà học giả am bác và phải tốn
khá nhiều công phu tham khảo,

dè viết nên bài ấy.

Nhưng chúng tôi không khỏi
ngạc-nhiên, khi thấy tác-giả nhận
định một cách hơi chủ quan một
trang sử den tối nhứt của triều-
Tự-Đức. Dưới đây, chúng tôi xin
mạn phép trình bày thô sơ quan
diễn khách quan của chúng tôi

trong việc vua Tự-Đức
được tôn lên ngôi

Theo ngoại sử, vua Tự-
Đức tức Hồng Nhậm
không phải con đẻ của

vua Thiệu-Trị.

Tháng 9 năm Đinh vị (1847 dương lịch) vua Thiệu Trị băng hà, theo di chiếu, HỒNG-NHẬM là con thứ hai được lên nối ngôi. Như thế việc Hồng Bảo là con trưởng, không được tôn vị, đã hoàn toàn phá luật lệ xưa nay của Hoàng triều.

Con trưởng không được tôn ngôi, vì dòng thứ, con thứ được kế vị, vì dòng lớn. Phải chăng, ai sanh trước là anh, hay ngược lại?

Sách « Quốc triều chánh biên toát yếu » chép rằng : « ...An Phong công Hồng-Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị nhưng dòng thứ, hay chơi bời phóng đàng. Còn Hồng Nhậm (Tự - Đức) thông minh hiếu-học, được vua mến yêu, dạy phép làm vua... »

Sách « Thực Lục chánh biên đệ tử kỷ » chép : « ...An Phong Công Hồng-Bảo tuy lớn, nhưng dòng thứ, il học, ưa du hí... »

Sau khi vua Hiển Tồ (Thiệu Trị) mất, các quan đại thần là : Trương Đăng Quế, Võ khắc Giai, Nguyễn-tri-Phương, Lâm-Duy-Thiện... tuyên đọc di-chiếu tại điện Cần chánh và dâng thơ xin

Để lên ngôi.

Tuy nhiên, việc truất phế Hồng Bảo để tôn Hồng-Nhậm (Tự-Đức) lên ngôi quả thật là do ý vua THIỆU-TRỊ chăng? Hay là do cuộc âm-mưu của các đại thần, trong đó, theo Sử, ông TRƯƠNG-ĐĂNG-QUẾ là người có nhiều uy thế và quyền-hành hơn cả?

Vì Hồng-Nhậm lên ngôi, lấy hiệu TỰ-ĐỨC, thì Trương-đăng-Quế được phong chức lớn lao đầu Triều, nắm cả quyền thế trong tay.

Thế nên, người ta có thể nói ngay thẳng rằng : việc chọn Hồng Nhậm nối ngôi, không phải tôn ý của vua Thiệu-Trị. Vì nhà vua đâu lại làm một việc trái hẳn luật lệ Hoàng-Triều xưa nay?

Với những lý lẽ đề tôn Hồng-Nhậm, xét ra, không được sáng tỏ, thì người ta có thể hỏi rằng trong lúc vua Thiệu-Trị chọn Hồng-Nhậm nối ngôi, có nhân chứng nào đã biết trước không?

Thêm vào đó, lúc bấy giờ trong Triều, phe của Trương-đăng-Quế mạnh hơn, nên người ta có thể tin chắc, việc tráo đổi di-chiếu, để loại Hồng-Bảo, là một việc có thể thực hiện được.

Ngoại sử nói thêm rằng Hồng Nhậm (Tự - Đức) là con của Trương - đăng - Quế thông dâm bà Từ-Dũ, một nàng phi được vua Thiệu-Trị mến yêu nhứt.

Việc tráo đổi di - chiểu, tôn Hồng-Niệm lên ngôi, đề tăng thêm quyền thế, khi trong tay đã có đủ quyền hành, Trương-dăng-Quế dại gì không làm việc ấy ?

Cứ xem, Hồng-Niệm lên ngôi Trương - đăng - Quế được trọng dụng nhứt và được phong chức tước cao nhứt, mặc dầu chỉ có công dẹp được LÊ-VĂN-KHÔI, so với HOÀNG - KẾ - VIỆM NGUYỄN - TRI - PHƯƠNG, PHAN-THANH-GIẢN... vẫn còn chưa thấm vào đâu.

Thương nữ bất tri vong quốc hận, Cách giang du xuướng Hậu Đinh Hoa.

Nói sơ qua một vài điểm, từ khi Hồng-Niệm được chọn lên ngôi báu, lấy hiệu Tự-Đức, thì mọi việc trong ngoài nước đều giao phó cho triều thần, trong đó có Trương-dăng-Quế.

Nhà vua ham thơ hay, đàn ngọt, săn bắn, chỉ biết hiếu với

mẹ, chứ không biết lo cho dân.

a) *Đối nội* : anh em Hoàng tộc đã hoang mang, không đặt trọng niềm tin tưởng nơi nhà vua nhứt là Hồng-Bảo, Tương-An quận vương v.v...

Khắp trong nước đều có giặc nồi lên chống nhà vua, như giặc CAO-BÁ-QUÁT chẳng hạn.

b) *Đối ngoại*.— Vì bài ngoại và ta đạo, quân Pháp và quân Y-pha-nho đem súng đồng nǎ rền trời, chiếm lần đắt dai.

Các sứ giả PHAN THANH GIẢN, NGUYỄN-KHẮC-ĐÂN, PHẠM-PHÚ-THỨ qua Pháp, chuộc mày tinh miền đông, về dâng sớ, xin vua Tự-Đức mở cửa, tiếp nạp văn minh Âu-Mỹ, bị nhà vua bác bỏ,

Tướng HOÀNG-KẾ-VIỆM liên quân với LUU - VĨNH - PHÚC dâm chết tướng FRANCIS GARNIER ở Ô Cầu Giây Hà-nội, toan lật lại thế cuộc, đã bị nhà vua không lưu ý, nên đã phê vào sớ rằng : «... kim nhặt thỉnh chiến, hậu nhặt thỉnh chiến, chiến di bất thắng, ngô gia mẫu tử trí vô hà đja. » Tạm dịch : « ngày nay, xin viện binh, ngày mai xin thêm binh tiếp viện, đánh mãi chẳng

*thắng, một ngày kia, mẹ con ta
còn đất đai mồ ở ? »*

Đặt lại vấn đề, nếu vua Tự Đức biết nhìn xa thấy rộng, hiểu rõ thiên thời, địa lợi, nhơn hòa, thì các sứ-giả đi sứ về dâng sớ, xin vân minh hóa xứ sở, được nhà vua chấp thuận thì quốc-gia V.N. đâu phải chịu nỗi lầm than gần 100 năm mới dứt ?

Khi ấy, vua Minh Trị Thiên Hoàng của nước Nhật đã khéo léo, lo sóm duy tân dắt nước.

Đối với Hồng Bảo, chúng tôi sẽ nói tới những đoạn sau dựa theo sách sử, là người sóm thức thời hơn, đầu óc tràn ngập những tinh thần mới mẻ, lại không được lên ngôi.

Nếu được lên ngôi, Hồng Bảo sẽ — khác hơn Hồng Nhậm — chắc chắn là vua Minh Trị Thiên Hoàng thứ hai của nước V.N.

SƠN ĐÔNG THÌ TỬU HỘI

Anh em đã nuôi ác ý chống nhau rồi. Ai làm ra cảnh anh em Hồng Bảo và Hồng Nhậm chống nhau ? Đó là câu hỏi then chốt. Xưa nay, lịch sử vua chúa nước ta như thế cả, nhà vua là hư vị, ham hầu non vợ đẹp, săn bắn, để việc nước trong tay các triều

thần siêm nịnh. Thường phạt vô minh.

Vua Gia-Long có công thống nhứt sơn hà, lập cơ đồ triều đại nhà Nguyễn. Thì, vua Minh Mạng bắt đầu làm huy hoàng việc nước, tới vua Tự Đức, quân Pháp và quân Y-pha-Nho đem súng đồng vào đánh chiếm lần đầu.

Đứng trên bình diện khách quan, khi nói tới ĐOÀN TRUNG, chúng ta phải nhận nhận việc làm của họ Đoàn là hợp lý, hợp thời : mưu toan xô ngã ngai vàng của Tự - Đức để đem lên kế vị một vua khác, cung đồng họ Nguyễn, để cứu vãn tình-hình nguy-ngập của nước ta.

Theo giáo sư Bửu Kế, phê phán một cách chủ quan, Đoàn Trung chủ mưu giết Tự - Đức, đế xưng vua, là một tên phản nghịch.

Nhưng chúng ta hãy tìm hiểu Đoàn-Trung là ai ?

Tại làng Tiền-Lệ, phủ Quang Trạch, tỉnh Quang Bình, có dòng giống họ Đoàn, mà gia phả đã nói rằng, Đoàn Trung là tộc họ.

Tại làng An - Truyền, tục gọi làng Chuồn ở Huế, lại có họ

*

Đoàn, con cháu họ Đoàn nhận
rằng, Đoàn Trung là trưởng họ...

Vậy, xin nói ra để giúp các
Sử-gia tìm hiểu.

Đoàn Trung thông minh hay
chứ, nhưng chưa đỗ đạt, lại tinh
thông võ nghệ cao cường.

Thấy vậy, Sử chép : TÙNG-
THIỆN-VƯƠNG gả con gái là
THẾ - CÚC cho ĐOÀN -
TRUNG.

Theo giáo sư Bửu-Kế (tạp chí
Đại-học số 6 và 10) và học giả
Üng-Trình (tác giả cuốn « Tùng-
thiện-Vương ») nói rằng, ban đầu,
khi gả con gái cho Đoàn Trung,
thì Vương nuôi rề.

Thời gian Đoàn Trung ở rề
trong phủ của nhạc gia, không rõ
được bao nhiêu năm tháng. Nhưng,
theo hai ông, Đoàn Trung ở trong
phủ với bố vợ được một thời gian
ngắn ngủi, rồi phải ra ở ngoài.

Lý do, Đoàn Trung hay ngao
du rộng rãi với mọi lớp dân chúng,
kè cả ngoại kiều, nhút là hàng
giáo sĩ tây phương.

Việc thành lập *Sơn Đông Thi
Tựu Hội* của Đoàn-Trung đã lộ
ý chí của người thức thời, sớm
mong mỏi nước nhà qua khỏi vòng
đen tối.

Sơn Đông Thi Tựu Hội

thâu nạp những anh hùng chí sĩ
nặng lòng yêu nước, để sửa soạn
cách mạng chống vua Tự-Đức.

Theo nhà truyền giáo Cadière,
Sơn Đông Thi Tựu Hội được
phản động các thanh niên cấp
tiến, và một số lớn giáo sĩ tông
đồ Việt - Nam lúc ấy hoan
nghinh.

Việc cấm đạo, giết tông đồ là
một việc thắt sách của vua Tự-
Đức, nên một số người hướng
theo *Sơn Đông Thi Tựu hội* của
Đoàn-Trung, gây một hậu thuẫn
đáng kể.

Thêm vào đó, lúc bấy giờ,
Cần chánh Trương Đăng Quế
rất lộng quyền, hâm hại nhân tài
và những nhà trí thức tân tiến.
Vì thế, Đoàn Trung lợi dụng
được lớp người này để gây
phong trào cách mạng, chống vua
Tự-Đức.

**Vạn Niên là Vạn Niêm
nào ?**
**Thành xây xương lính,
hào đào máu dân.**

Việc xây cất Khiêm-lăng của
đức Tự-Đức tại làng Vạn Niên,
theo hai câu ca dao trên, đã nói
lên những nỗi khổ cực của dân
chúng. NGUYỄN - VĂN -

CHẤT, tên dốc biện trông coi việc xây cất Khiêm - Lăng, rất ác nghiệt, gieo nhiều tang tóc cho cho dân quân.

Dân tình ai oán, tràn ngập căm hờn, chỉ mong mỏi một ngày thuận lợi, đứng lên đánh lại bát cơm manh áo.

Thì, Sơn Đông Thi Tửu Hội là bước đầu, ĐOÀN-TRUNG chụp lấy cơ hội xây cất Khiêm-Lăng, đe lôi cuốn dân chúng về mình.

Sơn Đông Thi Tửu Hội làm chay 3 ngày 3 đêm, bẽ ngoài đe thuê mướn dân vào làm công cho nhiều. Nhưng, bẽ trong, họ tuyên truyền những sự vụng về của vua quan, nhứt là việc xây cất Khiêm-Lăng.

Tối mồng 8 rạng ngày mồng 9 năm Bính Dần (1866 dương lịch), vào lúc canh ba, Đoàn Trung hội quân tại chùa PHÁP-VÂN, rồi kéo qua Khiêm-Lăng, làm lễ tế cờ.

Trên một chiếc vông điếu, Đoàn-Trung giả làm Tham Tri Bộ Công tới thanh tra công việc ở Khiêm - Lăng. Và, định bắt Nguyễn-văn-Chất, nhưng Chất khi ấy lại vắng mặt.

Thống-chế NGUYỄN-VĂN-

XÃ bị trói lại và Đoàn Trung hô to khau hiệu : « Ta phung sắc báu ngay công tác này, công tác đá làm khò cho lè dân.

Vậy toàn dân quân hãy theo ta trở về kinh thành, đe lập ĐINH ĐAO lên ngôi. Rạng ngày sẽ làm lễ bái hạ. Nếu kẻ nào trái lệnh, sẽ bị chặt đầu ngay. »

Quân dân, khi ấy, vì quá khồ, đã có người cầm đầu, liền đứng lên reo hò, hăng hái theo về công hâm thành nội.

Một việc chứng rõ là TÔN-THẮT-CÚC — người hoàng phái, viên cận thần, ăn lộc của Tự-Đức — đã làm nội ứng cho quân Đoàn Trung, thì dù hiều ché độ dân-công lúc ấy bắt công là dường nào.

Với một chiến pháp hồn hôi, quân Đoàn-Trung chia làm 3 đạo tiến về Hoàng thành.

a) Tiền-Đạo do ĐOÀN-TRỰC, NGUYỄN-VĂN-VỐ chỉ huy.

b) Trung - Đạo do ĐOÀN-TRUNG, ĐOÀN-ÁI, PHẠM LUƠNG, lãnh đạo.

c) Hậu-Đạo do TRƯƠNG-TRỌNG-HÒA, NGUYỄN-VĂN-QUÍ (nhà sư chùa Pháp-

Vân) điều khiển.

Tiền và trung đạo tiến sâu vào cửa Chánh-Nam, theo cửa Ngõ-Môn, rẽ hai làm cánh quạt, tới kho cầm ý và khí giới để cướp vũ khí.

NGUYỄN - TĂNG - HƯU
đoạt được một thanh gươm trao cho Đoàn-Trung và ra lệnh quân lính dưới minh không được chống lại.

TÔN-THẤT-CÚC từ Đại-Cung môn di ra hợp lực với nghĩa quân. Vì đêm nay, đêm mồng 8 rạng ngày mồng 9, là ngày trực của Tôn-thất-Cúc tro ngonoi.

Lúc này, chỉ có **NGUYỄN-THANH, PHẠM - VIẾT-TRANG** và **HỒ - OAI** quyết ra sức chống giữ cửa thành không lay chuyển.

HỒ-OAI, một võ tướng, có sức mạnh phi thường, quê người Đồng-Hới, hiện có con cháu làm nên sự-nghiệp.

Xuyên qua khe cửa, Đoàn-Trung dưa thanh kiếm rạch xuống một đường mạnh, lấy mắt cái tai của Hồ-Oai. Về sau vua Tự-Đức làm cho Hồ-Oai một cái tai bằng vàng, để thưởng công khó nhọc.

Vì thế, nghĩa quân không nhập nội được, liền di chuyển sang điện Thái-Hòa. Đoàn-Trung lại hô to : “**Đội loạn giá đâu, hãy mau đem kiệu ra trước Hoàng-tôn vào, để lên ngôi Hoàng-đế**”.

Kiệu vừa đi được một đoạn, thì bị quân lính của Hồ-Oai đuổi theo đánh, chạy tan tành, bắt được Đoàn-Trung và các tướng lanh.

Tả vệ Hiệp quản **VỐ-GIÁC** nồi trống lên, thúc quân theo nghĩa quân.

Còn đạo quân tập hậu, khi tới bến Hương Giang, được tin 2 đạo quân trước đã bị Hoàng quân đánh tan rã, liền tự giải tán.

Phản đông nghĩa quân đều là dân chúng xây cất Khiêm Lăng, dùng chày quết vôi, nên khi hướng ứng phong trào, liền cầm chày vôi đi theo nghĩa quân.

Bởi vậy, người ta mới gọi cuộc khởi loạn này là **giặc chày vôi**. Đoàn Trung bị bắt giam, đợi ngày ra trả lời trước pháp lý. Nhưng cần phải nói rằng, Đoàn Trung đã sanh lầm trong thế kỷ, công việc làm của người họ Đoàn tuy không thành công nhưng cũng “ thành nhân ” đó vậy.

Nếu vua Tự-Đức bị giết, thời cuộc lúc bấy giờ chưa biết sẽ đi về đâu !

Giáo sư Bửu Kế nói : “ . . . Nếu Hồng Bảo đang còn sống, thì trong Triều cũng còn nhiều người đi theo, nay Hồng Bảo đã mất, chỉ còn Đinh Đạo, chưa biết sự thè ra sao . . . »

Như vậy, công cuộc khởi nghĩa của Đoàn Trung chưa đựng một ý nghĩa cách mạng chớ đâu phải một vụ phản nghịch ?

(kỳ sau tiếp)

MỐI TÌNH CAO - THƯỢNG CỦA Công-Chúa QUMA

hy - sinh tính mạng vì người yêu

hay là :

LỊCH-SỬ XINH ĐẸP CỦA VIÊN THUỐC KÍ - NINH CHỮA BỊNH SỐT-RÉT.....

NÓ I đến bệnh sốt rét, trăm nghìn người như mây, đều liên tưởng đến chất KÍ-NINH. Từ bao thế kỷ qua, kí-ninh vẫn được xem là một thần dược trong công cuộc tiêu diệt virus sốt rét. Chất kí-ninh lấy ở vỏ cây CANH-KI-NA. Nhưng vì sao nhân loại biết dùng chất kí-ninh để chữa bệnh sốt rét? Đó là then chốt của một câu chuyện ly kỳ đẹp đẽ sau đây.

Thành Lima 1645

Mùa xuân vẫn ngự trị trên châu thành Lima xứ Pérou, một vùng trù mật của Nam-Mỹ, nằm ven Thái bình dương. Song đúng

nửa tháng nay một thảm họa lan tràn châu thành. Kiều dân Tây ban Nha đang thấp thỏm lo âu trước lưỡi hái của Tử thần. Bệnh viện duy nhất của châu thành không còn lấy một chỗ trống.

Chung quanh châu thành, các chay dòng Tên đã phải biến tu viện thành bệnh viện. Mỗi một ngày trôi qua, Lima mất đi một vài sinh linh. Tử thần vẫn làm trọn nhiệm vụ một cách hăng hái... Bệnh trạng này tái diễn mỗi năm, sau một mùa đông giá rét. Theo phong thõi địa phương, cứ những mùa đông từ tháng 5 cho đến tháng 10, cảnh vật chìm đắm trong sa mù "garna", không khí nặng nề, bứt rút khó thở. Đó là những yếu tố gây hao mòn cho những buồng phổi. Rồi mùa xuân sang, khi nắng vàng chảy mênh mang trong khắp nẻo đường xứ

* TRẦN HUỲNH HOA

ở và đang cố lau sạch những vết phong sương còn dang díu trên ncây ngàn, cỏ nội, thì, khí độc cũng bắt đầu tan tỏa. Bệnh sốt rét lan tràn như một vết dầu loang. Mọi cố gắng của các nhà y học trời Âu đều vô hiệu quả. Giữa sự phủ phàng của Tạo hóa, dân da đỏ Incas ở những vùng ngoại ô châu thành, vẫn ung dung sống một cuộc sống thanh thản. Họ như sung sướng chứng kiến cái thảm họa tàn khốc đó hoành hành trong đám kiều dân Tây ban Nha. Một thắc mắc in sâu trong trí não mọi người. Các cố đạo dòng Tiên cho rằng dân Incas có một thần được bí truyền.

Nữ Bá-Tước ChinChon lâm bệnh

Dinh-thự của phó-vương xứ Pérou vẫn ngao-nghẽ soi mình trên mặt nước sông Plaza de Armas. Nhưng một hôm, nữ bá-tước Anna Osorio de Chin-chon lâm trọng-bệnh. Trong cơn mưa gió phủ-phàng, kẽ yêu hoa thấy lòng mình đau xót; trước sự dồn vật của bệnh-tình, nữ bá-tước với nhan sắc diễm-lệ, chòng nàng—phó-vương Pérou—

sao khỏi lo âu. Các lương-y quanh vùng đều được mời tới, song cơn sốt của nữ bá-tước vẫn không một phần thuỷn-giảm. Trước tính mệnh “chỉ mảnh treo chuông” của vợ, phó-vương cho mời gấp đức cha Barnabé de Coba, người cầm đầu các cố-dạo dòng Tiên ở Lima, người chú-tâm-khảo-cứu về khoa-học. Phó-vương yêu-cầu cha cố-gắng cứu-chữa nữ bá-tước. Cha Coba ngần-ngại bảo phó-vương: Một giải-pháp cuối cùng đè cài-tạo hoàn-cảnh hiện-tại là ngài phải cắp-tốc đến Laxo. Chính ngài phải đích thân cầu-cứu hoàng-tử Garcillasvo. Con người duy-nhất có đủ phuơng-tiện và quyền-lực giúp ngài. Nếu ngài muốn, tôi sẽ theo ngài trong sứ-mạng khó-khăn này.

Hy-vọng thật mong-mạnh nhưng thương nhau tam tú núi cũng trèo kia mà! Không do dự, phó-vương liền ra lệnh cho đội kỵ-mã cùng ông thẳng tiến về hướng Laxo,

Garcillasvo từ-chối

Có ai khoan-dung và đại-lượng

để giúp đỡ kẻ thù đã từng tiêu diệt cả dân-tộc mình ! Hoàng tử Garcillasvo vốn giòng-dõi của các lãnh - tụ Incas. Giòng-dõi Incas đã bị người Tây-ban-nha đánh bại. Đế-quốc Incas, một vùng phì - nhiêu chạy dài từ Quits đến Tucuman cũng bị người Tây - ban - nha tiêu diệt. Sau cuộc thảm-bại này, người dân nô-lệ Incas bị bắt đi « dân-công » trong các hầm mỏ. Như dân ta dưới thời Minh thuộc, người Incas chết hại rất nhiều. Giờ đây bệnh sốt rét, hiem - họa lớn lao kia, là một quả - báo đương - nhiên của kẻ gây tội ác, của bọn người xâm - lăng Tây - ban - nha. Người Incas quan-niệm như vậy.

Tuy được phó vương trao tặng nhiều châu báu, nhưng Hoàng tử vẫn từ chối và nhất quyết không tiếp phó vương. Trong căn phòng của biệt thự, Hoàng tử uy nghi và thản nhiên nhìn ngọn lửa hồng cháy bập bùng trong lò sưởi. Mặc những lời cầu khẩn tha thiết của cha Coba, Hoàng tử lạnh nhạt đáp :

Nếu người da trắng Tây ban nha biết dùng bạo lực bóc lột tài sản, cơ nghiệp của dân tộc xứ này

thì lẽ tất nhiên họ có đủ tài trí để tiêu trừ bệnh sốt rét :

Màn chiều buông mùa ảm đạm. đâu đây tiếng quạ kêu sương...

Một tia sáng hy-vọng

Hạ sĩ quan Pedro Ribas thuộc quân đoàn đóng ngũ tại ngoại thành Laxo. Biết rõ duyên do sự cầu khẩn của phó vương với lãnh tụ Incas, và trông gương mặt thiều nãu của phó vương khi già từ biệt điện của hoàng tử Garcillasvo, Pedro Ribas biết ngay cuộc thành khẩn của phó vương thất bại. Pedro Ribas bèn tỏ ý với phó vương và hứa sẽ cứu nũ bá tước. Có ai dám tin lời của viên hạ sĩ quan này ! Trong lúc mọi người đều nghi ngờ, thì Pedro Ribas thản nhiên bảo rằng anh ta và Quma đã yêu nhau. Nàng là công chúa, con của hoàng tử Garcillasvo. Cảnh rường thơ mộng phụ cận thành Laxo là nơi gặp gỡ của đôi nhân tình khi màn đêm buông rủ. Theo theo lời yêu cầu của Pedro Ribas, công chúa đã tự tay cứu sống nhiều binh sĩ Tây-ban-nha mắc phải chứng bệnh như nũ bá tước. Pedro Ribas hứa sẽ về Lima ngay sau khi nhận được thuốc của

công chúa Quma.

Người đàn bà trong đêm tối

Đêm xuống. Trên nền trời, những vì sao lấp lánh như những hạt kim cương đính trên tấm màng nhung căng thẳng... Giữa sự tịch mịch của đêm trường, một người đàn bà, mặt bao lưỡi, đèn biết thụ phó vương, và nàng được đưa ngay vào phòng bệnh của nữ-bá-tước. Một nhúm bột màu nâu sẫm được hòa tan trong một tách nước nóng. Trước thái độ có vẻ nghi ngờ của phó vương, người đàn bà hiều ý, mỉm cười, bung tách thuốc nhấp trước. Tin tưởng một phần nào, phó vương cho nữ bá tước uống nốt chỗ còn lại. Một giờ sau cơn sốt thuyên giảm. Thế là vợ phó vương thoát chết. Nhưng...

Một thi hài tan nát

Người đàn bà bí mật, chối từ tất cả các lễ vật phó vương trao tặng. Nàng lên ngựa băng rừng trực chỉ hướng Laxo. Song sáng hôm sau người ta lại tìm thấy thi hài nàng nằm cách dinh thự phó

vương khoảng hơn 100 thước. Một mối tình gãy vỡ ! Một thi hài tan nát ! Nạn nhân, lưỡi bị cắt lìa khỏi miệng, mắt chỉ còn là hai hố trũng sâu trên gương mặt be bét máu, và một lưỡi dao cắm sâu giữa ngực. Than ôi ! vòng quanh chân trời, góc bè, có những kè chẽ vì một mối tình ! My-Chau vì Trọng Thủy, nên đã bị gươm cha chém hồn lìa khỏi xác. Quma vì Pedro Ribas, mà thây nát giữa rừng xanh dưới lưỡi kiếm phủ phàng của Garcillasvo.

Bột cải-tử hoàn-sanh

Vốn chuyên - tâm khảo - cứu khoa-học, và từ lâu thắc-mắc về linh-dược này, cha Coba, nhân cơ-hội này đã giấu được một ít bột thuốc của công-chúa Quma. Sau vài ngày tìm-tòi phân-tích, Cha Coba mới biết đó là bột vỏ cây Canh-ki-na. Điều này giải-thích sự bí-mật của dân Incas. Khi bệnh rét phát khởi, người dân Incas thường múc nước ở giếng về uống. Dưới những giếng đá này họ ngâm những bó vỏ cây Canh-ki-na. Cha Coba bèn đích-thân lột một số vỏ về tán bột và phát

cho dân Tây-ban-nha khi họ nhuốm bệnh. Từ đấy bệnh sốt rét không còn là một hiểm-họa nữa, và danh-từ : « Vỏ cây của Cha dòng Tên » ra đời.

Bốn năm sau, trên đường về xứ sở, nữ bá-tước De Chinchon không quên mang theo một số bột Canh-ki-na. Đó là một món quà quý giá, bà dâng tặng Hồng-y giáo-chủ Joannes de Lugo. Và đức Hồng-y đã trao lại cho Giáo-hoàng.

Năm sau, nghĩa là vào năm 1650, Đông cung thái tử Pháp lâm trọng bệnh. Một mối lo âu đè nặng cả kinh thành Ba lê. Đông cung mới 12 tuổi, ngài bị lén cơn sốt miên man, mỗi thời khắc trôi qua, là một bước, ngài đi dần về cõi chết. Nước Pháp vốn là cô con gái đầu lòng của Giáo hoàng La mã, nên khi hay hung tín, Giáo hoàng bèn tức tốc phái Hồng y Joannes de Lugo mang sang Ba lê một ít bột của nữ bá-tước Chinchon. Nửa giờ sau khi uống tách thuốc đầu tiên, cơn sốt giảm dần và Đông cung thoát khỏi lưỡi hái Tử thần. Nhờ chút bột Canh-ki-na, Đông cung sau này nghiêm-nhiên là hoàng đế Louis XIV của Pháp.

« Bột của nữ bá-tước », đó là danh từ thứ hai được dân Ba lê loan truyền.

Chất Kí - ninh

Từ đó, nhân loại vẫn dùng Canh-ki-na để trừ bệnh sốt rét. Cho mãi đến năm 1820 người ta mới phân tách được chất Kí-ninh ra khỏi vỏ canh-ki-na. Đó là do thiện chí của Pelletier và Caventou hai nhà bào chế sự danh tiếng. Ngày nay, nơi trang tự diền y khoa, chúng ta thấy có danh từ « Chin-chonicine ». Bác học Pasteur đã đặt danh từ đó cho 1 hợp chất của Kí-ninh, để nhớ mãi câu chuyện bà bá-tước Chinchon...

Giòng thời gian vẫn lặng lờ trôi chảy, cuốn trôi đi bao lịch sử u hoài. Nơi trang sử dân Việt, mối tình Mỹ châú, Trọng Thủy, vẫn còn nhắc nhở mãi với chuyện Ngọc trai và nước giềng Loa thành. Nhưng từ trước đến nay, mối tình của công chúa Quma đã đi sâu vào quên lãng. Một mối tình tan vỡ, một cái chết thảm thương, nhưng nhân loại có biết đâu chính công chúa Quma đã mở con đường sống cho bao triệu sinh linh trên thế giới.

những áng thơ hay

XUÂN MONG ĐỢI

→

I

Cỏ biếc xanh ròn liễu óng tơ
Lối mòn rải rác cánh hoa mơ
Cung đàn thôn vắng say trăng
nước.

Tiếng dịch sông khuya nhở bến
bờ.

Sương lạnh lung rời hồn lạc
lõng,

Gió húi hắt thổi mong bor vơ.
Người đi cát bụi ngoài muôn dặm,
Mây núi, hương rừng, lòng ý thơ.

II

Thơ nhạc kinh thành gửi bốn
phương.

Lá rời đè ngập lối Chiêu-Dương.
Năm về gióduc bao nhiêu hương
Chiêu xế trăng buông mây ngả
đường.

Những raps bê trời xây sự nghiệp
Đâu ngờ thân thế lụy văn chương.

★ THẨM THỆ HÀ

Ngồi đây dong nến chờ mai sớm,
Ngựa hí, hoa mừng, gói nồng
sương.

III

Sương rơi rơi lệ cũng rơi rơi
Bến cũ đờ ngang vắng bóng người.
Đất lạnh, xóm nghèò, hoa chật
nở,
Lều tan, sông quạnh, nước buồn
trôi.
Ai vè có ngãm cầu chênh nhịp,
Ta đến xa trông sóng nửa vời.
Ngợ ngác xiêm-y, năm đà muôn,
Cánh đào thấp thoáng rung nơi
nơi.

IV

Nơi nao khắc hẳn khác nơi
này,
Men rượu sông hồ ngát ý say.
Chợ sớm ăn cần khi họp mặt,
Quán chiều căn dặn lúc chia tay.
Trăng son cuốc mượt hơn màu
lụa.

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Sương ảm quan mờ ám bóng mây.
Suối nước, rùng hoa ôi diễm ảnh
Ta xuôi Kinh-Bắc chốc bao ngày.

V

Ngày muộn hương gây cúc nở
vàng.
Hiên nào nắng chêch gởi buồn
sang.
Tơ chùng cửa khuyết sao ai oán,
Gót lạnh kinh thành đến dở dang.
Mây bốn phương bay, sầu mây
hướng,
Gió năm canh thòi, lệ đồi hàng.
Thu qua, đông hết, ôi tâm sự
Lá rụng ám thăm bóng Liễu trang

VI

Trang lại từng trang dở trước đèn
Ngàn xưa kẻ sĩ há cầu yên.
Thành Mê nếu mai vui tor tóc,
Sử Việt đâu còn đẹp bút nghiên.
Sóng nước Châu giang hồn tuấn
kiệt,
Mây trời Yên-thể bóng thuyền
quyên.
Ngâm câu kim cò, xây tin tưởng,
Phố giữa mưa bay tiếng lục
huyền.

VII

Huyền cầm ta gầy đè ai nghe,
Trong lúc tàn đông, nắng mới vè.
Áng cỏ xanh ròn mây bát ngát,
Mặt hồ trong vắt liễu lè-thè.

Ngựa xe, tơ lụa, bay trăng lối,
Hải hán, vàng son, ngsợp bốn bề.
Đây chốn hoàng-thành hoa chớm
nở,

Còn ai nghĩ đến cảnh đồng quê.

VIII

Quê tôi khóm cúc vẫn lên hoa,
Cảnh có như người nhớ chốn xa ?
Ngô trước vườn sau đành trống
trái,
Nhà xưa miếu cũ hẵn phôi-phá.
Sương dồn dồn liết dòn mùa lá,
Gió dục sang canh: mây tiếng gà.
Óc cháy, hồn tan, than vối thế,
Những gì đè lại một năm qua ?

IX

Qua rồi mộng đẹp của ngày xanh
Tỉnh giấc: trà xuông, liễu rủ
mành.

Còn một cây đàn trên vách cỏ,
Có dăm pho sách dưới lều tranh
Vườn hoang bướm trắng bay thơ
thần,

Ngô vắng hoa đào rụng mỏng
mành.

Xa lảng dấu thôn chờ nhạc ngựa
Chuông rèn lịch mịch nèo âm
thanh.

X

Thanh sơn thanh thủy vẫn chờ
người,

*Đã mấy mùa hoa kém về tuổi.
Đất tỏa nguồn hương, thơ rộn rã
Nước lồng sóng nhạc, gió chơi
vơi.
Nhấp ly-bồi tửu, đau cung kiếm,
Đập bản đồ thư, giận bè trót.
Hãy rắc thêm trầm cho khói lồng
Đè lình Ý gởi đến xa xôi... .*

NGÂN-GIANG NỮ-SĨ

Một mùa xuân xưa, có một người thơ nhung-nhớ một người dè dặt nên bài «Xuân mong đợi». Chàng ra đi từ lúc nào, không ai biết. Qua những lời thơ chan-chúa u-hoài của người mong đợi, ta chỉ biết nơi chàng đi có mây núi, hương rừng, trăng sơn-cước, sương ái-quan và có tiếng nhạc ngựa vang rền trên bước đường phiêu dạt...
 ★ Thế rồi xuân lại về trên cỏ biếc, hoa mơ, trên lối mòn nơi thôn vắng, mà gót chân phiêu-lâng vẫn biến-biệt nơi phương nào. Cung đàn đêm nay đường như say cùng trăng nước, tiếng địch trên sông đường như chạnh nhớ bến-bờ, nàng cảm thấy như hồn lạc-lõng theo sương rơi, mộng bơ-vơ theo gió thổi. Sương rơi lạnh-lùng làm hồn ai thêm giá lạnh. Gió hiu hắt thổi làm cho mộng lại phiêu-diêu man-máu, đeo đẳng giữa canh tàn.

Ôi ! hồn, mộng đêm xuân sao mà não-nùng đến thế !

Lời thơ óng chuốt thăm đượm tình người. Điệu thơ nhịp-nhàng như cung-dàn, tiếng địch. Dàn còn biết say, địch còn biết nhớ, lòng người sao khỏi say, nhớ mênh-mang.

★ Nàng chẳng những hay thơ mà lại còn sành nhạc. Những lúc buồn dâng man-máu, nàng thường mượn nhạc, thơ dè phô bản dàn lòng. Nhưng thơ viết dè ai xem ? Nhạc khai dè ai nghe ? Nàng dành mang cái ảo-vọng gửi thơ, nhạc ra bốn phương dè tìm tri-kỷ. Thật chỉ có một tâm-hồn giàu mơ-mộng mới có một ảo-vọng lạ thường !

Rồi lá rơi ngập lối, gió c'ục bao nhiêu hướng, trăng buông mây ngả đường. Năm mới đã về mà sự nghiệp chưa thành, thân còn vướng lụy. Nàng dành ngồi chong nến chờ mai sớm với hy vọng sẽ đón người về.

*Ngồi đây dong nến chờ mai sớm,
Ngựa hí, hoa mừng, gót nàng
sương.*

“ Hy-vọng bừng lên trong lòng nàng, rộn-rã như tiếng ngựa hí, vui tươi như đóa hoa mừng góp chân của chàng tráng-sĩ đã dày-

dạn nắng sương. Lời thơ thật là
diễn-lệ, ý-tình thật là thắm-thiết
biết bao !

* Nhưng bao lần sương rơi
chan - hòa cùng lệ, bến cũ đò
ngang vẫn vắng bóng người. Hoa
dường như chậm nở, nước dường
như buồn trôi. Ngoại-cảnh mang
lấy hồn người như muốn kéo
thời-gian lại. Và còn cảnh nào
làm bâng - khuâng lòng hơn là
cảnh :

*Ai về có ngắm cầu chênh nhịp,
Ta đến xa trong sóng nửa vời.
Ngơ ngác xiêm y, năm đã muộn,
Cánh đào thấp thoáng rung nơit
nơi.*

Nhưng nét phác tuy đơn-so
nhưng thật là tuyệt-mỹ. Có ai
từng ngắm một chiếc cầu chênh
nhịp mới cảm-thông được sự dang
dờ của tơ duyên. Có ai từng ngắm
những làn sóng nửa vời mới cảm
thông được nỗi nhớ-nhung giữa
cảnh nghìn trùng viễn-cách. Và có
ai từng ngắm những cánh đào thấp
thoảng rụng mới nhận-thức được
cái đẹp tương-quan giữa ngoại
cảnh và lòng người

* Sóng trong nhớ-nhung, nàng
sinh ra mơ-mộng. Nàng mơ đến
cảnh chợ sớm cùng ai ân-cần họp
mặt, cảnh chợ chiều cùng ai bận-

rịn chia tay. Nàng mơ đến những
cảnh :

*Trăng son-cuốc mượt hơn màu
lụa.
Sương ải-quan mờ ám bóng mây.
Suối nước, rừng hoa, ôi diễm-
anh.*

Những cảnh ấy chỉ dành riêng
cho những kẻ ngát ý sông hồ.
Cảnh nào cũng đẹp, cảnh nào cũng
nên thơ. Dưới ngồi bút tài-hoa
của nữ sĩ, bao nhiêu hình-ảnh đó
hiện ra lung-linh và huyền-ảo, có
năng-lực quyến-rũ lạ thường.

* Ngày tháng vẫn lạnh-lùng trôi
qua trong sự chờ đợi, nàng âm-
thầm sống với dĩ-vãng buồn tênh.
Hương hoa chỉ gây thêm mùi
nhớ, nắng chéch chỉ mang đến
sự buồn.

Tâm-trạng nàng là tâm - trạng
của một kẻ cô-dơn, nàng nhìn
ngoại-cảnh qua một bức màn đen
tối, nghe âm-thanh cũng ai-oán
não-nùng, cho đến nỗi trông mây
bay mà vương sầu, nghe gió thổi
mà rơi lệ :

*Mây bốn phương bay, sầu mây
hướng,*

Gió năm cảnh thổi, lệ đôi hàng.

Tình-cảm của nàng biến-chuyen
từ nhớ-nhung man-máy, nhợ-nhang
đến buồn thảm, ủ-ê, thảm-thiết.

Sự diễn-tiễn tình cảm ấy là kết-quả của sự giao-cảm giữa ngoại-cảnh và nội-tâm và cũng là tiếng *tơ* đang rung lên những âm-thanh trác tuyệt.

* Tình-cảm của nàng đang diễn-tiễn theo chiều xuống, bỗng nhiên dừng lại nhờ sự can thiệp của lý-trí. Dưới bóng hoa đèn, nàng dở-lại những trang sử cũ, để rồi thấy nỗi buồn tiêu tan và những tình-cảm trong sáng bắt đầu chớm nở. Hình-ảnh của những trang anh-hùng, liệt-nữ đã chiếu ánh sáng vào tâm-hồn u-ám của nàng. Nhịp thơ đến đây bỗng chuyền-diệu :

Thành Mê || nếu mải vui tơ-tóc,

Sử Việt || đâu còn đẹp bút-nghiên.

Sóng nước Châu-Giang || hồn tuấn-kiệt.

Mây trời Yên - Thế || bóng thuyền-quyên.

Nhịp của cặp { 2 + 5 } Điệu
Thực { 2 + 5 } Hùng

Nhịp của cặp { 4 + 3 } Điệu
Luận { 4 + 3 } Trầm-Hùng

Nhờ sự chuyền-diệu mà lời thơ trở nên hùng-tráng, nhịp thơ tiết-tấu như một điệp-khúc hành quân.

Cái khéo-léo là tác-giả không nói tên những nhân-vật lịch-sử, nhưng tự sự-kiện cũng đã tiết-lộ một cách rõ ràng.

* Những trang lịch-sử vè-vang đã đem lại cho nàng một nguồn tin-tưởng. Tình-cảm của nàng khởi sự chuyền-hướng theo chiều lên. Nàng thấy tâm-hồn thơ-thới như vừa cởi được lớp ủy-mị, bi-quan. Cảnh tàn đông, nắng mới trở nên sáng-lạn, tung-bừng. Nhịp thơ đến đây cũng trở nên tung-bừng, rộn-rã :

Áng cỏ xanh ròn || mây bát-ngát,

Mặt hồ trong vắt || liễu lê-thê.

Ngựa xe, || tơ lụa, || bay trầm lối.

Hài hán, || vàng son, || ngợp bốn bề.

Nhịp, cặp { 4 + 3 } Điệu tung-bừng
Thực { 4 + 3 } Hùng

Nhịp cặp { 2 + 2 + 3 } Điệu
Luận { 2 + 2 + 3 } rộn-rã

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Nhạc thơ thật là phù-hợp với ngoại-cảnh và lòng người.

❖ Tâm hồn có thơ-thới, tình cảm có trong sáng, nhưng nỗi nhớ nhung vẫn canh-cánh bên lòng. Làm sao tránh được sự nhớ nhung đổi với những tâm hồn giàu tình - cảm? Có điều khác trước là giờ đây nàng chỉ cảm-thấy một nỗi buồn nhẹ-nhé, như làn gió xuân vờn nhẹ trên cành hoa.

*Sương dồn đồi tiết thay mùa lá,
Gió dục sang canh mẩy tiếng gà.*

Cùng thời cảnh sương dồn, gió dục, mà trước kia cảnh ấy thê-lương áo-não biết bao! Giờ đây cảnh ấy chỉ làm cho nàng bâng-khuâng tự hỏi :

Nhưng gì để lại một năm qua?

❖ Nàng tự hỏi thế để rồi tiếc ngần tiếc ngør giấc梦 đẹp ngày xanh. Mộng đẹp tan rồi mà thú cầm, thư vẫn còn đeo-dâng theo khách tài hoa. Chung-thủy với nàng chỉ có một cây đàn và dẩm pho sách.

Cảnh hoa, bướm nơi vườn hoang, ngõ vắng như tô đậm nét yêu-đương của kẻ chung-tình. Ngày ngày, nàng lắng dấu thôn thò nhạc ngựa của người yêu.

Nhưng nhạc ngựa vẫn bất âm-thanh, mà tiếng chuông chùa vẫn vang rền trong tịch-mịch.

❖ Non nước vẫn chờ người cũ. Ngoại vật vô-trí vô - giác đường như cũng thông-cảm với tình người.

Bao nhiêu tình-cảm phát-tiết nên lời thơ, bao nỗi nhớ-nhung chan-hòa trên sóng nhạc. Nàng lại còn muốn rắc thêm trầm cho khói léng, mang âm-thanh của thơ, nhạc đến người xa :

*Hay rắc thêm trầm cho khói léng
Đè Tình Ý gởi đến xa xôi...*

Hai câu kết thật đã gói ghém muôn vàn tình ý : *Kết về hình-thúc nhưng thật ra đã mở rộng về tinh-thần.*



Ngân-Giang Đỗ-thị-Quế là một nữ thi-sĩ thời tiền-chiến.

Qua bài thập - thủ liên - hoàn « Xuân mong đợi », Ngân-Giang đã thể hiện một hồn thơ thanh-tú và một nghệ-thuật điêu-luyện, tân kỳ. Tuy diễn ý dưới hình-thúc thơ Đường-luat, nữ-sĩ biết cách điều-hòa nhịp điệu để tạo nên một nhạc thơ phù-hợp với sự biến-

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

chuyên của nội tâm và ngoại-cảnh, khi du - dương như đường tơ thánh thót, khi hùng hồn như một điệp khúc hành-quân, khi rộn rã sừng-bừng như tiếng chim lú-lo vào một buổi mai xuân nắng ấm.

Một bản-sắc nỗi bật nhất trong thơ Ngân-Giang là : ĐẸP. Lời đẹp, ý đẹp, cảnh đẹp, tình đẹp,

màu sắc đẹp. Mười bài thơ là mười cảnh đẹp, trong đó chúa-dụng bao nhiêu là ý tình khả-ái, màu sắc nên thơ. Nếu sứ-mệnh của thi-nhân là diễn-đạt tể-nhị cái Đẹp của nhân-loại, và thiên-nhiên, thì nữ-sĩ quả đã thành công một phần lớn nhờ ở nghệ-thuật cao-độ của mình rồi vậy.

THẨM-THỆ-HÀ



* LẦN THẦN

— Ở thành thị thì vui thiêt, nhưng không khỉ bụi bậm độc hại, không trong sạch như ở nhà quê.

— Ủ nhì, sao người ta không cất thành thị ở nhà quê, có phải hay hơn không ?

* TRONG VÒNG THÂN MẬT

Một người nọ hỏi một nữ minh tinh Hồ-ly-Vọng :

— Hâm đâm sanh nhật của bà, có đồng người không ?
Nữ minh tinh đáp :

— Không, trong vòng thân mật thôi. Chỉ có hai đứa con gái của tôi hôi đời chồng thứ nhất của tôi, người vợ thứ ba ly dị của người chồng thứ hai của tôi, người chồng cũ thứ tư của tôi với người vợ hôn thê của anh ấy, người vợ hôn phu của tôi và người vợ cũ thứ nhì của anh ấy.

T. L. L.

* DANH NGÔN

On n'aime pas si l'on n'aime pas pour toujours.

Nếu không yêu mãi mãi, đó là không có yêu.

EURIPIDE (*Thi-sĩ Hy-Lạp*)

**Chí sĩ
NGUYỄN TRƯỜNG - TỘ
cảm đẽ :**

núi THẠCH-BÌ

và CHÍCH-TRỢ

* NGUYỄN BÁ THẾ

Tỉnh Ninh-Phu, huyện
Tổng-Sơn, làng Mỹ-quan
có núi Thạch-bì và Chích-trợ.

Núi Thạch-bì, đỉnh trông
giống như bia đá ai tạc, nên gọi
là «Thạch-bì». Hình núi cao
ngất ngưởng, có chỗ kỳ dị là
nằm ở giữa sông, chân bắc
lên hai bờ sông, thuyền bè đi
lại phải lòn như qua cầu. Trên
vách đá có đề chữ «Thần» rất
to, nét bằng son, tục truyền
là của vua Lê thánh Tông khi
xưa ngự đền.

Núi Chích-trợ ở gần đấy.
Một ngọn cao vút lên như hình
một chiếc đũa cắm trong vạc,
nên gọi là «Chích-trợ». Trông
xa, lại hình như cây sen mọc
trên mặt nước, nên cũng gọi là
«Liên-sơn». Lại truyền rằng :
•Đời Lê, có bà công chúa và
phò mã làm nhà mát ở cạnh
núi ấy, trông một vườn đào rộng

tới vài mẫu đất ở gần đấy, nên
núi cũng mang danh là «Vườn
đào» (Đào Viên sơn).

Qua chơi núi Thạch-Bì, chí
sĩ Nguyễn-trường-Tộ lâng lâng
cảm khái, lòng nung nấu, chí
bừng lên, khí phách hùng hào
phóng bút để thơ :

*Phong bát nồng đào vỹ bát tối.
Bi truyền vạn cổ tự thời ngời.
Cố viễn như trước bài sơn đính,
Trác lập vô song trấn thủy ôi.
Tưởng thị bỏ thiên từng luyện quả,
Phi quan điều hai bị khu lai.
Nhưng di Chích-trợ thành song
trợ,
Địa tác bôn xan, hải tác bối.*

Thơ truyền tụng, hầu hết các
danh sĩ đều công nhận là tuyệt
tác. Hội «Khai trí tiến đức»,
khoảng năm 1936, đã có lần
nêu ra làm đề thi dịch thơ. Dưới

NÚI THẠCH BI VÀ CHÍCH TRỌ

đây là các bản dịch hay.

Một bản dịch của Đầu Tiếp :

Mira khôn sụp nỗi gió khôn rẽ.
Bia đê muôn năm vĩnh một bờ.
Tròn vịn như bao chồng đỉnh núi,
Cao ngồng riêng đứng trán dòng khe.

Vá trời, áu hàn ai hàn lại,
Lắp biển, phải đầu sông tạt về.
Được một nứa làm đồi đúu nhỉ,
Đất là mâm đặt, biển là ly.

2 Bản dịch của Tảo-Trang :

Mặc bao mưa gió phũ phàng,
Bia truyền minh thuở vĩnh vàng
như không.

Riêng mình trán áp khúc sông,
Dung tròn như tạc, đặt chồng
đỉnh non.

Vá trời hàn đã luyện khuôn,
Phải đầu lắp bể bị đòn tời đây.
Vì nhân đồi chiếc đúu này,
Sóng dâng chén uống, đất bày mâm
ăn.

3 Bản dịch của Nguyễn -

Đồng - Chi :

Mira không chuyền, gió không lay.
Bia ghi muôn thủa, chốn này chọn
vợn.

Tro vơ ai tạc đỉnh tròn,
Trán dòng sừng sững một non
tuyệt vời.

Hòn rằng từng Inyên vá trời,
Hoài chí lắp bể mà dời đến đây.
Vì đúu núi đúu so tay,
Biển này chén rượu, đất này mâm
com.

4 Bản dịch của Lục-y-Lang :

Gió thổi mưa tuôn, chẳng chuyền
lay.

Bia truyền chót vót tịr xưa nay.
Tròn tròn như gọt đầu non thẳm;
Sừng sững riêng coi gốc nứóc mây.
Đè hàn vá trời từng luyện trước,
Phải đầu lắp bể bị lùa đây.
Giá dời núi Đúu so đồi nhỉ,
Đất gầm làm mâm bể chén đầy.

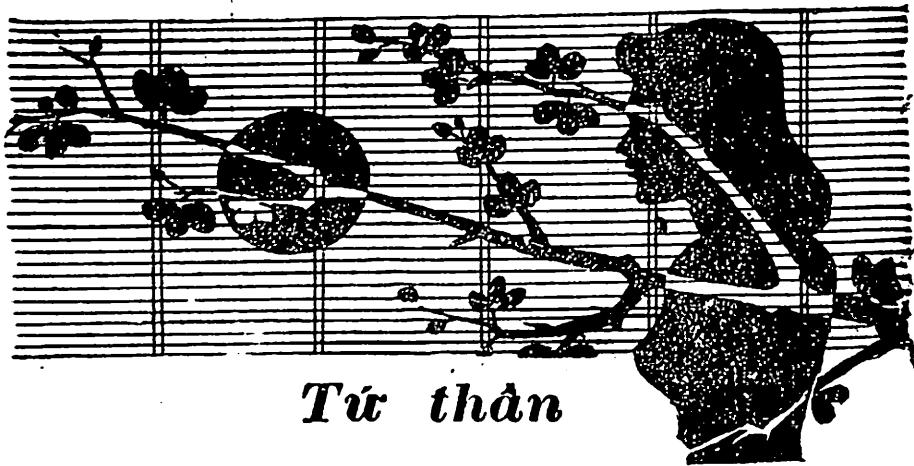


* LÝ-LUẬN CỦA PHỤ-NỮ

Trong một cuộc thi, người ta đưa ra câu hỏi : « Hãy giải thích sự
cấu tạo nên loài người »,

Một nữ thí sinh đáp : « Trước tiên Chúa Trời tạo ra Adam. Người
ngâm-nghĩa Adam một chập, đoạn tự bảo : « Mình có thể làm đẹp
hơn thế nữa ». Thế rồi Chúa Trời tạo ra Eve »

T.L.L.



Tứ thàn

Mái Tây có người đẹp,
 Hiên tây có hoa xinh.
 Hải-dương xen môi thăm,
 Bờ liễu phủ mày xanh,
 Giai-nhân đậm vẻ ngọc,
 Mây nước ngân ngơ tình.



Gác đông có thi-nhân,
 Tường đông có trăng gió.
 Phong vũ đảo mờ hồ,
 Sương pha trùm nếp cỏ.
 Giờ tui cạn bầu tiên,
 Xuân về bên tương phố.



Hiu hắt sương phong dậy gác tần,
 Tôi bời hoa đồ giữa đêm xuân.
 Tình ta ví kiếp phù du ấy,
 Đã hẹn vẫn thơ ân tứ thàn.

THƯƠNG-KHÁCH HOÀNG-QUANG-BẮNG
 Tháng Mồng Xuân C.T.

TRUYỀN NGÂN

QUỐC
TẾ

là tình yêu!

* của PIERRE NEZELLOFF
VÂN - SƠN phỏng dịch

DÀM ma vợ ông Tâm thật là to, hàng phố ai cũng khen thế. Người đi dưa dài có đến suốt một phố mà toàn là những người danh giá sang trọng cả. Chiếc xe song mã dưa linh cữu người quá cố cũng thật là đẹp. Nhưng có một điều làm ai cũng phải cảm động đến chảy nước mắt và chú ý nhất là: ông Tâm rủ ra như một tầu lá, quần áo tờ tả, đôi mắt đỏ sưng.

Ai cũng chép miệng than thở:

— « Kho thên ông Tâm thương yêu vợ như thế mà bà ấy nỡ lìa bỏ cuộc đời để chồng sống cô đơn một mình ở dương thế ».

Có người lại bà thêm :

— « Chết như thế cũng đáng, đám ma dù mặt đi dưa. Cái số bà ấy đã sung sướng đến chết vẫn còn sung sướng ».

Nhưng... chỉ có trời mới có thể biết được bà Tâm có sung sướng thật hay không. Và nếu bà Tâm có phép lạ tái sinh thì bà mới có thể rõ được lòng chồng bà ra sao. Nhưng bà Tâm cũng chỉ là một người thường đã chết là chết không thể nào có phép lạ tái sinh được và đó cũng là một điều may mắn cho bà vì cho đến phút chót của cuộc đời bà vẫn định hình là chồng bà yêu thương bà thực tình.



Khi đã làm xong ma chay và đã khóc lóc suốt mấy ngày liền, ông Tâm cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng khoan khoái một cách hiền nhiên. Thế là từ nay ông được hoàn toàn tự do vùng vẫy, muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi, muốn ăn gì thì ăn, không sợ bị kiềm chế, kiềm soát hạn chế nữa.

Cũng như số phận của nhiều ông râu quặp khác, suốt trong mười lăm năm trời, ông Tâm b

THẾ MỚI LÀ TÌNH YÊU

bà vợ « cai trị » với một « chế độ độc tài » khắt khe, ông Tâm vẫn nghĩ thế. Suốt mấy chục năm chung sống, vợ ông kiềm soát chi li cả tiền túi của ông, thậm chí « quản-trị » đến cả vấn đề thuốc lá hút hàng ngày của ông nữa. Đi xa khỏi nhà chừng 15 phút là ông đã phải báo cáo tường tận với bà vợ rồi. Vốn không có bản lĩnh, ông đã chịu khuất phục ngay từ đầu, bất phản kháng. Và bỗng nhiên bây giờ, ông thật như chim được sô lồng. Ông như bị chói lòa vì ánh sáng bao la và ông cảm thấy như ngây ngất... Nhưng ông phải tự bào chữa ngay : Không, không bao giờ ông lại mong cho vợ ông chết...

Tuy đã cố bào chữa như thế nhưng ông cũng phải tự công nhận rằng đã có vài lần ông thầm ao ước : nếu một ngày kia định mệnh bắt vợ ông phải chết trước ông thì ông sẽ làm những gì ? ? ? Và có lẽ định mệnh đã đền thật, vợ ông không chết vì ốm — gia đình vợ ông trung bình người nào cũng thọ được ít nhất là tám mươi tuổi — mà chết vì một tai nạn xe hơi : trời mưa xe trượt bánh húc vào cột đèn bên đường.

Những kế hoạch đã dự định âm-thầm ngày trước, lập tức được ông Tâm đem ra thi hành. Trước hết ông dọn dẹp lại nhà cửa cho

có thứ tự — cố nhiên là thứ tự theo ý ông chứ thực ra nhà cửa đã thứ tự lắm rồi theo ý bà Tâm lúc còn sinh tiền — ông đem vắt hết những cái hộp, những cái giỏ mà vợ ông đã chắp chi nhặt nhanh. Ông đem bán ngay cái tủ ăn kiều cồ mà vợ ông đã thừa hưởng của bà cụ bên ngoại từ ngày hai vợ chồng ông lấy nhau. Ông dọn dẹp căn phòng đã dè cái tủ này dự định làm chỗ nhảy nhót và mời các bạn tới nhậu nhẹt cho đã đời.

Ông tự tay vào làm bếp. Ông làm ngay món đậu rán mỡ, một món ăn mà trước kia ông đã từng đưa ý kiến mà đều bị bà vợ bác đi vì cho là quá ư tầm thường. Ông hùng hổ làm và vì không biết tra gia-vị cho vừa độ, hơn nữa tưởng mình sẽ ăn được rất nhiều, ông làm thật nhiều và kết cục ông phải ăn cỗ, ăn gắp vài ngày liền mới hết món đậu đã chua ra vì dè lâu ngày.

Mấy ngày sau, ông khóa cửa nhà, đi ra tiệm cà phê một cách thật hiên ngang không phải xin phép như trước nữa. (Ngày trước hồi bà vợ còn sống ông chỉ được phép vào đây mỗi tuần một lần để chơi bài với bè bạn) Thấy ông hiên ngang, trong tiệm người ta dồn ông thật là niềm nở. Ông tuyên bố rất hách :

TÌM MỚI LÀ TÌNH YÊU

— Kè từ nay, tối nào tôi cũng
đến họp mặt với các bạn.

Và ông thêm một câu :

— Khỏi còn phải xin phép ai !

Nhưng chỉ được một tuần thôi, ông nhận thấy những điều sau : thằng cha Hải chuyên đánh bạc gian lận, thằng cha Ninh chuyên nói khoác một tặc lên đến trời, thằng cha Bá chuyên văng tục và còn nhiều nhiều nữa. Hơn nữa bao giờ chúng cũng gạ ông cho ăn, nghĩa là chúng đều là những tay ăn bám thật tài tình và lão luyện.

Ông chán ngán và không đến tiệm cà phê như trước nữa. Ông dùng thì giờ ấy để đi xem chiếu bóng. Ngày trước, ông ham thích đi xem xi nê buồi tối bao nhiêu thì vợ ông lại ghét ra khỏi nhà bấy nhiêu. Và ông ra xem phim này thì vợ ông bắt đi xem phim khác.

Nhưng xem mãi rồi cũng phải chán nhất là đến cho ông, ông xem toàn phải những phim có những cốt truyện náo nề, buồn thảm nên mười buồi đi thì có đến chín buồi ông ngủ quên trên ghế đến nỗi anh soát vé phải đến đánh thức ông dậy. Và những lần ấy, khi lui thủi một mình về tối nhà ông mới thấy buồn ngao ngán vì bếp trống, giường không, tất cả đều lạnh ngắt như đồng.

Có một buồi tối đang ngồi trong rạp, ông chợt nhận thấy một cô

hàng xóm với mớ tóc nâu bù rối như bông hoa cúc ngồi ngay bên ông, miệng luôn ngậm kẹo bạc hà. Và mê ly hơn nữa, vì phim dài nên có mười lăm phút tạm nghỉ, cô ta đã nhân dịp này trao sang cho ông một chiếc kẹo kèm theo một nụ cười quyến rũ không kém nụ cười tống tình của các cô đào trên màn ảnh vừa xem. Không dè lỡ dịp, ông liền bắt chuyện với cô ta. Hết phim, cả hai đã nhau vào một khách sạn tối tăm ở một phố nhỏ mà chưa bao giờ ông Tâm dè chẵn tới. Sáng dậy, ông có cảm giác như tóc ông đã biến thành một cái đệm chùi chân người ta đã chùi chân lên nhiều quá. Ông tìm cô gái tóc nâu nhưng cô ta đã bỏ đi, ông sờ túi thì, chao ôi chiếc ví của ông đã khêng cánh mà bay.

Ông chán ngán tắt cả và thắt thêu về nhà. Trong ông không khác gì một con chó ốm, đôi mắt lờ đờ, đi không còn muốn cất bước nữa...

❖

Một buồi sáng chủ nhật, khi vừa bị chiếc kim đâm vào tay vì phải tự khâu lại cái nút đứt trên chiếc áo sơ mi, thì có tiếng chuông reo. Ông vội chạy ra mở cửa. Thì ra đó là người em họ ông vừa ở tỉnh lên đến thăm ông. Người này vốn không lương thiện cho lắm, nên vẫn bị bà Tâm ghét, tất nhiên anh ta cũng không ưa gì bà chị đâu.

THẾ MỚI LÀ TÌNH YÊU

Vừa trông thấy ông, anh ta cười nhăn nhở và hỏi săn, hỏi dồn:

— Bác dạo này chắc đã khuây khỏa rồi chứ?

Ông Tâm chưa kịp mở miệng thì y lại tiếp ngay:

— Bác đã thấy chưa. Bác gái ngày xưa thật là tàn tệ.

Đột nhiên ông Tâm thấy nóng gáy, cái thằng em họ đến láo, dám nói xấu vợ ông trước mặt ông. Không ông phải cito y một bài học, ông không thể dễ y chê bai người vợ mà đến bây giờ sau nhiều giờ phút hối hận ông đã thấy thật là đáng mến và cần thiết cho đời ông. Ông liền trợn mắt, nói như quát:

— Tôi cấm chú không được nói xấu vợ tôi.

Người em hết sức ngạc nhiên, y nhìn trùng trùng vào mặt ông và lắp bắp:

— Thế, thế ngày trước bác chỉ thường than thở với tôi rằng chị ấy quá quắt lầm là gì?

Ông trợn mắt lớn hơn và dõng dạc:

— Không, chú lầm, chú thật lầm vì đó là tôi thường trách yêu vợ tôi đấy chứ.

Người em ngạc nhiên hơn và hỏi thêm:

— Vậy thì bây giờ chị đã chết, anh thấy đau khổ hay sao?

Ông Tâm lồng lén:

— Đau khổ không thôi à?
Chưa đủ, tôi còn...

Ông toan nói thêm hai chữ hối hận nữa nhưng vì trấn tĩnh nên ông đã kìm lại được và nói:

— Đây bây giờ chú xem, có ai còn nói với tôi rằng mình: “mình đi đâu mà về khuya thế” mỗi khi tôi đi ăn tiệc với bạn bè về chậm vài phút, có ai còn nói với tôi: “Mình lại hút thuốc nữa, đây là điều thuốc thứ ba rồi đấy nhé” hay là “mình đưa bít tất đây em mang cho, chả hiểu sao mà bít tất của mình lại chóng rách đến thế?” v.v...

Rồi ông nhìn lên chiếc ảnh bán thân của bà Tâm, treo trên tường và lèm bầm như nói với vợ:

— Như thế mới thật là tình yêu!

Rồi như chợt nhận ra có chú em ở bên cạnh, ông quay sang nói lớn:

— Như thế mới thật là tình yêu chứ, chú biết chưa?

Người em lại càng ngạc nhiên hơn, ngạc nhiên đến cùng độ, y hất tấp hỏi lại:

— Sao, bác nói sao?

Ông Tâm đậm chân nói tiếp:

— Phải như thế mới chính là tình yêu. Bây giờ tôi đã biết chắc là như thế và trong mọi gia đình phải có một người đàn bà kiềm chế, “cai trị” người đàn ông như thế mới là hạnh phúc..

Rồi quá xúc cảm, ông òa lên khóc như một đứa trẻ con. Và nước mắt chảy đến đâu là ông thấy nhẹ nhõm mình đến đó. Ông như cảm thấy ở bên kia thế giới bà Tâm đang mỉm cười tha thứ cho ông.

TÓM TẮT CÁC KỲ TRƯỚC

Vào năm 2.000. Một thi-hào Việt-Nam nhìn nghe hai trẻ nhỏ đồi-thoại khi cháng sưởi nǎng làm sống lại một xác bướm, tìm ra lê-sống mới của loài-người. Một cuộc hội họp các nhà thi-hào Việt-Nam diễn ra trong một trại hoa. Một bản tuyên-ngôn kêu gọi các chính-khách trên Thế-giới rút lui, trả lại nhân-loại cho các nhà thơ, những sứ-giả của "loài-người" tự điều-khiển lấy nhân-loại đi về một hướng xây-dựng mới.

Những chính-phủ của hầu hết các nước, gồm có các nhà thơ, được thành-lập. Một vài vần thơ được gửi ra chiến-trường cuối cùng, làm tắt im tiếng súng...

P. T.

Những xương đồ sộ ở Nga Mỹ, Anh, Pháp, Đức, v. v... chuyên chế-tạo súng đạn, bom nổ được lệnh ngưng lại tức khắc. Những đề-án được tháo ra. Trong một thời-gian kỷ-lục tắt cả những xương chế-tạo vô khí nói trên được biến đổi ra những xương chế-tạo nông-cụ, dụng-cụ khoa-học v.v. . .

Công - nhân lớp lóp ra vào các cửa ngõ của công-xưởng, đêm cũng như ngày. Tiếng hát vang lừng những góc trời. Họ làm việc không biết nhọc. Không ai phải đôn-thúc ai. Họ biết họ đương làm gì, và làm cho ai. Họ bắt tay vào việc với một mồi nhiệt-thành mà không một lớp công-nhan dưới thời-đại

NGƯỜI THƠ XUẤT HIỆN

nào, chẽ-độ nào có thể có. Bởi họ đương làm cho họ và xây dựng cho họ, cho con cháu họ.

Những súng đạn đã làm thành được phá-hủy, cho vào lò nấu lại, để rồi biến ra những vật dụng khác. Nhưng cũng có : ở một vài nơi, bản tuyên-ngôn của năm nhà thơ Việt - Nam vấp phải trớ-lực. Ấy là những nơi mà chánh-quyền vô-sản còn tồn-tại. Những lãnh-tụ của họ thực ra đã muốn đầu hàng. Nhưng, mặt khác, mệnh-lệnh của « đảng » đã đôn-thúc họ phải đổi phỏ.

Tuy nhiên, việc rời cũng giải-quyết xong. Hết thảy công-nhân trong nước họ tụ-tập đầy ngoài đại-lộ, kéo tới trụ-sở trung-ương Đảng-Bộ đòi họ phải giải tán. Họ ăn, & và ca hát ở ngoài đại-lộ cả đêm và cả ngày, kỳ cho đạt được mục-dích. Tất-cả các bộ-phận sinh hoạt trong nước đều đình-trệ. Và không thể nào làm hơn, những người Cộng-Sản cuối cùng phải đầu hàng, cáo chung cho một chẽ-độ phi-nhân.

Dân-chúng kéo vào chiếm lấy trụ-sở, các dinh-thự. Và nội trong ngày, Chính-phủ &các nhà thơ » của nước ấy đã thành lập.

Công văn, mệnh-lệnh ban đi được thảo bằng thơ, không còn

nhiễm những giáo-lệnh cưng ngác nữa. Những kẻ thừa-hành vừa làm việc vừa làm - nhầm ngâm-nga những câu thơ trong bản chỉ-thị của cấp trên. Họ vui mà làm và không còn sợ-sót trong nhiệm-vụ.

Đối với những con người Cộng-Sản, tất cả thế-giới mới vui lòng đón tiếp họ. Người ta sẵn sàng quên đi tất cả những tội lỗi mà họ đã gây ra. Chính họ, họ cũng coi những việc đã qua như một cơn ác-mộng.

Luật pháp mới biểu-hiệu cho trật-tự mới cũng tiến-hành song song với bước tiến-hóa mới, tâm-tư mới của con người.

Những kẻ làm ra tội ác không sợ một cái án lưu đày bằng sợ một bài thơ truyền-tụng tội-ác của chúng trong những lớp người cùng sống với chúng. Người ta sẽ đọc những câu thơ ấy lên trước mặt chúng bất cứ khi nào gặp chúng. Tội-ác ám-ảnh chúng, day dứt chúng, và đặt chúng ra ngoài cái xã-hội mà chúng sống. Những vị thẩm phán đều là những nhà thơ đầy đủ uy-tín về đạo-đức.

Một kẻ tội-phạm được đem ra xét-xử.

Một bản án là một bài thơ.
Một vị thẩm-phán tốt giọng

đứng lên đọc bản án ấy. Tất cả mọi người: dù - thính trong khoảnh-khắc đều thuộc lòng.

Kẻ tội - phạm như bị điện - giật, mặt-mũi xám ngoét lại. Có kẻ ngắt xỉu đi tại chỗ,

Liêm-sỉ của con người được đánh thức dậy hơn cả bao giờ. Và tội ác được đem ra xét xử chỉ là những dịp thật hân hưu.

Trong nhà, ngoài ngoài nơi nôi, không-khí « thơ » bao trùm lên tất cả vật và người. Ở mọi nước, trọng các nhà thi-hào được dựng lên khắp các công-viên thay thế cho những bức tượng các nhà chinh-phục. Trên đường cũng đều thay bằng tên những nhà thơ quá-cố hữu danh

Việt - Nam, một dân - tộc « thơ » hơn cả các dân-tộc khác được coi như tiêu-biểu nhứt cho xã-hội mới. Tất cả thế-giới đều hướng về trung-tâm ấy.

Một anh thơ máy, một chị thơ cày, một em nhỏ cắp sách đến trường, một giáo-sĩ, một tu-sĩ, hay bắt cứ ai ai cũng có thể đọc lên một câu thơ lúc nào cũng hợp tình, hợp cảnh. Một đôi trai gái tình tự dưới trăng, thủ-thi nói với nhau bằng những lời thơ đường mạt. Thậm chí một cặp vợ chồng cãi nhau, giận lây với nhau cũng toàn bằng

những lời thơ êm-ái. Người lối xóm nghe thấy cũng không biết là họ cãi nhau nữa, vẫn cứ tưởng rằng hai vợ chồng nhà bên đương cùng nhau sảng-khoái đọc lên một bài thơ phá-thể nào.

Tất cả các trường học đều phải học thơ trước tiên. Thơ chiếm địa vị cản-bản trong chương-trình giáo-dục từ bậc sơ-học.

Quả nhiên một không - khí đồng-dao đã về ngự trên đất Việt. Vậy có một chuyện thuộc về hai người. Hai người eung như bắt cứ hai người nào khác từ hai mươi thế-kỷ trước.

Đó là một trai, một gái, cùng ở vào lứa tuổi mới lên men.

Chàng đẹp như một thư sinh thời lầu chông.

Nàng, mê hoặc như một gái liêu trai.

Buổi đầu họ gặp nhau, chính là tại có dụng ý, mà đều làm như tình cờ. Họ gặp nhau ở bên một bờ suối vàng. Giây phút bốn mắt gặp nhau, cỏ cây, hoa lá, chim muông bên khe suối đều đỏ ửng cả mặt. Suối nước vì thế cũng ngày tình không buồn chán.

Nàng tên Vân, vì nàng đẹp như lụa vân.

Chàng tên Thi, vì mỗi bước chân chàng như có nảy ra một túi thơ tuyệt-tác.

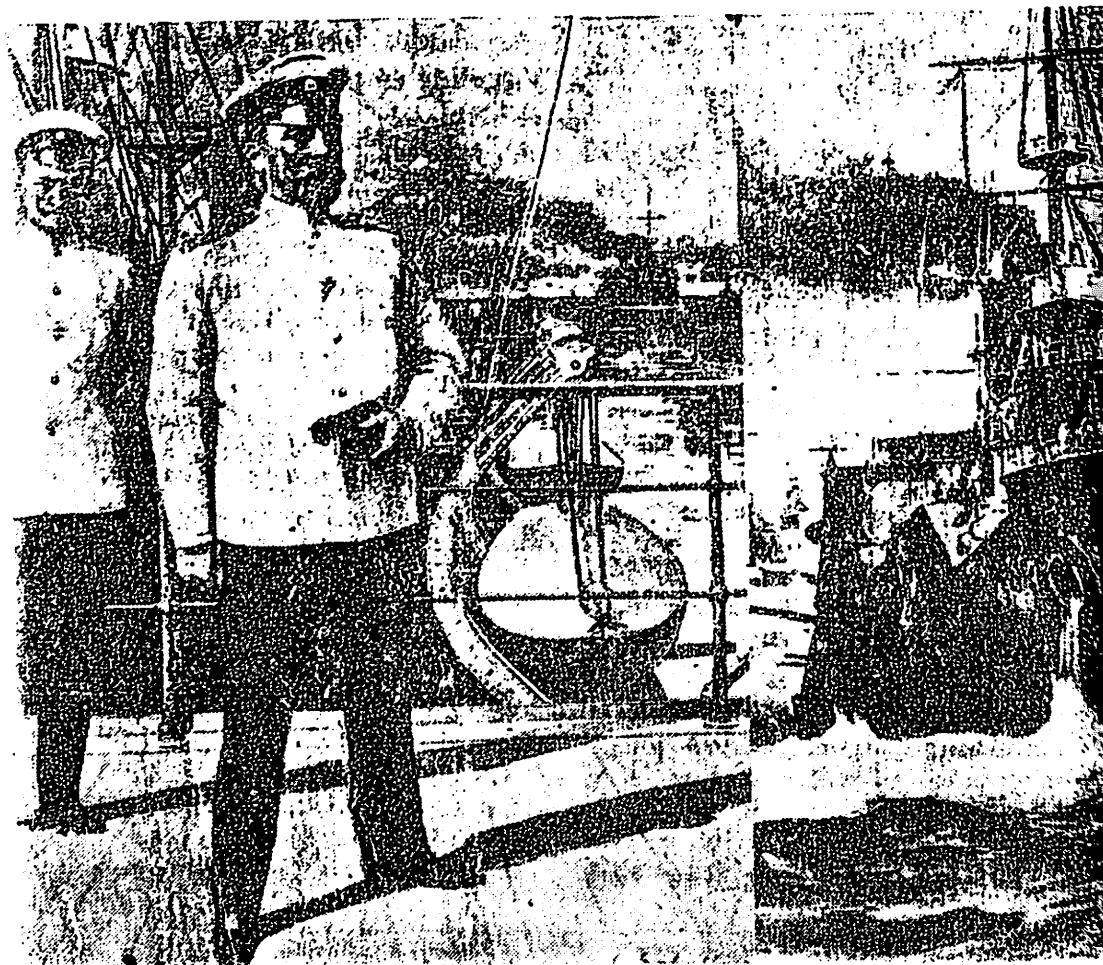
(Còn nữa)

Từ 24

đến 14/5/1905

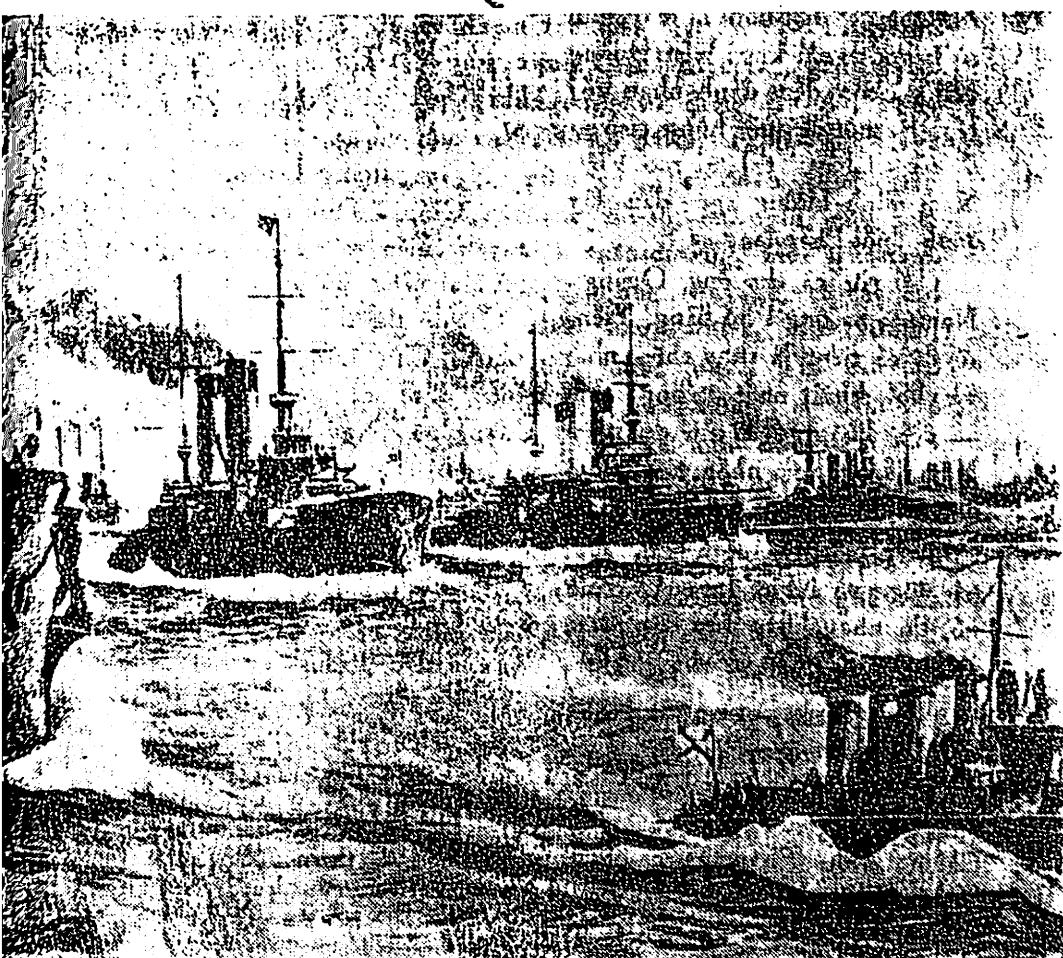
Các Hạm Đội NGA

* TÂN - PHONG



Vịnh CAM RANH

Hai cụ PHAN-CHU-TRINH và HUỲNH-THÚC-KHÁNG
có lén xuống coi một chiếc chiến - hạm này.



BA ông nhà nho Việt-Nam, PHAN - CHU - TRINH, HUỲNH - TẤU - KHÁNG, TRẦN - QUÝ - CÁP, cả ba đều quê quán ở Quảng-Nam, nghe nói nước Nhật-bản đã tuyên chiến với nước Nga, đều rất dõi ngạc nhiên, trổ mắt nhìn nhau, bảo : « Vậy thì Á-Châu mình đâu có thua kém gì Âu-Châu ! Nhật-bản là mấy hòn cù lao & ngoài khơi biển Hoàng Hải mà còn dám đánh nhau với Nga là một để quốc hùng cường & Âu - Châu, thì tại sao Việt-Nam mình không ngóc đầu dậy đánh đuổi Pháp-lang-sa ? »

Thế rồi cả ba ông Quảng-Nam — ba ông Phó-bảng, Tiển-sĩ, đã có tiếng là « hay chữ, nhất và khí khái nhất trong tỉnh — đều khẩn gói đi chu du miền Nam để kết hợp nhân tài, cố vỗ dân trí, huy động dân tâm... »

Trên biển Hoàng - Hải, Đại bác Nga và Nhật đang rền tiếng nổ, thi nhau khạc lửa đạn, làm vang động cả một trời Đông-Á.

Nguyên thủy là từ 1901 Nhật-bản đã chiếm cứ Hải cảng Lữ-Thuận của Tàu (Port Arthur), nhưng các cường - quốc Âu-Châu, Anh, Pháp, Đức, Nga, và Mỹ, buộc Nhật phải trả Lữ-

Thuận lại cho Trung-Hoa. Nhựt-ức lầm, tại vì yếu thế nên đành nhịn nhục rút binh về. Nhưng ba năm sau, Nga Hoàng Nicolas II cho hạm đội chiếm lấy Lữ-Thuận, xâm lăng Mân-Châu và tràn sang Cao-Ly. Nhựt-bản nổi giận, lúc đầu còn thương thuyết với Nga để chia ảnh hưởng ở Cao-Ly, Mân-Châu, nhưng thấy Nga quá tham lam và ý mạnh muồn gây thế lực hùng cường ở Á-Đông, lại tố vê khinh khi Nhựt-nên Nhựt quyết đánh Nga một vố.

Ngày 5 tháng 2 năm 1904, là năm Giáp - Thìn âm-lịch, Nhựt tuyên chiến với Nga, để giành lại Hải cảng Lữ-Thuận.

Toàn thể thế giới đều ngạc nhiên. Chú Lùn & ngoài khơi biển, dám cả gan so tài với Hạng-võ Nga-hoàng của Nicolas II ?

Nhưng các nhà ái - quốc cách-mạng Việt-nam đều hồi-hộp vui mừng. Nhựt-bản đã nêu gương chiến-dẫu anh-dũng của gióng Da-Vàng chơi với người Da-Trắng.



Trước hết, là một chiếc chiến-hạm Nga ở Lữ-Thuận bị Hải-quân Nhật nã súng bắn gắt quá, đã thủng lỗ đệm tõ-trốn được ra khỏi Hoàng-

MỘT HẠM ĐỘI NGA

Hải, ngày 10 tháng 8. 1904. Đó là chiếc *Diana*. Ngày 25-8-1904, chiếc tàu này cập bến SÀIGÒN, xin người Pháp cho trú-nghụ tạm & dày, để chờ lệnh bên Nga.

Tàu *Diana* bị tước hết khí-giới, và thủy-quân Nga bị bắt buộc ở luôn trên tàu, không được phép xuống thành-phố Sàigòn. Bỗng có tin Hạm-đội Nga Hoàng ở Lữ-Thuận sắp kiệt sức và mất hạm-đội thứ nhì của Nga, đi vòng Đại-tây-dương qua Ấn-dộ-dương, sắp ghé ngang VŨNG-TÀU (Việt-nam), để trực-chỉ Thái-Bình-Dương đến tiếp viện cho Hạm-đội Nga bị hư-hại nhiều ở Lữ-Thuận, và sẽ chiến đấu một trận quyết-liết cuối-cùng với Hải-quân Nhựt-bản. Hạm-đội thứ hai này, do Đô-Đốc RODJESTVENSKY chỉ huy.

(Xem hình nơi đầu bài, cùng với các Chiến-Hạm Nga).

Chính phủ Pháp ở Paris liền đánh điện cho phủ Toàn-quyền Pháp & Hà-nội, rồi Toàn-quyền đánh điện cho Đô-Đốc Pháp DE JONQUIÈRES & Sàigòn ra tận Vũng-Tàu để chờ đón Hạm-đội Nga. Đô-Đốc De Jonquieres có nhận được chỉ thị của Toàn-quyền

này sau đây: « Nếu Hạm-đội Nga cập bến Ô-Cáp, thì yêu-cầu họ phải rút đi ngay lập tức, vì Pháp quyết giữ trung lập đối với chiến-tranh Nhựt-Nga. »

Nhưng trong khi Đô-Đốc De Jonquieres chờ Hạm-đội Nga ghé qua Vũng-Tàu, thì Hạm-đội này lại đi thẳng ra vịnh CAM-RANH, gần Nha-Trang, và đúng ở đó, ngày 13.4.1905. Hạm-đội Nga gồm có 2 sư-đoàn thiết-giáp hạm, đồn-sát, oai-nghi, một hạm đội tuần-dương, một tiểu-hạm-đội phóng thủy-lôi, và các tàu chở lương-thực, chở võ-khí, chở than, v.v., Tất cả 52 chiếc, hùng-dũng vỹ-đại. Đó là chưa kể một đoàn tàu chở than của họ còn ở Nam-dương, nhiều tuần-dương-hạm liên-lạc còn đi ngoài biển, và một chiếc tàu y-viện ghé bến SÀIGÒN, chiếc *Orel*.

Lúc đầu, chính-phủ thuộc-dịa Đông-Dương tưởng rằng Hạm-đội thứ Nhì của Nga chỉ ghé Cam-Ranh một vài hôm để mua vật thực tiếp-tế, rồi đi thẳng qua Nhựt để chiến đấu, và tiếp-viện cho Hạm-đội thứ

MỘT HẠM ĐỘI NGA

nhứt của Nga & Lữ-Thuận đang bị Hải-quân Nhật bao vây rất nguy - khốn. Cả thế - giới đang chờ đợi một trận hải chiến quyết liệt, để xem lần này Nhựt sẽ thắng nỗi Nga không, hay là Nga sẽ bị Nhựt đánh bại. Không dè Đệ-nhi Hạm-đội Nga cứ & luôn trong Vịnh CAM-RANH, không chịu dời đi. Đô-Đốc DE JONQUIÈRES

& Sài-gòn được lệnh của Toàn quyền Đông - Dương phải ra Cam-Ranh hỏi lý do, thì Đô-Đốc RODJESTVENSKY, chỉ huy Đệ - nhì Hạm-đội Nga, trả lời rằng ông còn chờ Tiêu - hạm - đội của Đô - Đốc NEBOGATOFF còn đi sau. Chỉ vài hôm nữa, Nebogatoff đến kịp thì tất cả Hạm đội sẽ dời Cam-Ranh đi liền. Nhưng, theo chỉ thị của chính phủ Pháp, DE JONQUIÈRES yêu cầu Hạm đội Nga phải neo neo đi túc khác, không được ở lâu trong Hải phận Việt-Nam.

Đô-Đốc Nga hứa rằng ngày **19.4** sẽ rút đi. Nhưng mãi đến ngày 20, ông vẫn chưa đi.

Ngày **21**, De Jonquieres lại bắt buộc Hạm đội Nga phải ra khỏi Cam-Ranh trong **24** tiếng đồng hồ. Đô-Đốc RODJESTVENSKY tuân lệnh. Ông cho Hạm đội của ông ra khỏi vịnh Cam-Ranh, nhưng lại đậu gần đấy, chờ không đi xa hơn nữa. Thật là lì lợm hết sức. Ngày **24.4**, Đô-Đốc DE JONQUIÈRES đến truyền lệnh một lần nữa: trong **24** tiếng đồng hồ, Hạm đội Nga phải ra khỏi Hải phận Việt-Nam. Đô-Đốc Nga cũng tuân lệnh, và ngày **26-4**, cả Hạm đội Nga dời

Đô-Đốc Pháp De JONQUIÈRE

MỘT HẠM ĐỘI NGA

khỏi biển Cam-Ranh. Đô-Đốc Pháp, De Jonquieres, đứng trên boong tàu *Descartes* của ông, chứng kiến rõ ràng cuộc rút lui của Hạm đội Nga. Nhưng cuộc rút lui vừa xong, và chiếc tàu *Descartes* vừa quay mũi về Saigon thì Đô Đốc Rodjestvensky lại truyền lệnh cho Hạm đội Nga lén trốn về núp ở Cam-Ranh, để chờ Tiêu hạm đội của Đô-Đốc NEBOGATOFF.

Ngày 29-4, tờ báo Pháp ở Saigon, «*Le Courrier Saigonais*», loan tin cho cả Thế giới biết rằng Đệ-nhi Hạm đội Nga, và Đô Đốc Rodjestvensky, hãy còn tránh lẩn quẩn trong vịnh CAM RANH, và vịnh VẠN PHONG, ở phía Bắc NHA TRANG, chờ không chịu rời khỏi Hải phận Trung-kỳ. Dư luận thế giới xôn xao, nhưng Đô Đốc Nga bất chấp.

Ngày 30-4, đô đốc Pháp, DE JONQUIÈRES, đi trên chiến thuyền *Guichen* ra Cam-Ranh, bắt buộc Hạm đội Nga phải lập tức di ra khỏi biển Trung-kỳ. Ngày hôm đó, Rodjestvensky cho hạm đội ra đậu ngoài cù lao Hòn Né, rồi ngày 4 tháng 5, khi Đô Đốc Pháp đã về Saigon, Rod-

jestvensky lại dẫn Hạm đội lên trở lại Cam Ranh !

Câu chuyện Đệ-nhi Hạm đội Nga lén lút ở Cam Ranh đã thành ra một hài kịch, làm cho cả Thế giới phải tức cười.

Nhưng Đại sứ Nhật ở Paris đến phản kháng nhiệt liệt với Tổng trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, là DELCASSÉ. Thế là ngày 8-5, Đô Đốc DE JONQUIÈRES, một lần nữa, một lần chót, đi chiến thuyền *Guichen* ra Cam-Ranh, với một điện tín của chính phủ Pháp bắt buộc Hạm đội Nga phải tức tốc ra khỏi Hải phận Đông Dương. Đô Đốc Rodjestvensky trả lời đã sẵn sàng rút Hạm đội đi. Nhưng ông còn ở nán lại cho đến ngày 14 tháng 5, tiêu hạm đội NEBOGATOFF vừa đến gia nhập vào Đệ-nhi Hạm đội, với các chiến hạm *Apraxine*, *Ouchakoff*, *Vladimir Monomach* v.v...

Thế là Đệ-nhi Hạm đội Thái-Bình-Dương của Nga-Hoàng Nicolas II, tránh trong Vịnh Cam-Ranh hơn một tháng trời, từ ngày 12 tháng 4 cho đến ngày 14 tháng 5 năm 1905, mới chính thức

MỘT HẠM ĐỘI NGA

xuất đầu lô diện sang nghênh chiến với Hạm - đội Nhựt- Hoảng.

Nhưng, than ôi, từ Cam-Ranh ra đi ngày 14 tháng 5, mười ba hôm sau đến Hải-phận Nhựt-bản, Đô-Đốc Rodjestvensky bị một viên đạn đại-bác của Nhựt bắn trúng vào chưn, ngã quy, không chỉ huy được nữa. Và Đệ - nhì Hạm-dội Thái-bình-Dương của Nga-Hoảng, lừng danh cả Thế-giới, bị tiêu-diệt gần hết bởi trận đại-thắng vê-vang của Hải-quân Nhựt tại TSOUUSHIMA (Đồi-Mà) ngày 27 tháng 5, 1905. Chỉ còn có 3 chiếc chiến-hạm Nga bị hư hỏng khá nhiều, chạy thoát được trốn qua Menville (Phi-Luật-Tân.)

Đô-Đốc Nebogatoff đã kêu cờ đầu hàng. Đô-Đốc Rodjestvensky bị bắt làm tù binh ngay lúc ông đang chui trốn dưới hầm chiếc chiến-hạm của ông.

Người anh hùng chiến thắng trận này, trận chiến thắng vê-vang nhất của Lịch sử Nhựt-bản, là Đô-Đốc HEIHATIRO TOGO.

*

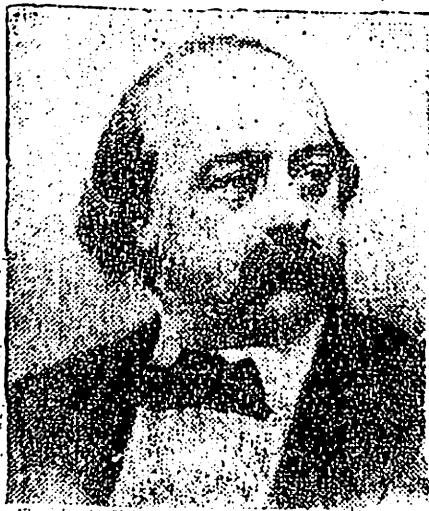
Nhắc lại chuyện ba Cụ Chí-sĩ nhà ta từ Quảng-Nam vào, đến Khánh-Hòa (Nha Trang), nghe nói có Hạm-đội Nga đậu trong Vịnh Cam-Ranh, liền tìm cách xuống coi tàu, thử xem văn-minh khoa-học và lực-lượng của Âu-Tây như thế nào.

Đô-Đốc Nhựt : TOGO

Ba Cụ liền cải-trang làm cu-li bín hàng, bưng mồi Cụ mực thủng cá, tôm, cua, sò, hến, v.v... xuống một chiến-hạm để bán, và để dò - xét. Nhưng vì tiếng nói không hiểu nhau, nên các Cụ không hỏi han được gì cả, mà cũng không bán được con tôm con cá nào cả ! Có lẽ người Nga lại sợ các Cụ là trinh-thám của Nhựt-chưởng ? Các Cụ dành lên bờ, khẩn gối đi thẳng vào Phan-Thiết...

Mối tình huyệt vọng

của



VĂN-HÀO
G. FLAUBERT

X TRÚC-VIỆT

Một chiếc áo choàng trên bãi vắng

T HÁNG tám năm 1836,

Pháp đã trải qua một mùa hè oi-búc. Dân chúng đỗ xô ra các bãi bể để tìm cái không-khí mát dịu của nước, của gió, đè họ có thể quên những ngày cực nhọc mà họ phải trải qua trong các đờ-thị đầy bụi, khói.

Gia-dinh của Gustave Flaubert cũng không thoát khỏi lè dò. Năm ấy, Flaubert vừa được 18 tuổi, nhưng vóc người đã lớn, và đầu óc đã chứa đầy những mộng mộng của con người văn-nghệ. Theo cha mẹ, chàng ra nghỉ mát tại bãi bể Trouville, nơi đây, Gustave thích đi lại hàng giờ trên bờ biển, nét mặt trầm tư, mặc tưởng. Nhiều lúc, chàng lại tìm vào rừng, ngồi dưới các gốc cây to, ngắm trời, mây, nước.

Buổi trưa nay, Trouville im-lặng ngủ dưới một sức nóng thiêu người. Thoảng, một vài cơn gió lắc-loài đem hơi mát từ biển lên bờ. Bờ bể vắng-vé, họa-hoàn mới có một vài người tắm.

Gustave trở giấc, thức dậy thay đổi quần áo tắm rồi xuống bãi, đi dạo dông dài. Trời xanh ngắt, không một bóng mây. Chàng bước chân chậm rãi trên cát vàng, bồng-chân chậm phải

một vật mềm mềm: chiếc áo choàng sọc đỏ mà một thiếu-phụ nào đó đã lơ đãng bỏ quên. Chàng nhặt áo, cầm lấy ngắm-nghía, đoạn dời đi một nơi khác, để khi bị sóng bê lôi cuốn ra khơi.

Chiếc áo choàng vô chủ ấy đã gợi trong trí tưởng-tượng như Gustave Flaubert, một hình ảnh mơ hồ...

Chàng tự nhủ: Biết đâu cô ta chẳng là một thiếu-nữ với đôi vai rất đẹp, có đôi mắt xanh như mặt nước hồ thu, có bộ ngực tròn trịa, căng phồng của tuổi 16

Cả buổi chiều hôm ấy, trí-óc thơ-mộng của Gustave đã thêu dệt chung quanh chiếc áo choàng của ai kia bao-nhiều hình ảnh linh động, muôn sắc, muôn màu...

Mãi đến tối mịt, chàng mới trở về phòng trọ. Ăn cơm xong, chàng leo lên gác, ra bao lơn, ngồi nhìn xuống bể, đợi trăng lên... Chàng thấy thoáng trên

bãi cát một bóng người thả-thú-rot, dịu dàng đến nhặt chiếc áo choàng sọc đỏ.

Một lúc, trong khu vườn cây tịch mịch bao quanh lữ-diểm của chàng đang trọ, thoáng hiện một người đàn ông, theo sau là một thiếu phụ trẻ đẹp, tác người dong-dong cao, miệng hoa đang cười trong gió nhẹ. Cả hai đi vào quán trọ.

Đêm đó, Gustave Flaubert không sao ngủ được. Không phải vì tai chàng không quen nghe sóng gió, nhưng chỉ vì hình ảnh người đẹp thoáng hiện đã chiếm mất tâm trí chàng rồi. Lần này, chàng đã thấy được người lạ, tay cầm chiếc áo choàng màu sọc đỏ. Nàng quả thật là đẹp và hơn nữa nàng đang ở trọ chung một lữ-diểm với chàng. Thế nào chàng cũng tìm cách để gặp lại người trong mơ!

THIẾU NỮ SỌC ĐỎ

Truyện ngắn của Gustave Flaubert

Quả thật, sáng hôm sau, Flaubert đã gặp nàng trong khi chàng thả dòng dài trên bờ biển, Qua một đêm mưa, cát vàng hây còn ướt đẫm, trời vẫn còn

u ám.

Từ xa bóng một thiếu phụ hiện ra mỗi lúc mỗi gần, diễm-kiều tha-thú-rot. Nàng đi một mình choàng chiếc áo tắm sọc đỏ. Bãi

bé hôm ấy thật là vắng, chỉ có hai người.

Phái chàng là một dấu hiệu của Định Mệnh? Chàng hồi hộp, biết đâu người ấy chàng là người mà chàng hằng mơ tưởng suốt đêm qua? Nàng đã đến gần chàng: mặc tình cho chàng ngắm nhìn thoả thích. Nàng đẹp quá, đẹp như trong một bức tranh Tô-Nữ, đẹp như trong giấc mơ tiên.

Nàng bước đến, cõi nở một nụ cười và hỏi:

— Thưa ông...tôi rất cảm ơn ông vì cử chỉ nhã nhặn của ông.

Chàng ngắn người ra một chập mới hỏi:

— Thưa cô, tôi nào có làm việc gì đáng để cô phải có lời cảm ơn?

— Chiều hôm qua nhờ ông đã nhặt chiếc áo choàng tắm sọc đỏ của tôi, nên khôi bị sóng cuốn mất. Chiếc áo sọc đỏ này là của một bạn gái thân nhất của tôi tặng làm kỷ niệm hôm lê sinh nhật của tôi.

Chàng cúi đầu mặt đỏ bừng, bén lên.

Thiếu nữ — hay thiếu phụ? không nói gì thêm, già từ chàng rồi tiếp tục cuộc du hành trong

gió dịu. Nhưng nét mặt nàng buồn bã làm sao! Nàng có tâm sự u uất gì chàng?

Gustave Flaubert vẫn đứng đấy, ngắm theo cho đến lúc nàng chỉ còn là một chấm đen xa xa...

Chàng lấy làm lạ khôn cùng. Một người đẹp như nàng thì sao có thể buồn như một ngày tận thế, đau khổ như sắp bị rơi vào Địa-Ngục?

Rồi từ phút ấy, nàng luôn luôn ám ảnh tâm - trí của chàng. Nàng hiện ra trong óc chàng những phút chàng ngồi trầm - ngâm cũng như nàng hiện ra cả trong những giấc mơ vàng. Dù chàng chưa hiểu được nàng là ai, nhưng hình ảnh nàng đã xâm chiếm quả tim non nớt của chàng mãi rồi. Dần dần, chàng đã nhận rằng chàng đã yêu, yêu nàng một cách say mê đến cuồng dại.

Rồi như Định Mệnh khéo sắp bày, vài ngày sau đã có dịp thuận - tiện để chàng và nàng bày tỏ nỗi lòng, nhưng chỉ vì chàng quá e thẹn, nên chàng không dám. Chàng chỉ chôn chặt mỗi u-tình đầu tiên

trong con tim bồng-bột...

Sau đó, chàng lại gặp nàng khi nàng đi chung với chồng, một kỵ-nghệ-gia ở Thủ - Đô, mà nàng đã vui-vẻ giới-thiệu cùng chàng. Nhờ đó, mà chàng đã trở nên thân mật với gia-dinh nàng và chàng cũng có dịp cùng vợ chồng nàng dạo mát dưới ánh trăng thanh.

Ba tuần qua trong êm đềm, lặng-lẽ. Rồi họ lại chia tay nhau mỗi người một nோo, chàng vẫn ôm ấp trong lòng một khói tình si không thể tỏ cùng ai.

Trong quyền nhựt-ký, Gustave Flaubert đã thốt nên những lời ai-oán :

* Trời ! Nàng đã đi rồi !
Thế là hết ! Ta không thể nào thấy nàng nữa... Nàng đã đi như cát bụi tõa ra sau gót chân nàng.
Trong tim ta, giờ là gì đây
nếu không là hoang-tàn, hồn-đồn,
đau khổ man-dại ?... »

Vài giờ trước khi chiếc xe song mă mang nàng trở về Paris với chồng, chàng cố thu hết can - đảm, toan nói thực nỗi lòng mình cho nàng biết. Nhưng vào phút cuối cùng,

một mảnh - lực đã ngăn cản chàng. Chàng chỉ kịp hỏi nàng vì sao nàng lại quá ư phiền muộn ? Nàng không trả lời nhưng mỉm cười đau - đớn, Chàng xem đó là một diềm tốt mà nàng đã dành riêng cho chàng và chàng lại hy vọng một ngày nào đó ở Paris, chàng sẽ tiếp được nàng trong một gian phòng ấm cúng. Thấy chàng buồn-bã cảm-động nàng trông ra ngoài khơi rộng rỏi khẽ bảo :

— Có lẽ nếu có dịp, tôi sẽ nói cho anh biết. Phải ! Mọi việc đều buồn quá, nghiêm trọng quá, đúng như anh đã đoán. Nhưng hôm nay tôi chưa thể cho anh biết được. Dù sao, tôi chỉ mong tìm được nơi anh tâm - hồn của một người bạn tốt.

Khi nàng đã khuất bóng, chàng vẫn tựa bao lơn để nhìn theo. Lòng chàng tưởng chừng như đã chết đi.

Từ hôm đó, người ta thấy Gustave Flaubert mất cả vui tươi ngày nào.

Một mối tình sâu đậm nhứt đã nảy sanh trong những tuần lễ mà chàng sống ngoài bối bẽ.

Mỗi tình ấy vẫn đeo đuổi theo chàng cho đến phút cuối cùng của đời chàng, trong mấy chục năm.

Gustave Flaubert đã viết một đoạn nhạy cảm như sau :

« *Ở đây, ký ức của tôi là buồn vui lẫn lộn. Có cả những việc gì êm đềm nhất, cũng như đau khổ* »

nhất. Tôi nghe lòng tôi hát lên những khúc nhạc tâm tư mà tôi chưa bao giờ được nghe.

Ký ức ấy bao giờ cũng sống và vì thế không bao giờ tắt hẳn tôi thôi rồi. Quả tim tôi đã mang một vết thương mà không ai hadn gán lại cho lành ! ... »

Một câu chuyện thương tâm

Khi gặp Gustave trên bờ biển Trouville thì lúc ấy nàng vừa được hai mươi sáu tuổi, lớn hơn Gustave tám tuổi.

Chồng nàng, Maurice Schlesinger, vốn là người Đức vào dân Pháp, ông ta là một kỹ-nghệ gia có nhiều tiền cung như hết sức lảng漫 và ưa giao thiệp với các nhà văn nghệ nổi danh. Ông thường tổ chức dạ yến linh đình. Phản nhiều các văn nghệ sĩ có tên tuổi ở Paris đều là thượng khách của ông. Ngoài ra, ông có tiếng là người ưa lang chạ với các cô đào hát.

Nàng, tên thật ELISA FAUCAUD, là cái gì trái ngược với tâm-tính của người chồng triệu phú.

Luôn luôn nàng sống một nếp sống trong sạch thanh-cao, rất sợ những điều tai tiếng không

hay. Nàng rất đau khổ vì có một ông chồng trác-táng tính tình không hợp với nàng, nhưng bản-phận đã bắt nàng phải hy sinh và nhẫn-nại thì nàng đành phải chịu vậy. Một người mộ đạo như nàng chỉ có mỗi một con đường : phục-tùng định-mệnh. Chưa bao giờ nàng dám nghĩ đến việc thoát-ly. Vì lẽ đó, dù vẫn mến chồng, Elisa không sao dấu được vẻ sầu muộn riêng.

Rồi mùa đông đến, một mùa đông lạnh-léo dài-dặc như không bao giờ dứt, Gustave Flaubert ngồi trong gian phòng nhỏ, trí óc luôn luôn mơ tưởng người đẹp ngày nào. Đã biết là mối tình tuyệt-vọng, nhưng nhiều khi quả tim vẫn thắng lý-trí, nên Gustave dành im-lặng.

Mùa xuân năm sau, nhờ một người bạn quen, chàng mới hiểu được một phần nào về đời nàng.

Chàng mới biết rõ nỗi sầu của nàng, một nỗi sầu không tiện tố bày cùng ai cả.

Tuy nhiên, nếu chàng đã biết được phần lớn nỗi uất của đời nàng, chàng vẫn không thể hiểu được sự thực lại nghiêm trọng hơn chàng đã tưởng.

Hồi nàng mới 19 tuổi, lần đầu tiên nàng đã từ giã gia đình bước lên xe hoa. Chồng nàng lúc đó là một Thiếu-Uý Hải-Quân chỉ quen với tiền bạc và sóng nước.

Sống với Elisa không được bao lâu, vì sự-quan ấy đã nhúng tay vào một việc mờ ám, nên dành phải trốn nhà lánh sang hải-ngoại. Từ hôm ấy, Elisa phải sống trong cô - đơn và thương nhớ, ngày đêm lòng trống, buồn không, và vỗ mong đợi một bóng người ra đi không bao giờ trở lại.

Rồi tin chàng vắng bặt đến hằng năm.

Giữa chợ đời nhộn nhịp, người vợ trẻ vẫn có thể bị yêu lòng. Và nàng đã bị rơi vào tay của Maurice Schlesinger, một người đẹp trai, cũng như rất giỏi khoa tán gái.

Họ gặp nhau, họ yêu nhau, nhưng tình yêu của họ vẫn không thể hợp-thúc-hóa, chỉ vì giữa họ vẫn còn ông Thiếu-Uý ác-hại.

Thời ấy, luật lệ không cho phép ly-dị, cho nên tuy họ đã ăn ở chung với nhau, nhưng về mặt luật - pháp, cuộc tình duyên ấy chỉ có thể được xem như tạm bợ. Rồi dần dần, nàng thấy rõ người chồng không hợp-ý với nàng, vì chàng chỉ ham lo công việc làm giàu, ham tiền, ham danh, mà tính tình thô-kệch.

Khi gặp Gustave Flaubert, nàng đã được 26 tuổi và đã trải qua bảy năm làm người vợ hiền mà cũng là người vợ đau khổ.

Qua hè sau, Gustave lại trở lại bờ biển Trouville. Chàng mong gặp lại người xưa trong cảnh cũ. Nhưng, nàng không đến. Thế là ngày ngày chàng tìm về nơi chàng đã gặp nàng, để mà nhớ lại những phút giây đã phát sinh một tình yêu đậm đà trong thầm lặng. Chàng đã viết về nàng trong các tác-phẩm như sau :

«Hồi Tiên-Nữ của lòng ta, nàng tiên mà ta đã kính dâng những tâm-tình dịu-dàng nhất, nàng tiên mà ta đã yêu trong êm-điệu trong hương thơm, trong mơ-mộng..

Hồi nàng ơi ! Đã hết rồi sao ? Giả-biết rồi sao ? Có bao giờ nàng hiểu được rằng ta đã yêu nàng là đường nào ? Có bao giờ nàng hiểu

được là có lúc ta đã mơ được ôm nàng vào lòng, hôn lên đôi má mịn-mang ? Tâm-hồn ta thường chừng tan thành nơrốc, mỗi khi tâm-trí ta bày ra một giấc mơ hoa ...»

Và trong nhiều tác-phẩm, Eli-sa là một mẫu mực cho Gustave phác họa lên trang giấy trắng...

(kỳ sau hết)



* AI THEO AI ?

Vợ (giận). — Hồi đó anh theo tôi, tôi có chạy theo anh đâu.

Chồng (điếc tinh). — Quả đúng vậy. Nhưng em cũng thấy, cái bẫy chuột nó có chạy theo con chuột đâu, vậy mà nó vẫn bắt được con chuột.

* HẠNH PHÚC ÁI TÌNH

Nữ minh tinh ấy lấy chồng lần thứ năm. Ông chồng này của nàng không phải là một ông hoàng, hay tài tử màn bạc, hay bác sĩ mà là một nhà điêu khắc. Nửa tháng sau ngày cưới, một nhà báo đến phỏng vấn nàng có được hạnh phúc không. Nữ tài tử ta, với nết mặt rạng rỡ bảo :

— Thật hoàn toàn hạnh phúc, ông à. Từ rày sắp sau tôi chỉ lấy những người chồng làm nghề điêu khắc thôi.

T. L. L.

* DANH NGÔN

La femme, c'est le plus bel oiseau que nous avons sur la terre.

Alfred de Musset (Thi sĩ Pháp)

Đàn bà, đó là con chim xinh đẹp nhất của loài người trên quả đất này.

Mình ơi !

SÁCH TÂY
SÁCH MỸ
SÁCH TÀU
SO VỚI SÁCH VIỆT
SÁCH NÀO HAY HƠN ?

* DIỆU-HUYỀN

MÌNH ƠI, em nói thiệt với Mình, nghen, hôm nọ Mình dịch cho em nghe một trang sách trong quyển « *Binh dịch Chuột* » của Albert Camus, em thấy hay thì có hay thiệt, nhưng em không hiểu hay đến mức nào mà lại được cả giải thưởng Nobel ? Hồi em đọc trong *Phò-Thông* bản dịch « *Buồn ơi, chào mì!* » cũng vậy. Em thấy cốt truyện thì cũng như trăm nghìn chuyện

tình khác trong ciné, chớ có gì thật là đặc sắc đâu, mà sao Françoise Sagan lại được nổi tiếng như cồn ? Có gì hay lạ lắm đâu mà quyển tiểu-thuyết « *Bonjour Tristesse* » được dịch ra 23 thứ tiếng ? Hay là tại em không đọc nổi bản Pháp văn mà chỉ đọc bản-dịch, và có lẽ bản dịch cũng tầm thường lắm nên em không linh hội được cái tinh túy trong Văn chương của cô Nữ sĩ Pháp 20-

tuổi kia chăng ? Mình giảng cho em
nghe cái thắc-mắc đó đi.

— Mình cứ hỏi anh những câu
oái oăm...

— Em hồng thay em oái-oăm
gì trọi tron, nhưng sao em đọc
một quyền tiều-thuyết Việt-Nam
bán xôn ở trên hè đường Lê
Thánh-Tôn, 5 đồng bạc, của
một tác giả không có danh tiếng
gì hết ráo, mà có nhiều trang em
thấy cảm động hơn là em đọc một
quyền sách của Albert Camus,
hoặc một bài thơ của Quasimodo,
giải thưởng Nobel 1959. Tại sao
thế. Mình hè ?

— Vậy anh hỏi lại Mình :
Mình đọc một quyền tiều-thuyết
bán xôn 5 đồng bạc ở ngoài đầu
đường, mà Mình vẫn thấy hay,
là tại sao mà hay ?

— Em đâu có biết, tại vì nó
hay thì em bảo là hay.

— Tại vì truyện tiều-thuyết ấy
HỢP VỚI TÂM HỒN CỦA
MÌNH. Tai vì tác giả đã đặt ra
một cốt truyện, viết ra đoạn văn diễn
tả những cảm giác và những ý nghĩ
thích hợp với cảm giác và ý-nghĩ
của Mình, cho nên đọc xong, Mình
thỏa mãn, cho là quyền sách hay.
Trái lại, FRANÇOISE SAGAN
hay là ALBERT CAMUS, là
những người ở một xã hội
khác, có những quan niệm khác,

những ý tưởng hoặc mới quá, táo
bạo quá, hoặc phức tạp quá, tể
nhị quá, cho nên Mình không cảm
thông được với họ. Vì vậy, những
tác phẩm của họ không ăn sâu vào
các giác quan của Mình, và Mình
không thấy hay. Như quyền truyện
KIỀU của NGUYỄN DU,
chúng ta là người Việt, chúng ta
đọc thấy thật hay, hay cả từng câu,
từng chữ. Nhưng Mình biết,
người trí thức ngoại quốc đọc
quyền Kiều dịch ra tiếng Pháp,
họ không thấy hay. Họ phê-bình
quyền KIỀU đâu có phải với một
khâm-mộ nhiệt-hứng như chúng
ta ? Một nhà phê-bình văn-học
Pháp, có uy-tín; đã nghiên-cứu về
quyền KIỀU và chỉ nhận-dịnh
giá-trị của nó cũng ngang như
quyền MIREILLE của FRÉDÉ-
RIC MISTRAL mà thôi.

— Frédéric Mistral là cái ông
nào đó, hả Mình ?

— Là một Thi-Sĩ Pháp, ở
Tỉnh Provence, có tiếng tăm ở
tỉnh nhà nhiều hơn là ở toàn
quốc nước Pháp, vào giữa Thế-
Kỷ XIX, mặc dầu ông được giải
Nobel 1904. Ông thuộc về hạng
Thi-Sĩ mà người ta gọi là « Thi-
Sĩ địa-phương » — poètes ré-
gionaux, *Mireille* xuất bản năm
1859, là một tập truyện tình bằng

thơ, cũng dài như quyền Kiều.
Mireille (Mirleo) là tên nàng
thiếu-nữ vai chính trong truyện.

— Mình đọc quyền ấy chưa?
Hay không?

— Đọc rồi. Cũng kha-khá vậy
thôi. Nhưng sở-dĩ nhà văn - học-
Pháp so sánh quyền *Kiều* của
NGUYỄN-DU với quyền *Mir-
reille* của MISTRAL, chứ không
thường-thức quyền Kiều đến một
mức cao hơn, xứng đáng hơn, là
tại vì NGƯỜI PHÁP KHÔNG
THÔNG - CẢM ĐƯỢC HẾT
những cảm-giác tể-nhi riêng-bié
của người Việt-Nam. Họ chỉ lãnh
hội được năm ba quan-diểm thầm-
mỹ chung mà thôi : những quan-
diểm ấy lại chỉ phớt qua trong
truyện Kiều, chứ không sâu-dậm
lắm, và không nỗi bật lên như một
ngọn lửa thiêng. Cho nên người
ngoại-quốc không nhận thấy thiên-
-ài (*le génie*) của Nguyễn - Du.
Một ông giáo-sư Mỹ quen với
anh, đã đọc hết quyền Kiều bằng
tiếng Việt, cũng nhận-xét giá-trị
truyện Kiều đại-dề như nhà phê-
bình Pháp trên kia. Đó là do
cảm-giác riêng của mỗi người, hoặc
mỗi dân-tộc, đối với văn-chương
của người khác, hay của Dân-tộc
khác.

— Vậy thì, theo Mình, sách
Tây, sách Mỹ, sách Tàu, so với
sách Việt, sách nào hay hơn?

— Mình làm thơ lục-bát hả?
Bà Tú cười ngặt - nghèo ngã
đầu vào ngực ông Tú :

— Em bắt đèn Mình dấy, tại
em ở gần Mình rồi em cũng dám
ra thơ-thần vậy đó!... Thế Mình
bảo sách nào hay hơn, hả Mình?

— Sách Tây, sách Mỹ, sách
Tàu, so với sách Việt sách nào
cũng hay. Nhưng hay đối với
người này, hoặc dân-tộc này, mà
có thể không hay đối với người
khác hoặc dân-tộc khác, là tại vì
cảm-giác không điều hòa với nhau.
Ý-tưởng không phù - hợp nhau.
Quan-niệm không giống nhau. Lối
diễn-đạt và phát-huy tư-tưởng
không thông-cảm được dễ-dàng
giữa nhà văn và đại-chúng độc-
giả của nhà văn ấy.

— Nếu vậy, thì một nhà văn
Mỹ, có danh tiếng ở nước Mỹ đã
chắc gì được người Pháp, hay
người Đức, người Anh yêu-
chuộng?

— Dĩ-nhiên. Và trái lại nữa là
khác. Như EDGAR POE, một
nhà văn của Mỹ, mà người Mỹ
không thích, bị coi như một văn-sĩ

bậc nhì, lại được người Pháp tôn là bậc Văn-hào.



Văn hào EDGAR POE

— Tại sao vậy ?

— Tại vì EDGAR POE có một lối viết văn riêng biệt ưa phân tách cả phuong-phap hành-văn, xây-dựng nghệ-thuật văn-chương trên một nền tảng kiềm-thảo : lối hành văn đó rất thích-hợp với óc phê-bình và xét-doán của người Pháp, cho nên người Pháp rất hoan-nghênh những «Chuyện-kỳ-dị» (*Histoires extraordinaires*) của

Văn-sĩ Mỹ, Edgar Poe. Trái lại, người Mỹ, (nhất là người Mỹ của thế-hệ Tiền-chiến) thì lại không ưa cho nhà Văn hay nhà Thơ thô lô rõ-rệt cái bí-quyết tài-tinh của nghệ-thuật. Vì vậy mà Edgar Poe, Văn-sĩ Mỹ, lại được công-chúng Pháp yêu-chuộng hơn là người Yankee (Mỹ). Trái lại, Văn-sĩ Mỹ NATHANIEL HAWTHORNE với quyển *La Lettre écarlate* lại rất được người Mỹ hoan nghênh, nhưng người Pháp thì ít ai muốn đọc, vì nó chứa đựng những tư-tưởng đạo-dức giả-tạo. Người trí-thức Việt-Nam cũng không thích đọc Hawthorne.

— Còn ERNEST HEMINGWAY, em nghe nói cũng là nhà Văn-sĩ tiếng-tăm của Mỹ nhất hiện nay, thì sao hả Mình ?

— HEMINGWAY được một vài nhà sản-xuất phim và các nhà xuất-bản sách của ông cõi động cho ông quá lăm. Hôm nọ ông có ghé qua Saigon cũng là theo một chương-trình du-lịch để cõi-dộng cho ông. Nhưng tiêu-thuyết của ông chỉ được các giới «ăn chơi» Pháp ở Montparnasse, hay là giới «anh chị» Mỹ ở Chicago, Las Vergas, Barcelone, (Espana) Osaka (Nhật), Naples (Ý) v.v... ưa chuộng nhiều hơn mà thôi. Vì ông

chuyên chú về các cảnh đánh lộn
chửi lộn, say rượu, đua ngựa, đua
bò mộng, v.v.... Người Việt-Nam
thích xem một vài phim trích
trong sách của HEMINGWAY,
nhưng không thích đọc sách của
ông, tuy là văn-chương rất bình-
dân

— Còn nhà văn Mỹ tên là gì
em quên rồi, mà hôm nọ Mình nói
đồng được giải thưởng Nobel Văn-
chương 1948? Văn ông ấy thế
nào?

— Văn-sĩ Mỹ được giải Nobel
1948 là FAULKNER. Hồi
chưa được giải thưởng, Faulkner
ít được công chúng biết tới. Sách
hay nhứt của ông như *Sanctuaire*
chỉ xuất bản được 6.000 quyển
thôi, (1933). Đó là tiểu thuyết
của ông đã nhờ nhà văn Pháp là
ANDRÉ MALRAUX đề tựa
đấy. Tại vì văn của Faulkner
nặng-nề lăm, khô khan, cho nên
độc giả Pháp và Đức, Ý, Anh,
không ưa. Ở Việt-Nam anh không
thấy mấy người đọc Faulkner.
Lối hành văn của Faulkner không
được gọn gàng, sáng suốt.

— Vậy, sao ông lại được giải
thưởng quốc-tế Nobel?

— Tại vì các tiểu thuyết của



Faulkner có nhuộm màu «Lý-
tưởng nhân-dạo».

— Em nói câu này có đúng
không, Mình: phần nhiều người
Việt Nam không thích tiểu thuyết
Mỹ... hay là thơ Mỹ. Có đúng
không?

— Ông... có.... cũng đúng một phần nào, và một phần nào không đúng lắm.

— Như quyển *Autant en emporte le Vent* (*Cuốn theo chiều gió*) của MARGARET MITCHELL, em chả thấy hay.

— Quyền này không phải là một tác phẩm văn-chương. Chỉ là một câu chuyện lịch sử thì đúng hơn, xảy ra hồi chiến tranh Nam Bắc ở Mỹ. Ít có thích hợp với người Việt. Một cô gái như *Scarlett* không có tâm hồn như cô Xuân hay cô Nguyệt, không thông cảm giống nhau. Nhưng nếu Minh đọc Nữ-sĩ PEARL BUCK, thì lại khác hẳn. Nhất định là Minh sẽ bị cảm động mãnh liệt.

— Vì sao?

— Vì PEARL BUCK viết với một nhiệt hứng rất chân-thành. Bà diễn tả những cảm tình rất là tề-nhị, rất là thiết-thực, của tất cả mọi hạng người của bất cứ ở khía cạnh nào. Bà có lối hành văn tẩm mì và khúc chiết, đì sát vào những rung cảm thầm kín nhất của con người, như Nữ-sĩ MỘNG SƠN trong quyền VƯỢT CẠN vậy.

Từ nay giờ, anh kề sơ vài ba nhà Văn danh tiếng nhất ở Mỹ

hiện nay, còn các nhà Văn khác cũng có đôi chút giá-trị như Nữ-Sĩ CARSON MAC CULLERS, TRUMAN CAPOTE, PROKOSCH, STEINBACK, HENRY MILLER, STEPHAN CRANE (thầy của Hemingway) CALDWELL, EMERSON, MELVILLE, DASHIELL HAMMETT, (Văn-Hào Pháp-ANDRÉ GIDE, thích ông này lắm) thì không có gì đặc sắc không hấp-dẫn lắm.

— Minh khuyên em nên coi một quyền gì của Nữ-Sĩ PEARL BUCK?

— Quyền *"The Mother"* (Bà mẹ) cảm-động nhất. Nếu so sánh quyền *"Bà Mẹ"* của Văn Sĩ Nga MAXIME GORKI với quyền *"Bà Mẹ"* của Nữ Sĩ Mỹ PEARL BUCK, thì đứng trên lập-trường tình-cảm-tề-nhị, nhân - đạo, chắc chắn là PEARL BUCK làm cho ta cảm-động nhiều hơn. PEARL BUCK có thể là *"Bà Mẹ"* Mỹ, hay Bà Mẹ Việt, Pháp, Nga, Nhật... Chứ *"Bà Mẹ"* của MAXIME GORKI chỉ có thể là một bà mẹ của Nga-Sô mà thôi.

— Còn sách Pháp hiện nay?

— Sách Pháp hiện nay đang trải qua một thời-kỳ hỗn-loạn. Thời-kỳ còn vương dư-âm của chiến-cuộc, và loại sách được bán chạy nhất hiện nay không phải là của J.P. SARTRE, J. COCTEAU, MARCEL ACHARD, PROUST, ROMAIN ROLLAND, v.v... mà lại là loại *Série Noire* (sách đen) của MARCEL DU-HAMEL. Trên địa hạt Văn-hóa, thanh-niên và quần-chúng Pháp đang đù-xô nhau chạy theo các quyền truyện trinh-thám, chém giết, xâm phạm vào thề-xác, vào cả tâm-hồn các nạn nhân tưởng-tư yng. Như quyền *Pas d'orchidées pour Miss Blandisch, Des Souris et des Hommes*, v.v... là tiêu-biểu cho thế-hệ tiêu-thuyết truy-lạc đến cực độ. Tuy nhiên, loại trinh-thám vẫn có những cây bút tài-hoa có biệt tài, như J. SIME-NON, JACQUES DUCREST, PIERRE VÉRY. Với ba nhà Văn-sĩ lành mạnh này, không có hiếp - dâm, không có súng lục, súng liên thịnh, không có ầu đả ngoài đường hay trong tiệm... Tông - quát văn - chương Pháp hiện nay rất «hung-hăng», cho đến đối J.P. SARTRE cũng phải chán-nản, cái chán nản ê-chề về tâm-hồn, thả xác-thịt buông

trôi theo nhục-dục, như các tiêu-thuyết ngứa-ngáy, cưa quây của Nữ-sĩ FRANÇOISE SAGAN mà Mình không hoan-nghênh đó...

— Còn Thơ thì sao, hả Mình?

— Thơ Pháp hiện nay đã mất hẳn phong-vị lâng-mạn thanh-tao của Thế-kỷ XIX và rạo rực của trước Thế-Chiến thứ hai. Thơ Pháp hiện giờ đang xuống một cái dốc âm-phủ đầy những ảo-tượng vô nghĩa, hỗn loạn, mà nơi đây màu sắc cũng như âm thanh đều không còn tiếng nói muôn diệu, muôn hương của thời Tiền-chiến nữa. Tuy nhiên thỉnh thoảng có năm ba bài cảm hứng cao vút lên mây xanh, đưa ta đến một trời ảo tưởng rợn rào thi-tú.

— Mình cho em nghe thử một bài.

— Như bài này. Mình nghe không?

— Bài gì?

— *Grand Nu couché*

— Nghĩa là gì?

— Bức tranh khỏa thân nằm.

— Nghe. Mình có nhớ hết bài không?

— Nhớ.

— Mình đọc cho em nghe.

GRAND NU COUCHÉ

Douce bête seulante, assaillante aux pieds nus
Caverne où git repus l'ours aux oreilles rouges
Femme ! rocher roulé sur le long cri, dieu bu.
Reins et reine, le crin et la Sueur en bouche
L'œil fou, ventre creusé sur le marais primaire
Sur les pays sucrés de figues, de raisins,
Où l'ours lèche, gourmand, la paroi de la pierre
Pour cimenter l'amante à la vierge, demain.

Un miel âpre tiédit dans l'amphore des hanches
Flancs doux, doigts confondus, colchiques des seins fiers;
Il n'est jamais minuit quand le sang se déhanche
Ni quand la joue du jour s'incline vers la mer.

LUC BÉRIMONT
(1959)

— Cái thơ gì mà lung-cùng laca, khó quái, em chẳng hiểu gì hết. Mình dịch ra tiếng Việt cho em nghe.

— Dịch cũng khó lắm, vì tiếng Việt không đủ để dịch một bài thơ bí-hiểm như thế.

— Kệ nó, Mình cố dịch đại, miễn đúng cái ý thì thôi.

— Anh dịch theo nguyên văn, nếu Mình không hiểu thì cũng rán chịu nhé.

— Được rồi.

— Đây là Thi-sĩ tả một người đàn bà tràn-truồng nằm trong bức tranh bự.

— Có tục-tiểu như thơ Hồ-xuân-Hương không?

— Không đâu. Sạch - sẽ và thơm-tho lắm. Hiền-lành lắm.

À quên, trước khi dịch, anh cho Mình biết rằng bài Thơ này trích trong tập thơ « *Les Mots germent la nuit* » (Chữ nứt chồi trong đêm) và tác-giả của nó, LUC BÉRIMONT, được giải-thưởng Guillaume Apollinaire của Hội Thi-sĩ Pháp ở Paris tặng năm 1959.

— Nghe nhé. Anh chỉ dịch từng chữ, chứ không dịch ra thơ được :

Người là con thú dữ hiểm, muốn gầm lên, muốn chụp ta với
hai bàn chun trán
Trong hang con gấu nầm, phè-phõn, với hai tai đỗ
Nàng ơi l tangent đá lăn trên tiếng kêu dài, vì Chúa đã nóng,
Đuối bẹn và hoảng hậu, lồng lá và mồ hôi trên miệng
Mắt điên, bụng đao sâu, trên đầm lấy hoang vu,
Trên các xíu ngọt đầy trái sung, trái nho,
Nơi con gấu tham ăn liếm mặt đá
Để hàn gắn tình nương với trinh nữ, ngày mai.
Hai cái háng như chiếc bình xưa trong đó người dân một mức
mặt đắng
Đôi không dữ dảng, mấy ngón tay kết lại, hai trái vú kiên cẳng;
Đêm không bao giờ khuya khi dùng máu đã nê oái,
Khi gõ má của ban ngày nghiêng xuống biển Đông.

— Em chẳng hiểu cái chi chi
tả.

Ông Tú tum-tím cười :

— Không hiểu thì ráng hiểu.
— Nhưng ông Thi-sĩ đó muốn
nói cái chi chi mới được chứ ?

— Thị
người đàn bà trắn truồng nằm trong
bức tranh bụi đó, Dễ hiểu chết
mà còn hỏi cái chi chi !

— Tớ chịu thua.

— Tờ cung chịu thua. Những
loại thơ này chỉ cảm được chó
không giảng được. Ce genre de
poésie se sent mais ne s'explique
pas.

— Nhưng em không cầm được.
Cái gì mà lại có « con gấu với hai
tai đỏ » ?

— Tại sao nó mắc cỡ?

Ông Tú kê miêng và

Ông Tú kê miệng vào tai bà
Tú nói rù rì thiệt lâu...

Ông Tú nói xong, bà Tú cười
xòe lên một tiếng rồi đầm trên lưng:
ông Tú ba bốn đầm, ~

rồi chạy
thẳng vô buồng tắm.

Ông Tú cười sảng sặc,

ĐẶNG - THÚC - LIÊNG

(1867-1945)



MỘT BẬC TIÊN PHONG

trong làng Báo Sài Gòn



* ĐẶNG CÔNG THẮNG

CỤ Đặng-Thúc-Liêng, Ba tôi sanh năm Đinh-Mão, 1867, nhằm lúc nước-nhà Đại-Nam bị Pháp thực-dân xâm-lấn.

Lúc còn thơ ấu tên đặt là HUÂN ; đến 18 tuổi lấy biệt-hiệu TRÚC-AM. Từ 30 tuổi đến sau mới lấy tên ĐẶNG-THÚC-LIÊNG, biệt-hiệu Lục-Hà-Tầu và bút-tự MỘNG-LIÊM.

Ai cũng biết Cụ Đặng-thúc-Liêng là một nhà Nho tiên-phong trên trường văn-trận bút trong thời kỳ người Pháp mới sang chiếm cứ « Nam kỳ Lục tỉnh ». Cụ đã sống đồng thời với các cụ Pétrus Trương-vĩnh-Ký Trương-minh-Ký, Diệp-văn-Cường, v. v., và đã chủ trương những tờ báo đầu tiên bằng Việt-ngữ tại Saigon.

Chúng tôi rất hoan hỉ đăng sau đây bài truy-niệm của người con Thú nam của Cụ, ông Đặng công-Thắng, giáo-sư Anh văn ở Học-viện The Polyglote House.

N. V.

Thân-sanh của cụ là cụ Án-sát ĐĂNG-VĂN-DUY, người Gia-dịnh; Họ Đặng xưa kia dã rất lâu kiềm-soát cả mười tám làng vườn trầu ở miệt Củ-chi, Hốc-Môn bây giờ là ấp Tân-Phú-Trung, thuộc tỉnh Bình-Dương.

Năm 1862, quân Pháp vào đánh Gia-dịnh; vua Tự-Đức sai Án-sát Đặng-văn-Duy về chống cự tại Chí-Hòa; vì ông Án-sát là người có uy-tín và đạo đức với bà-con ở Gia-dịnh và Tây-Ninh, được dân chúng ở đây ủng-hộ, nên vua Tự-Đức chắc-chắn ông sẽ được phǎn thắng địch. Nhưng mà nhiệt-tâm và cảm - tử suông cũng không phương nào ăn nỗi chiến-cụ và binh-thuật tối-tân của Pháp. Sau bốn tháng trường chống-giữ đồn Chí-Hòa, quân ta dàn-h cam-thất bại.

Chiếu công-trạng quân-nhung, kè luôn hai chục lính và một viên quan Ba Pháp (1) bị dõng-sĩ của ông Đặng - văn - Duy hạ sát, nên tài đức của ông được vua Tự - Đức chau-phê và sắc tú; rồi bồ - nhậm ông làm Án - sát tỉnh Bình - Thuận. Qua mấy năm sau, ông Đặng-

văn-Duy di công-cán nhiều nơi trong toàn-cố Trung-Kỳ, hằng mưu-dò khởi nghĩa. Nhưng ảnh-hưởng chánh-sách cầu-hòa của NGUYỄN-TRƯỞNG-TỘ và PHAN- THANH - GIẢN chặn đứng cuộc bạo-dộng mà ông Đặng văn-Duy đã toan tính khơi ngòi.

Đặng - văn - Duy cùng nhiều tri-kỷ, xoay qua việc cõi-dộng cho phong-trào duy-tân, xuất dương du-học.

Bấy giờ nhiều bậc chí-sĩ Trung-Nam thường nhóm họp trong tư-dinh của ông Án Đặng văn Duy, nhờ đó mà Đặng văn Huân hấp thụ được rất nhiều những tư-tưởng ái-quốc cứu dân mà các cụ gieo trong đầu óc thông-minh của Đặng văn Huân. Vì vậy, Huân cố học cho hiều biết, chớ không màng đến khoa cử, e phải suy tán tinh-thần. Lắm sỉ-phu nhiệt-thành thật học bấy giờ không còn trông mong gì đến triều-dình hủ-bại ở Huế nữa. Vậy, Huân còn thiết gì đến quan trường?

(1) Đến bây giờ cái mồ kim-tự-tháp của viên quan Ba Pháp vẫn còn nằm bên lạy trái đường Sàigòn - Tây-Ninh, khoảng cây số 10, cách chợ Bà-Quẹo 1.000 thước.

Sau đó, ông Án Đặng văn Duy chết tại Bình-Thuận.

Sau khi đem linh-cữu của thân phụ từ Bình-Thuận về an-táng nơi mộ-phần quê nhà ở làng Tân-Phú-Trung, Gia-dịnh, Đặng văn Huân toan tính ra dời với biệt hiệu Trúc-Am.

**Hai người con của Phan - thanh - Giản :
Phan-Tôn và Phan-Liêm**

Năm ấy, 1886, Trúc-Am non 19 tuổi, chí-khí nam nhi bồng-bột nhờ thêm lò tuyên-huấn của hai con của Cụ Phan - Thanh-Giản, là ông PHAN-TÔN và PHAN-LIÊM. Hai ông này học vấn cao thâm ; nghe theo di-chúc của thân-phụ, hai ông triết -đề bài Pháp. Hai ông đáng bực chủ của Huân, thương mến Huân và dạy cậu thêm mọi điều hay với các pho sách Hán-tự quý-giá mà cụ Phan-Thanh - Giản cẩn - thận từ bên Trung - Quốc đem về. Sách ấy mở rộng trí-não hơn loại sách mà kẻ ham-mê khoa-mục phải nhai mãi trong nước ta ngày xưa.

Được co-hội giáo-hóa thuận-

tiện và uy-tín thanh - cao nhà họ Phan, cậu ấm Huân chẳng bao lâu thành một tân nho-sĩ lỗi-lạc. Phương châm círu-quốc dã sẵn của nhà; bấy giờ chỉ cần già -giảm là đem ra dùng được.

Ngoài văn-học Hán-tự, Đặng-văn-Huân còn thông-thạo y-dược và trọn bộ *Kinh-Dịch*. Làm thầy thuốc để sanh-nhai và gây cảm-tình hữu-nghi. Làm thầy bói theo gót Trạng Trình — để suy luận thời-co mà liệu-lượng bề tấn-thủ. Hai yếu - tố ấy luôn-luôn giúp cho Trúc-Am thành-công và bảo-tồn thề-thống của môn-đồ Không - Mạnh đến hơi thở cuối-cùng.



Sau khi vua HÀM - NCHI bị Pháp đày qua Algérie, cuối năm 1884, tranh - ngôi tiếm vị xảy ra liên - miên trong Hoàng-cung Huế. Rốt cuộc Pháp chọn ĐỒNG-KHÁNH mà đưa lên ngôi, vào năm 1885.

Chánh - phủ Pháp đặc - phái PAUL BERT sang làm Khâm sứ Bắc-ky. Paul Bert vốn là nhà bác-học thiên về xã - hội chủ-nghĩa mới này-nở bên Pháp với đệ-tam cộng-hòa. Paul Bert

ĐĂNG-THÚC-LIÊNG

nhờ cụ PÉTRUS TRƯƠNG-VĨNH-KÝ phụ tá.

Paul Bert đã nhờ Pétrus Ký thuyết-phục vua Đồng - Khánh trong kế-hoạch duy-tân : Pháp sẽ chiếm trọn Nam-kỳ làm một tỉnh hoàn-toàn thuộc Pháp như Corse và Algérie. Từ Nha-Trang đến Nam - Quan, nước Đại-Nam sẽ được hưởng chủ-quyền thật-sự.

Chánh-sách mới của Pháp ấy được nhiều sĩ-phu tán - thành. Trong đám sĩ-phu ấy — đúng đầu có hai cụ PHAN - TÔN và PHAN-LIÊM — tích - cực ủng-hộ Đồng - Khánh. Vua bèn cho người đi học bên Pháp, theo PHÁI - ĐOÀN PHAN - LIÊM. Đến Pháp rồi, phái - đoàn bị buộc phải học tiếng Pháp mới theo dõi khoa học khác được. Phan-Liêm đề-nghị nhờ thông-ngôn giảng-nghĩa, mới được mau chóng. Nếu phải học tiếng Pháp, thì chừng nào thành-tựu với khoa-học ? Được chấp-thuận, đề-nghị ấy sanh ra hiệu-quả đì-ky : Phan-Liêm trở thành kỹ-sư khoáng-sản trong vòng sáu tháng ! Về nước ít lâu Phan-Liêm hết thấy ánh-sáng nữa. Nhưng mà cụ vẫn đi từ Trung

ra Bắc mà tìm ra than đá ở Nông-Sơn và Hòn-Gay mà sau này Pháp tiếp tục khai-thác. Đến đâu, cụ bảo người cộng-sự mô tả địa thế, cỏ-cây, màu mè đất cát mà họ khoan đào dưới mấy chục thước. Cụ đoán ra ngay có mỏ gì hay là không.

Vua ĐỒNG-KHÁNH lại bày ra THÔNG THƯƠNG NHA, nhờ cụ PHAN TÔN lãnh-đạo. PHAN TÔN bèn phái ĐĂNG-THÚC - LIÊNG sang Hương-cảng dè mở trụ-sở mậu-dịch với nước Trung-Hoa. Từ 1887 đến 1888 công-cuộc tần-hành đáng kề lâm. Nhưng còn gặp trở ngại của bọn quan liêu hù-bại ở miền sông Hương nữa.

Trúc-Am Đăng-thúc Liêng về Saigon hỏi ý-kiến của Pétrus Ký, rồi mới trở ra Huế gặp Phan-Tôn dè phúc-trình công-cán. Lần này Trúc-Am có sẵn một kế-hoạch thương-mãi hiệu quả phát-sanh từ chỗ đàm-luận với tay buôn săn-bên Tàu và bên Anh. Trúc-Am chủ-trương cho nhiều người qua Hương-Cảng và Anh-quốc hắp-thụ ngôn-ngữ và khoa-học Anh, vì Trúc-Am đã nhận-thức cái thể lực bá-chủ hoàn-cầu do người Anh tăng-cường mãi-mãi với đại

đội thương-thuyền và chiến-hạm
vô-dịch.

Rủi thay ! Paul Bert, mới công
tác sáu tháng ở Bắc-Kỳ, đã
vướng bệnh kiết lỵ, phải cấp-tốc
về Pháp. Bọn thực-dân Pháp gay
cẩn với Pétrus Ký và toan hăm-hại
cụ ; cho nên cụ bỏ về ẩn-dật trong
Chợ-Quán, Chợ-lớn. Qua năm
1889 Đồng-Khánh, vì yếu-đuối
mà lo lắng nhiều quá, hết máu,
phải lìa trần !

Trong hoàn-cảnh thê-thảm ấy,
Ông Trúc-Am Đặng-Thúc-Liêng
nghĩ rằng cơ-hội may-mắn cho
Đại-Nam đã đến. Bây giờ phải
tùy sức cá-nhân mà gõ rồi tới
đâu hay đó.

Pétrus-Ký giới-thiệu

Trúc-Am bèn trở về Gia-dịnh
tạm-trú một ít lâu ; rồi ra ngồi
tiệm thuốc Bắc của một người
Tàu quen-thuộc, vì Trúc-Am nói
tiếng Quảng-Đông rặc-ròng.

Bạn-bè của Trúc-Am thêm
nhiều. Nhờ Pétrus Ký giới-thiệu,
môn-dệ của cụ như TRƯƠNG-
MINH - KÝ, DIỆP - VĂN-
CƯƠNG, v.v... quyến - luyến
với Trúc-Am.

Một năm sau, một quan cai-
trị Pháp tên là LANDES muốn
học chữ Hán và nghe ý-kiến của
một cố-văn Việt-nam trâm-anh

tuấn-tú là TRƯƠNG-MINH-
KÝ, đầu phòng Thông-ngôn,
bên tiến-cử Trúc-Am. Ba phen
Trúc-Am từ-chối, bởi vì có lập-
tâm tầy-chay Pháp rồi ; Nhưng
Trương-Minh-Ký khuyên - như
rằng ông Landes có tư-tưởng cắp
tiến và muốn khảo-cứu văn-hóa
Đại-Nam ; ra làm thầy của quan
cai-trị Pháp không phải nô-lệ của
Pháp như bọn TÔN - THỢ-
TƯỜNG đâu. Trúc-Am chấp-
thuận, mong rằng nhờ dịp này
mà làm thêm nhiều việc ích-
lợi khác.

Ông Landes quý-mến Trúc-
Am vô cùng, nhờ tư-cách liêm-
sỉ và tự - trọng của nhà nho
đắc-đạo. Sau này nhiều quan
cai-trị đồng-chí với ông Landes
cũng tôn-kính Trúc-Am trong
dia-vị sư-huynh. Đến năm 1892,
Trúc-Am từ hẳn chức - vụ đó
mà ra dàn ngôn-luận. *Gia-dịnh*
báo, *Nông-Cồ Min-Đầm*, *Nam*
Trung *nhựt-báo*, *Lục-lĩnh Tân*
Văn, v.v... đến *Đóng - Pháp*
Thời báo, *Thần - Chung* (của
Diệp - Văn - Ký) và tờ báo do
Thúc-Liêng chủ - nhiệm, *Việt-*
Dân - báo (1933 - 1937) là chỗ
dụng văn của Trúc-Am ĐẶNG-
THÚC-LIÊNG

(Ký sau tiếp)

Thơ Phan-Khôi

LÀM TRONG CHIẾN - KHU

* PHAN THỊ MỸ-KHANH

TRONG thời kỳ Việt-Minh còn ở Miền Nam này, tình-cờ một hôm xem quyển gì đó tôi cũng quên mất tên, tôi thấy đăng bài thơ sau đây của Thầy tôi làm trong Chiến-khu (1951)

*Lời suối trèo non lội đến đây,
Gặp anh về nghỉ dưới chân
mây.*

*Chúc anh mạnh khoẻ rồi ra
trận,
Thêm sức càng hăng đè đánh
Tây.*

*Đánh đến bao giờ độc lập
thành,*

*Tôi dù già rụi ở quê anh,
Cũng nguyên nhăm măt khong
ân-hận*

*Nằm dưới mồ nghe khúc Thái
bình*

Vì tôi chỉ xem thoáng qua có một lần rồi trả tập sách ấy nên cũng không nhớ cái đề nữa, hình như "Ngày Xuân, chúc anh Vệ-quốc đoàn" thì phải.

Than ôi, thế mà ngày nay người gởi xương nơi đất Bắc, lòng mang một niềm ân-hận, vì nằm dưới mồ chưa được nghe khúc thái-bình mà chỉ nghe tiếng hằng-triệu đồng bào đang rên-siết dưới chẽ-dộ độc-tài Cộng-Sản.

Năm 1950, người có gởi về cho thân mẫu tôi và các con đương-tan cư tại Tam-KỲ hai bài sau đây :

||

*Vì có trông người nhớ đến ta,
Nhà hai, nhà cả, cả hai nhà.
Tài khong tháo vát nhưng cần
kiệm,
Họa có ghen tuông vẫn thuận-
hòa.*

Tình nồng nhớ-nhung thơ vụng
tả,
Biệt lâu khao-khát tuồi quên
già.
Loạn ly sống chết còn chưa biết,
Đá một, hai rồi có lẽ ba ?



II

Hai nhà cong lại có mười con.
Năm gái, năm trai nhầm cung
giòn.
Gả cưới làm yên nguyên một
nửa,
Sứa mảng riêng mũi máu ba
hòn.

Tư trào khôi hẳn dành chia rẽ,
Nhân cách còn mong được vẹn
tròn.

Bé nhất Lang-Sa mới ba tuồi,
Tên mày ghi cái nhục non sông.

Ai vẫn bảo con người Thầy
tôi khô-khan, chưa đầy lý-luận.
Thế mà trong khi xa gia đình lâu
quá, người đã thốt ra những lời
thương, ý nhớ tha-thiết đậm-dà.
Nhớ vợ rồi nhớ con, nhất là
những đứa con sau còn mảng sứa,
đến cái thằng « bé nhất Lang-Sa
mới ba tuồi ».

Kỳ-Lý, Xuân Canh-Tý



* NGƯỜI DÀN BÀ ĐƯỢC YÊU NHẤT

Bà vợ đang rửa chén, bỗng nghe tiếng chồng mình đứng
bên cửa gọi :

— Nè, đây là người dàn bà mà ông láng giềng chúng ta
yêu rất mực.

Bà bỏ cả chén dĩa, vội vã chạy ra bên chồng để xem « cái
nhân vật ấy ».

— Dâu, dâu, người ấy dâu?

— Đó, người dì bên, mặc áo xanh dương đó.

— Trời ơi, mình điên à, đó là vợ của ông ấy mà.

— Thị vợ của ông ta, chó tội có nói với mình gì đâu.

T. L. L.



CHƯƠNG HAI

I.— ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Ảnh-hưởng
sâu - rộng
của Văn-
Hóa Pháp

(Xem P. T. từ số 30)

HÌNH như tiếng Pháp, với cách thức diễn-đạt lời nói rõ-ràng và tề-nhị của nó, có một sức hấp-dẫn khá mạnh-mẽ đối với các từng lớp dân chúng

* **NGUYỄN-VŨ**
Việt-Nam hồi Tiền-Chiến, từ những các em Nam-Nữ học-sinh Tiểu-học cho đến các tiến-sĩ, thạc-sĩ Văn-Chương, cho nên

nó đã được gần như thông-dụng khắp nơi nơi. Cho đến cả trong ngôn-ngữ thông-thường, nhiều tiếng Việt đã bị tiếng Pháp thay thế, bị tiếng Pháp chi-phối, với sự đồng-loa lặng-lê và gần như tự-nhiên của mọi người. Cho đến đời không còn ai ngạc-nhiên nữa khi người ta nghe một chị bán hàng rau ngoài chợ ưa nói chữ « *Légumes* », mặc dầu đôi khi nói sai thành ra « *La ghem* », hơn là nói « *Rau* », anh phu-xe nói chạy một « *course* » — một cuộc, một « *tour* » — hơn là « chạy một chặng, một vòng » v.v...

Nhưng ham-mê tiếng Pháp hơn hết, nhất là Văn-Chương và tư-tưởng Pháp, là các nhà trí-thức, trong số đó dĩ-nhiên có các nhà Văn, nhà Thơ. Hầu hết các Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền-chiến tuy viết Văn bằng Việt-ngữ, nhưng vẫn thích nói tiếng Pháp. Nếu không nói toàn tiếng Pháp thì cũng chêm nhiều tiếng Pháp trong câu nói Việt-Nam. Không kể những bậc tiền bối như PHẠM-QUỲNH, NGUYỄN-VĂN-VĨNHL, nhất là Nguyễn-văn-Vĩnh, chuyên-môn nói tiếng Pháp cả trong những câu

chúc mừng năm mới trong những ngày Tết ta, mà đến cả thế-hệ các nhà Văn trẻ tuổi 1925 — 1940, cũng ưa dùng tiếng Pháp trong khi trò chuyện với nhau.

Những nhà Văn đã học đến bậc Tú-Tài, và Đại-học (phần nhiều là ở trường Cao-đẳng Sư-phạm và Cao-đẳng Luật-học), đều viết cả Việt-văn và Pháp-văn, như PHẠM-HUY-THÔNG, NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP, VŨ-NGỌC-PHAN, VI-HUYỀN-ĐẮC v.v... Không kể một số người chỉ chuyên viết Pháp - văn như NGUYỄN-TIỀN-LÂNG, NGUYỄN-MẠNH-TƯỜNG, TÙ-BỘ-HỮA, LÊ-TÀI-TRIỀN, NGUYỄN-ĐỨC-BÍNH, VŨ-ĐÌNH-DY...



Như đã nói ở trên, hầu hết các nhà Văn Tiền-Chiến, dù là viết Việt-Văn, đều thích nói tiếng Pháp, chỉ khác nhau là nói nhiều hay ít, thường xuyễn hay thỉnh-thoảng mà thôi.

KHÁI HƯNG-LAN-KHAI,
LÊ-VĂN-TƯỜNG.

TRƯƠNG-TỬU, NGUYỄN-TUÂN, v.v... một đời khi nói chuyện toàn bằng tiếng Pháp. Cho đến đời tặng sách cho nhau cũng ít khi đẽ bằng chữ Việt. Thí-dụ như hầu hết những quyền tiểu-thuyết của Khái-Lưng, Lan-Khai, Nguyễn-Tuân, Trương-Tửu, Lê-văn-Trương, gởi biếu các bạn trong làng văn, đều đẽ trên trang đầu một câu tiếng Pháp, đại khái :

Hommage cordial de l'auteur (1)

Cả Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, cũng thế. Đó là một thời-thức, thành ra một thói quen. Nếu các bạn cho rằng đó là một thói xấu, thì kẻ viết bài này xin thú nhận rằng chính nó cũng đã không tránh được thói xấu ấy.

Nhưng lúc bấy giờ vì tiếng Pháp đã được coi như là một mỹ-phẩm thông-dụng nên các nhà Văn tiền-chiến đã dùng nó cũng gần như một xa-xỉ-phẩm của tinh-thần, một món trang-trí ngoại-quốc để tô-diểm cho thêm phần thẩm-mỹ đó thôi.

Đôi khi lạm-dụng hình-thức ấy cũng thành ra lố-bịch thật,

thí-dụ như Nữ-sĩ ANH-THO', tác-giả tập thơ « *Bức tranh quê* » chữ Pháp rất kém (thi rót tiểu-học) mà cũng đẽ tặng tập Thơ rất có giá-trị của nàng, bằng một câu chữ Pháp viết sai chánh-tả : « *Homage cordial...* » Chữ « *Homage* » nàng chỉ viết có một m. Nhưng đó là trường-hợp hy-hữu.

*

Đó là về hình-thức. Nhưng hình-thức ấy chính là tượng-trưng tinh-thần ham chuộng Pháp-văn.

Ham chuộng Pháp-văn cho nên hầu hết các nhà Văn nhà Thơ thời tiền-chiến đều thích đọc sách Pháp. Những tác-giả Pháp được các Văn-sĩ Thi-sĩ Việt-Nam yêu nhât lúc bấy giờ là & Thế-kỷ XIX và đầu Thế-kỷ XX : Về Thơ thì Hugo, Lamartine, Musset, Vigny, Chénier, Sully Prudhomme, Leconte de l'Isle, Verlaine, Baudelaire v.v... Về Tiểu-thuyết, thì Alexandre Dumas, P. Bourget, P. Benoit, Maxime Gorki, Anatole France...

Về Kịch : Racine, Corneille,

(1) Tác-giả thân tặng

VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

Sacha Guitry, Jules Renard, Courteline... Về các tác-giả ngoại-quốc khác thì Virgile, Homère, Dante, Goethe, Schiller, Tolstoi, Dostoïewsky, Shakespeare, Edgar Poe, Tagore, Omar Khayyam, Firdowski...

Người ta thường thấy các nhà Văn LAN KHAI, LU'U-TRỌNG-LU', VŨ-BẰNG... nằm trong các tiệm thuốc-pharmacy với những quyển sách Pháp, Tiểu-thuyết, hoặc Thơ' mới mua hoặc mượn trong Thư-Viện với tên sách in bằng chữ vàng trên gáy da. LÊ-VĂN-TRƯƠNG, NGUYỄN-T JÂN, NGUYỄN-CÔNG-HOAN, v.v... nằm trong các nhà hát ở Khâm-Thiên, Ngã tư số, Vạn Thái..., đầu thi gối trên bắp đùi mềm-mại của mấy cô ả-dào mơn-mỏn duyên-to, tay thi cầm một quyển tiểu-thuyết đạo-đức của Anatole France, hay của Léon Tolstoi..! Sự thật không phải các nhà văn ấy muốn "vậy" với "các em", nhưng vì họ mê một trang văn chuong buồm-bẩy của Pháp cũng như mè nụ cười hoa-lệ của các cô "tiểu thư", họ say sưa một vài câu thơ của

Firdowski, Virgile, cũng không kém một vài hơi mây gió ảo-huyền của nàng Tiên Nâu vậy.

Tuy nhiên, xin đừng tưởng rằng tất cả các nhà văn nhà thơ tiền-chiến đều ghiền thuốc phiện, hay ả-dào, hay rượu. Đại khái có những nhà văn không bị "nhiễm" các chứng ấy, như NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP PHẠM-HUY-THÔNG, VŨ-BẰNG (anh nghiện thuốc phiện một thời-gian rồi bỏ hẳn) VŨ-TRỌNG-PHUNG, v.v... Có những người chỉ ghiền rượu nhưng rất ghét ả-dào và thuốc phiện, như TRƯƠNG-TƯU-KHÁI-HƯNG nghiện thuốc phiện nhưng không ưa ả-dào, và ít uống rượu. NHẤT-LINH cũng vậy. Thời kỳ chiến-tranh, Nhất-Linh bỏ thuốc phiện lại ghiền rượu. Rồi vài năm sau anh đã bỏ hẳn cả rượu. PHẠM-QUỲNH không ghiền gì cả. NGUYỄN-VĂN-VĨNH tra đánh tồ-tôm, tài-bàn, THẾ-LŨ mó gì cũng biết, nhưng không nghiện món nào. NGUYỄN-TUÂN cũng vậy. Một vài nhà văn rất thích cờ-tướng, như LU'U-TRỌNG-LU',

NGUYỄN - TUÂN. Nhưng tuyệt nhiên, theo như tôi biết, không có nhà văn nào ưa môn khiêu vũ. Họ không thích « truy lạc » với mấy cô gái nhảy. Và lạ nhất là phần đông cũng không ham ci-nê. Thỉnh thoảng có phim nào thật hay, thật cảm động, có ý nghĩa về xã-hội, (như *La Maternelle, Quel est le coupable?*...) có mới đi coi. Chủ-nhật, các nhà Văn thường đi chơi ngoài thành Hà-nội như Chùa Láng, Nghĩ Tàm, Ô Cầu-giấy, Đền Voi-Phục, Hà Đông, Bạch mai... Bưởi v.v... Họ chỉ đi chơi lang thang từng nhóm vài ba bạn thân-thiết nhất trong làng Văn để chụp hình hoặc để bàn luận về Văn-Chương và nhìn mây nhìn gió. Hoặc họ đi với vài ba bạn gái, phần nhiều là các Nữ-sinh yêu-mến Văn-thơ của họ. Những cuộc ngao-du tâm-tình rãy thường rất say-sưa mộng, có vẻ « tiểu thuyết » hơn

là thực-tế. Nhưng thường hơn hết là họ gặp-gỡ thăm-viếng lẫn nhau để trò chuyện về Văn-chương. Thỉnh thoảng mới bàn về chính-trị. Những người hút thuốc phiện, thường không có bàn đèn ở nhà, (trừ một số ít có tiền) nên họ nằm trong các tiệm quen ở các phố Hàng Buồm, Mă-mây, Hàng Gạch, Chợ Hôm, và chỉ nằm ban đêm thôi. Ban ngày thường có những cuộc gặp gỡ thân-mật tại các tòa Báo, hoặc ở nhà riêng, nơi đây có rất nhiều các cuộc bàn-bạc, phê bình, về các tác-phẩm văn-học mới xuất-bản, hoặc trao đổi cảm tưởng về các tác-phẩm của Pháp mới qua. Hầu hết các nhà Văn, Tiền Chiến đều rất ghét ngồi nơi các tiệm ăn để « nhậu nhẹt » say sưa, nói chuyện nhảm-nhí. Những kẻ ghiền rượu thì mua rượu về nhà uống với vài ba bạn đồng-nghiệp. Có những người thích uống rượu với thịt chó, như LUU-TRỌNG-LU', NGUYỄN-XUÂN-HUY, LAN KHAI... TRƯƠNG - TÙU thường say mềm bèn mâm chả cá. NGUYỄN-TUÂN thích uống rượu với thịt chuột. Còn TÂN Đà thì bắt cứ gặp món gì, lạc

rang, nem, ót, củ kiêu, thịt chim đều thích-dụng được cả.

Có thè nói rằng Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền chiến ở Hà-Nội chia ra vài ba nhóm, nhưng không phải vì chủ-trương Văn-Nghệ khác nhau, mà đúng hơn là vì sự giao-du thân-mật riêng biệt nhau. Trừ ra nhóm TỰ-LỰC VĂN ĐOÀN với KHÁI - HƯNG, NHẤT-LINH, THẾ-LŨ, TÚ-MỞ, HOÀNG-ĐẠO..., mấy anh này muốn tách hẳn ra, không chơi chung với ai hết, còn thì không có « Văn-doàn » nào khác cả.

Đôi khi người ta gọi « nhóm Tiểu-thuyết Thứ Bảy », chỉ vì một số nhà Văn viết tr uyện dài truyện ngắn bán cho ông Chủ-nhiệm tạp-san « Tiểu-thuyết thứ Bảy », chứ không phải các nhà văn ấy quy-tụ lại thành một văn phái. Viết cho « TIỂU - THUYẾT THỨ BẢY » thì nhiều cây bút lăm, nhưng thay đổi bắt thường. Như LAN-KHAI, LƯU-TRỌNG-LƯ, TCHYA, THANH-CHÂU, VŨ-BẰNG, NGUYỄN - CÔNG - HOAN, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT v.v.. hẽ gấp báo nào thuận tiện thì viết cho báo ấy, được nhà xuất-

bản nào mua bản quyền khá hơn thì bán bản-thảo cho nhà xuất bản ấy. Thê thôi. Nhưng theo sự giao-du thân-mật và riêng biệt, người ta có thể đếm đại khái những « nhóm » như sau đây : Nhóm Lan-Khai, Đỗ-thúc-Trâm, Vũ-trọng-Phụng, Nguyễn-triệu-Luật... Nhóm Lưu-trọng-Lư, Lê-tràng-Kiều, Nguyễn-xuân-Huy, Nguyễn-Tuân... Nhóm Phạm-huy - Thông, Nguyễn - nhược Pháp v.v...

Dĩ-nhiên là làng văn đều quen thân với nhau tất cả, nhưng những nhà văn ở mỗi nhóm chơi thân mật với nhau hơn, tri-kỷ với nhau hơn, cùng nhau hội-hợp, hoặc đi chơi với nhau thường-xuyên hơn. TRƯƠNG-TỬU thì bắt nhất, có lúc đi cặp với NGUYỄN - ĐỨC QUỲNH, có lúc đi đôi với LÊ-VĂN-TRƯƠNG, có lúc không thèm đi với ai.

Viết văn cũng mỗi người có mỗi lối viết, TRƯƠNG-TỬU lúc viết rất nghiêm-nghị, trầm mặc hằng giờ, viết xong mới nghỉ. Trái lại, LƯU-TRỌNG-LƯ viết một lúc, rồi bỏ bút đi lang thang ra ngoài sân rồi trở lại viết nữa. Có khi anh trở vào

bàn thì tờ giấy đang viết dở dang đã bị gió cuốn bay đâu mắt, anh lục-lọi vài nơi, la hét vài câu, rồi ngồi xuống viết lại trên tờ giấy khác. Lưu-trọng-Lư, những lúc làm thơ y như người mất trí, nhìn vơ-vẩn, cười ngơ ngẩn, đi thơ-thẩn... có khi nói lầm-nhầm trong mồm. LAN-KHAI cứ viết vài trang phải bỏ bút xuống đi hút một hơi thuốc lào cho đã ghiền. PHẠM-HUY-THÔNG ngồi làm thơ, đầu tóc bờm xờm, với cặp kiếng cận thị đóng chặt trên tờ giấy, như Jean Cocteau. NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP vừa viết vừa túm-tím cười một mình, với cái miệng như móm.

Viết mà xóa bỏ nhiều nhất là LAN-KHAI, và NGUYỄN-

TUÂN. Tôi đã thấy một trang nháp của Lan-Khai, sửa chữa rậm-rì rậm rịt, đọc không ra chữ. Nguyễn-Tuân có cho tôi xem mấy trang bản thảo thứ nhất của « *Vang Bong một thời* », tôi cũng không đọc trôi một câu nào. Viết mà không sửa chữa gì mấy, nhiều trang cứ sướng đuột một mạch từ trên xuống dưới không chấm câu, là LÊ - VĂN-TRƯỜNG. Còn VŨ-TRỌNG-PHỤNG thì có nét chữ lý tí, lý tí, và đều đều, thỉnh thoảng mới xóa bỏ vài chữ, vài câu. Anh ấy đang ngồi viết mà ai dật ngọt bước vào thì anh đến ghét, không thèm chào hỏi. Có khi anh bỏ khách ngồi trong xó, ngồi chán rồi đứng dậy đi ra. Mặc kệ.

(Ký sau tiếp)



* DANH NGÔN

Il n'y a pas de femmes laides ; il n'y a que des femmes qui ne saveul pas se rendre séduisantes.

Christian Dior

Không có người đàn bà xấu ; chỉ có người đàn bà không biết làm cho mình thành quyến rũ đó thôi.

T. L. L.

CÔ GÁI BIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TÙ-VU ✪ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 30)

XIII

BA hôm sau đó, vết thương ở đầu tôi, đã hàn hẳn, và không cần phải băng bó lại nữa. Trừ cái chỗ tóc đã xén đi, để rửa vết thương và bôi thuốc cho được dễ dàng, tôi soi gương cũng chẳng thấy có ngấn tích gì.

Hải-lan có nói cho tôi rõ, từ cái tối bữa đó cho tới nay, Bạch-Tần cứ nghiêm-nhiên

không lý gì tới cô cả. Trong mấy ngày vừa qua, Bạch-Tần chỉ một mình ra đi, cho tới mai trời sáng tỏ, mới trở về nhà. Cũng vì vậy mà buổi tối hôm nay, tôi quyết-tâm phải theo dõi nàng cho bằng được. Tôi đã dặn Hải-lan kỵ càng, hê thấy nàng sắp sửa để đi, là lập tức cho tôi biết ngay. Tôi nằm chập chờn không sao ngủ được vì sự

ngóng mong đó. Nhưng tiếng động trong nhà, làm cho tôi thao-thức thâu đêm.

Nhưng, đêm hôm ấy Bạch-Tần không đi, mà, hôm sau cũng vậy. Cả đèn hôm thứ ba, nàng cũng cứ ở lỳ, ở nhà. Đó không phải do sự ngẫu-nhiên. Tôi đọc tập nhật-ký của Hải-lan mới rõ; hình như cô nàng đã dấu-kí với Hải-lan, để xem, ai hơn thua, trong cái trò chơi ú-tim này. Nhân thể, tôi được yên-tâm, có lẽ cục-thể không đến nói gay-go và sự cùu-vân sẽ dễ-dàng. Cái thái-độ hiện nay, chẳng qua chỉ là biểu-thị của sự lảng-mạn và cái bẩm-tính hiếu-động của nàng. Tuy-nhiên, cứ ngày ngày chờ đợi một sự cải-biến, rút cục, nó cũng vô cùng mệt óc, khổ-tâm. Và, đêm đêm, cứ phải thấp-thõm đợi Hải-lan xuống báo tin, lâu mãi, tâm can có là sắt, đá, cũng không sao tránh khỏi sự buồn phiền, bức-bối.

Áy thế rồi, một tối nọ bỗng nhiên, Bạch-Tần đem Hải-Lan, đánh xe đi, ra khỏi nhà, mà tôi chẳng hay biết gì cả. Tôi đương ngủ ngon giấc, thì bỗng tiếng xe chạy làm cho tôi bừng tỉnh.

Tháng được bộ quần áo vào tướm tất, và cho xe ra đến cổng thì chiếc xe màu xanh của Bạch-Tần đã biến đâu mất trong đêm tối. Lái xe tới quán rượu Mân-côi, tôi cũng chẳng thấy tăm dạng cô nàng. Không còn biết làm thế nào hơn tôi dành quay xe, trở về nhà. Khi tôi vào tới ngang dãy biệt-thự, thì Hải-lan đã đứng ở trên lầu, gọi tôi. Tiếp đó cô chạy xuống, mặt buồn rầu rầu, đầy vẻ thất-vọng. Tôi cố còn tìm ra một lời nào, để an-úy cô và lui-thủi đi theo cô, vào ngồi ở khách-sảnh. Tuy chung tôi, không ai bảo ai, mà đều mặc nhiên cùng nhau ngồi đợi Bạch-Tần. Mãi tối lúc trăng tà, sao lặn, cũng chẳng thấy bóng vía nàng đâu. Hải-lan cứ ngồi ngáp dài ở ghế. Tôi bèn khuyên cô nên đi ngủ, nhưng cô không nghe và cứ nhất định để cái bộ mặt xanh lợt, với cặp mắt mệt-mỏi kia, cho người chủ thân-yêu chính mắt trông thấy, cho nó cảm cảnh! Nhưng khổ thay, khi trời đã sáng tỏ, Bạch-Tần vẫn không về. Một lúc sau, Hải-lan hát hoi liền, hai ba cái. Tôi biết ngay là cô bị cảm hàn rồi, nên tôi phải cố nài ép cô,

CÔ GÁI ĐIỀN

phải đi nầm. Lúc đó, đã quá sáu giờ.

Cho mãi tối trưa, Bạch-Tần mới dẫn thân trở về, và mới thấy Hải-lan đương sốt mê-mani. Nàng liền vội-vàng cho đi mời thầy thuốc và lấy thuốc về cho Hải-lan uống. Quả tình, nàng đã tỏ ra rất đổi nhiệt-tâm, đổi với sự chạy chữa và thuốc thang cho cô tớ gái.

Mãi cho tới khi tôi tỉnh giấc mới hay các chuyện trên dày, do người quản-gia kể lại. Tôi những muôn nói cho Bạch-Tần rõ cái cẩn-nghiên bệnh-hoạn của Hải-lan, nhưng nàng đã không cho tôi một cơ-hội thuận-tiện nào, để nói cả. Một phần, nàng hết sức lạnh - nhạt với tôi, một phần nữa, cơ-hồ như nàng có-tình lánh - ẩn, không cho tôi giáp mặt.

Thầy thuốc, sau khi khám bệnh cho Hải-lan, có bảo, bệnh tình của cô khá nghiêm-trọng, cần phải tiêu-tâm săn sóc. Tôi thấy phải nói nhiều điều với Bạch-Tần, nên tôi nhất-dịnh viết thư cho nàng. Trong thư, tôi sẽ nói hết, nói hết. Bức thư dài tôi mướt mẩy trang giấy. Tôi

kể đủ cả thân-thể, sự-nghiệp cùng là các việc đã trải qua của tôi, và, sau hết, là sự luyến-ai giữa Hải-lan với tôi; tôi nói trắng hẳn ra, tôi đã yêu Hải-lan như thế nào, và về phần Hải-lan, cô đã đem hết cả tâm-bồn, lẫn thể-xác ký-thác vào tay tôi. Chúng tôi chỉ chờ đợi sự lành-mạnh của nàng và tâm - cảnh của nàng, từ chỗ hắc-ám trở về nơi quang-minh, là, lập-tức, chúng tôi sẽ cùng nhau ly-khai hẳn nơi đây. Tuy tôi đã đảm-nhiệm cái chức-trách chữa bệnh cho nàng, nhưng tự bấy, nhẫn nay, chẳng có mảy-may hiệu-quả. Hải-lan cam-tâm hy-sinh cả cuộc tình - duyên của mình, nên cô nhất-quyết không chịu rời bỏ nàng, trước khi nàng được bình phục hẳn, để sống một cuộc sống an lạc theo cái nền-nếp và cái địa-vị của gia-dình nàng. Tôi tâm-thành yêu-cầu nàng, lấy từ-tâm và độ-lượng thương-lại Hải-lan, Hải-lan đã vì nàng mà nay lâm phải trọng bệnh, vậy nàng phải cải-tiến cách sinh-hoạt đi, để an-úy Hải-lan; giàn-hoặc, nàng sẽ tự ý đến điều-dưỡng tại y-viện của y-sư Xa-lạp-Mỹ để y-sư chẩn-đoán và y-sư chẩn-đoán và tri-liệu cho

nàng. Ngoài ra, thiệt không còn cách nào tiện-lợi hơn vì chỉ có thể, Hải-lan mới khôi ngày, đêm, gian nan, khổ-cực vì nàng; thiên vạn, xin nàng hãy nghỉ lại, mà đừng bỏ một người bấy nay chỉ biết ái-đối và phục-thị nàng. Mấy lời cầu-khổn đó kết-thúc bức thư của tôi.

Viết xong bức thư, thì cũng đã khuya rồi, nên tôi đi ngủ và định tĩnh rằng, đến mai tôi sẽ giao nó cho dung-nhân để họ đưa cho Bạch-Tần. Nhưng khi trở dậy, tôi đem thư ra đọc lại từ đầu chí cuối, mặt tôi bỗng nóng lên bừng-bừng. Không, không, dầu sao đi nữa, tôi cũng không thể nào nói trắng ra như vậy, với con bệnh mà tôi đương giữ cái trọng-trách y-trị. Lời lẽ trong thư đã ra ngoài hẳn ý-trí của tôi. Một khi Bạch-Tần đọc xong bức thư với tất cả sự bộc-lộ phũ-phàng đó, sao cho khỏi không xảy ra một sự phản-ứng khổ-c-hại mà cái hậu quả là Bạch-Tần sẽ coi tôi là một kẻ cừu-dịch. Và rồi, đối với y-sư Xa-lap-Mỹ, tôi sẽ ăn làm sao, nói làm sao? Sự tai hại, không những, không thể trắc-lượng được, mà rồi ra,

không cần phương-kế gì để cứu vãn nữa.

Cũng may mà tôi chưa giao thư cho người nhà. Tôi không ngần-ngại ngồi vào bàn, tả một bức thư khác. Nó hết sức đơn-giản và chỉ vắn-vẹn có mấy lời sau đây :

« Kính gửi cô Bạch-Tần,

Mấy hôm nay, tôi chỉ mong có dịp để hầu chuyện cô, nhưng cô đã không cho tôi một cơ-hội thuận-tiện nào. Tôi chỉ định-ninh thưa để cô rõ, sở dĩ Hải-lan lâm-bệnh, là vì quá yêu cô, ấy thế mà, bao ngày nay, cô đã quá lạnh-nhạt với Hải-lan, để cho đến nỗi Hải-lan bị thích kích một cách quá đáng. Thêm vào đó, Hải-lan đã thức trắng cả một đêm hôm qua, để ngồi chờ cô, và nhân thế, đã bị cảm-hàn. Cả nhục-thể lẫn tinh-thần đều bị dǎ kích, cho dầu người là sáu, cũng phải quy-đảo, chứ nói chi Hải-lan, một cô gái kiều-nhuệ. Tôi hy-vọng, cô sẽ thể-lượng cho Hải-lan, mà thương lại Hải-lan, để khôi cô-phụ tấm lòng của Hải-lan, thủy-chung, vẫn một niềm ái-kính cô. »

Viết xong, tôi liền trao cho dung-nhân để đưa tận tay Bạch-Tần, nhưng, nàng tuyệt nhiên không trả lời tôi.

Sau đó, tôi đi thăm Hải-lan. Nhiệt độ của cô rất cao, cô nằm thiêm-thiếp trên giường. Bạch-Tần ngồi ở một bên, nhưng, khi thấy tôi vào, liền đứng dậy, đi ra ngoài để tránh mặt tôi. Tôi cũng chẳng thốt ra được lời gì với Hải-lan và tôi lại trở xuống ngay. Đến chiều, tôi gởi lên cho Hải-lan mấy bó hoa tươi.

Tuy-nhiên, Bạch-Tần dường như đã cải-biến thái-d百姓. Nàng không đi chơi nữa, và luôn luôn ở nhà để săn-sóc Hải-lan. Hồi thăm dung-nhân, tôi được biết Bạch-Tần rất tận-tâm với Hải-lan. Về phần thuốc thang, cùng là sự ăn uống, Hải-lan đã được Bạch-Tần liệu-lý cho hết sức chu đáo và khoa-học.

Có xem như vậy, tấm nhiệt-tinh trước đây của Hải-lan đã làm cho Bạch-Tần cảm-động, mà, bức thư của tôi cũng đã ám-thị ảnh-hưởng một phần lớn, đối với thái-d百姓 của nàng, tuy nàng vẫn không hồi-âm cho tôi. Tôi thấy rất đỗi an tâm.

Dăm bùa sau, Hải-lan đã được vô-sự và đỗ chừng đến ngày thứ chín, thì cô đã trở dậy, bệnh-trạng thuyên-dū hẳn. Khi tôi lên thăm cô, cô, quả đã khỏi hẳn, chỉ vệt mặt còn hơi xanh và thể-lực chưa được kiện-toàn như xưa.

Về phần Bạch-Tần, trong những ngày bệnh-hoạn của Hải-lan, nàng đã sinh-hoạt một cách rất chính-thường, nhưng, từ lúc Hải-lan khỏi bệnh thì nàng lại uống rượu và nằm dài ở giường chẳng hề nói năng, trò chuyện gì với Hải-lan cả.

(Còn tiếp)

ĐÍNH CHÍNH

Trong Phổ Thông số 30, bài «những đêm cầu cơ tại nhà Victor Hugo», dòng đầu, trang 10 :

Từ đêm 11.9.1853, Victor Hugo cầu cơ.. mà tờ nhà in đã sáp nhầm là : từ đêm 11-9-1953 Victor Hugo...

Truyện ngắn «xem turong để lấy vợ», trang 65, ở dòng «viết tại Saigon tháng 7, 1935, tranh vẽ của J. Goeage» nhầm là : tháng 7, 1955.

Vây xin cáo lỗi, và mong quý bạn sửa lại giùm. Đa tạ.

P. T.

LÊN RUỘT

* DIỆU-HUYỀN *

Đao mát bờ sông

Đêm qua đao mát bờ sông,
 Gặp ba bốn cặp, mỗi ông một bà
 Ôm nhau dưới bóng trăng tà
 Từ từ tủ-tủ mỗi bà một ông !

Một bà mặc áo ni-lông
 Gác vai, dựa má, kề mông, đậm đà !
 Còn ông cũng rất mặn mà
 Một tay ôm xiết kề bà vô hông !

Một nàng phất-phới áo bông,
 Miệng cười toe-toét cùng ông xơi quà.
 Ông cầm miếng bánh đút bà,
 Bà đưa miếng kẹo kè-cà đút ông.

Một chàng mái tóc uốn cong,
Cũng đi hứng gió, nhìn sông, la-cà,
Trên lưng một chiếc vết-pà,
Áo quần mỏng dánh, một bà ôm ông !

Nào ai dạo mát bờ sông
Thử dòm đây đó mấy ông mấy bà !
Lặng-nhăng dù đồn dù đà,
Thì-thầm trong tối, thật là đồi phong.

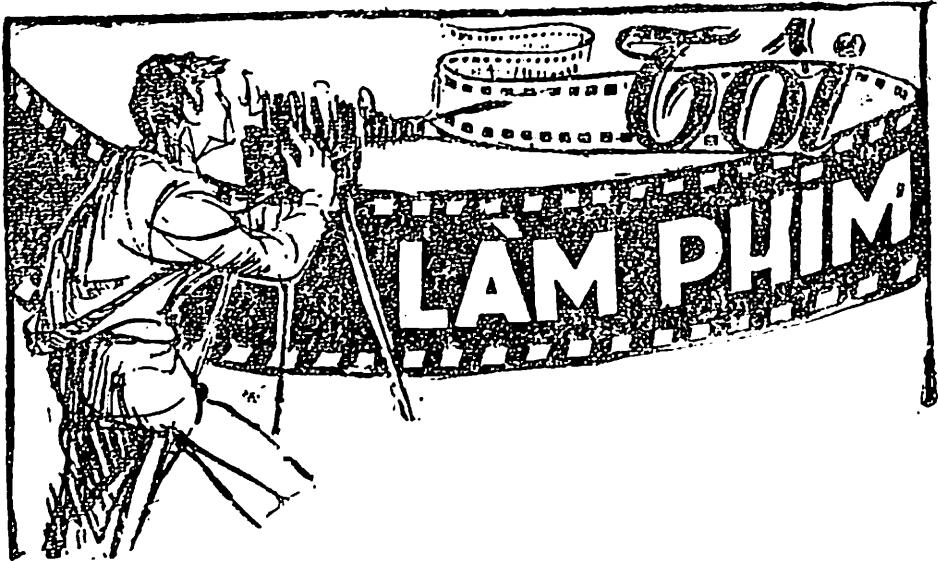
Họ ngồi núp dưới bụi hông,
Mà đi đâu vắng mấy ông mā-tà ?
Chạy quanh Xóm-giá, Xóm-gà
Ruồng quo nhũng lũ Tú-Bà Tú-Ông ?

Thì đây rải-rác bờ sông,
Nhòn - nhơ mấy đồng Tú-Ông Tú-Bà !
Sao không quét sạch đám tà ?
Sao không bắt trộm cả bà lẫn ông ?



Để cho sạch sẽ bờ sông !

Điều Nguyễn



(Tiếp theo và kết)

Trong các nghệ sĩ Cải lương đã bước vào làng Điện Ảnh, có lẽ Bác Tư C., Bác Ba C. H.M. là những người đầu tiên đã hiện lên màn bạc.

Nói đến Bác Tư, tôi vẫn nhớ đến anh chàng đẹp trai cách đây gần 30 năm trong vở tuồng : Em Muốn Tự Do... với diễn xuất đặc đáo, tân tiến nhứt.

Trong cuốn phim Trai Thời Loạn, bác Tư đóng vai người cha, một người cha quên buồn n谅c non và gia đình trong chén rượu. Người con xông pha ra biển cương để gìn giữ bờ cõi. Khi chàng đã cụt một chân thì được phép giải ngũ. Về đến

* THÁI THÚC DIỄN

làng, phụ thân khän khän không chịu nhìn chàng là con, vì con của ông ta không bao giờ trốn quân-dịch hoặc bỏ mặt trận mà về ngang như vậy. Không... con ta còn ở tận ngoài biển cương. Nhưng khi người con nhặc đến cái chân. Con nay còn chỉ có một chân... thì người cha liền hiểu và... khóc cái chí khí của mình qua người con duy nhất đã ra người tàn phế.

Cách diễn xuất của các nghệ sĩ rất linh động và mãi tối bây giờ tôi vẫn nhớ những buổi quay, đượm vui buồn ấy.

Bác Tư vẫn áp dụng triệt đẽ

câu «Nam Vô Thủ như Kỳ vô Phong» nhưng có một thiện chí sắt đá, cầu tiến hơn người, một quan niệm nghệ thuật vô song.

Tôi nhớ trong một màn chỉ lấy có một plan mà phải mất một đêm tròn.

Đó là plan chưa đựng câu : «Rượu đâu ta muốn uống thêm.» Màn này trình bày người cha sầu con, sầu gia đình, đến viếng người bạn, hai đảng cùng đậm chai một mách, rồi bí-tỉ người cha ngã vật xuống giường, miệng cứ đòi uống rượu thêm... để say thêm, để quên... chiến tranh tàn ác ! Để quên các cảnh máu đổ thịt rơi !

Bác Tư nói cần phải có thứ rượu tăm Hóc - Môn thì đóng mới thật. Chúng tôi xách về một chai thượng hảo hạng, chiếc lần vào chiếc nhạo. Mà màn đó Bác Tư đóng hay thật. Cứ mỗi lần hỏng, lại phải làm chậm rượu thêm nên chưa hết nửa đêm đã lung lung chai rượu...

Plan ấy trình bày, sau khi người cha uống chén rượu cuối cùng ngã vật ra để rơi chén xuống sàn. Chính vì cái «để rơi» không được tự nhiên (cái để rơi của một người đã say nhùn

nên phải quay đi quay lại nhiều lần. Cuối cùng bác Tư nói dối, nói :

— Thị tại sao lại không uống cho say ngủ đi, rồi đóng thì tuyệt và đúng sự thật không ?

Xét ra cũng không thể quay hơn, đạo diễn chấp thuận, Bác Tư đánh bạo làm nốt chỗ còn với một nốc cạn ; nằm tỉnh dưỡng để cho rượu ngấm và... bác đã say túy lúy, hay hết chỗ nói.

Phải nhận rằng trong plan này chúng tôi phí mất 4 chiếc chén trà Giang tây, vì cứ mỗi lần để rót xuống là chén vỡ hai hoặc mẻ sứt. Bầm bụng chịu chó sao, tìm đâu ra chén hời 2 giờ khuya này !

Sau khi rượu ngấm Bác Tư, máy bắt đầu thu tiếng và hình. Bác Tư với cái giọng kèn kè : Rượu đâu ?... Ta.. muuuooon uuoong theemmm ! bác ngã vật xuống, cái chén rơi rất tự nhiên và chúng tôi lúc đó chỉ còn nghe tiếng ngáy pho pho (tiếng ngáy thật sự) của bác Tư... Bác thợ quay nhích đèn lại gần «làm» một gros-plan của Bác Tư mắt nhắm gà vịt, cái bộ râu tua tua lên xuống theo nhịp thở,

đẹp vô kẽ. Có lẽ là một GP không tiền khoáng hậu, từ khi bác thợ quay biết quay phim.

Nói đến râu, lại nhớ đến tóc. Tóc và râu của Bác - Tư vẫn chịu khó dưỡng và theo giờ từng ngày từng giờ. Vì cuốn phim quay lâu, mà tóc và râu cứ ra dài mỗi ngày làm cho Bác ngứa ngáy khó chịu, cứ gắp mặt ở đâu, là xuống một câu vọng cổ cười nôn ruột:

« Than ôi, râu với tóc có tiền không được cắt... »

Cái nỗi khổ của tài-tử xi-né là vậy, muốn cho thật giống mà không lòi đuôi hóa-trang thì tài-tử phải chịu cực... hình!

Một màn khác trình bày Bác Tư qua một chiếc cầu khỉ, khi đến giữa cầu bác « phải » té một cái và đánh rơi chai rượu xuống nước. Tập đi tập lại, lần cuối cùng bác té thật hay nhưng chai rượu lại chìm lầm không chịu nổi lên mặt nước như đã dự-tính. Bác Tư ngóng cổ xem... diệu-bộ này thật một trăm phần trăm... Quay xong chúng tôi hỏi tại sao bác tự-nhiên quá như vậy, bác mỉm cười trả lời :

— Rượu trong chai là rượu

đậu nành, qua mối mua hồi hôm... ngon lắm ngheo l. « chật »!!! Tưởng đóng xong đem ra « tu » chơi, té ra : Rượu lại đi theo nước !...

Chúng tôi cười như nắc-né. Bác nghiêm-chỉnh nói :

— Bộ để kiểm rượu đậu nành lắm hả ?

Thường các nghệ-sĩ sân-khau qua làng điện-ảnh, vẫn luôn luôn giữ hoặc là diệu-bộ hay cách xướng ngôn của mình. Nên lắm khi giọng nói có vẻ « sân-khau » không được tự-nhiên, tuy-nhiên, thét rồi họ cũng bỏ được cái tật ấy 1 phần nào.

Bác Ba C. trong phim Trai-Thời-Loạn có một màn đóng hay quá và tự-nhiên hết sức. Màn đó trình bày bác Ba đang nướng khô mực để nhậu, bác lấy mực ở lò than hồng ra, vừa phổi vừa thổi vừa sờ nóng G.P mấy ngón tay « nghệ-thuật » tỏ ra sự thỏa - thích, sự sờ nóng rực rỡ, táo-bạo, bác Ba diễn-tả thật không khác mấy ngón tay trong tường « le Troisième Homme », Bác bỏ lửng một câu rất tự-nhiên :

— Hè ! mực này ngon đa l'

(câu này không ở trong tuồng) hay quá ! Chúng tôi phục lăn và hổng nhiên thích cái « jeu » rất « điện-ảnh » của bác. Viết đến đây, nhớ lại người nghệ-sĩ quá cõ, tôi không khỏi cảm - động, vì hình-ảnh của Bác vẫn còn lớn - vòn trong trí - nhớ của chúng tôi.

Còn biết bao-nhiều nghệ - sĩ khác, đã một thời ghé chàn vào ngưỡng cửa Điện - Ảnh, Anh Bảy X, Ba N., MC. v.v... Đặc biệt nhất là anh Bảy X ở ngoài thì chuyên đóng hài-kịch, mà vào phim-trường lại trở nên nghiêm - trang, đóng những vai kép độc. Anh có một diễn-xuất tài-tình, chịu khó trau dồi nghệ-thuật và cách xướng ngôn... Tuy nhiên, khi quay xong màn nào nghỉ giải-lao, chúng tôi đều nhớ anh Bảy để cười rủ cười rủi quên cả mệt, quên cả cực. Anh Bảy nói :

— Ở đời ít khi muốn mà được ! Như tui muốn đóng một vai chọc cười lại bắt tôi đóng vai Quận-Trưởng, cả đời không đánh giặc, cầm súng, đi quân-dịch mà lại làm quan Tư... rồi lấy vợ bị cầm súng.. thiết là

oái-oăm, làm tui đi học hỏi muôn rả hơi. Cái nghề làm quan Tư còn đẽ vì có mấy đâ từng đi Ất É. OON ĐĐO' rồi, chó cái thứ làm chồng mà bị cầm súng thiệt hết chó nói, không có một ma nào chịu vê tui thử coi nó ra làm sao !

Tui tui cười muôn chết !

Thiên hời-ký này, tôi xin tạm ngưng nơi đây để bắt tay tiếp-tục phụng-sự nghệ-thuật.

Tôi ước mong rằng các bạn qua các câu chuyện vui có buồn có, thông-cảm chúng tôi, đoán hiểu đời sống của các tài-tử và chuyên-viên điện-ảnh, một nghệ mới, một nghệ-thuật mà chúng tôi đang cố-gắng phụng-sự với tất cả thiện-chí, với tất cả tình thương, với tất cả tinh-thần phục-vụ.

Dù có thất-bại cũng không nao, dù có thắng-lợi cũng không kiêu, dù có tạm ngưng cũng chỉ để cố-động lực-lượng, kiểm-diểm ưu-khuyết để mạnh tiến.

Chúng tôi thành-thật cảm ơn quý bạn đã theo dõi chúng tôi đến giai-doạn này. Chúng tôi xin hẹn lại gặp các bạn trong tương lai...

Vết xong ngày 20-2-1960

CHUYỆN

CÀ

KÊ

TRỌNG - TẤU
và BÀ - TÈO

* KHỎE NHƯ THẦN

Có một tờ báo đăng truyện « Hạng-Võ Việt-Nam » đã nói rằng : « Cụ PHAN-NGÀ thời Quang-Trung Hoàng-Đế đã đấu vật với **đồ vật** vô địch Nghệ-An. Truyện ấy không lạ, lạ là & cái thể trung-bình tần vứng như núi Thái Sơn (sic) của cụ làm cho **đồ vật** vô địch Nghệ-An tưởng mình là châu chấu trước con voi. Và hơn nữa là một mình cụ đã đập vụn, nát như bụi (sic) cả 5 mẫu bông trong một thời gian kỷ lục là từ sáng sớm tới 12 giờ trưa.

* THÚ NÀO HƠN

Sức mạnh là một truyện,

nhưng chịu đựng dẻo dai lại là truyện khác. Bởi vậy mới có câu : « Trường đồ tri mã lực » (đường dài biết sức ngựa) vậy con ngựa khỏe (theo nghĩa mạnh) và con ngựa gai, con nào hơn. Nếu văn túc là người, thì người ta sẽ mường tượng cái mã lực trường đồ của nhà thơ « chúa chỏm » Trần-kế-Xương ra sao khi đọc những vần này của ông.
*Khi xưa Lựu muốn lấy ông,
Ông chê Lựu bé Lựu không
biết gì
Bây giờ Lựu đã đến thì
Ông muốn lấy Lựu, Lựu chê*
ông già

Ông già ông khác người ta

Những cái lí lắt öng ma băng
mười
(Tú-Xương)

* CHÚA CHỒM

Thi-sĩ Tú - Xương nợ như
chúa chồm ? Vậy chúa chồm là
ai ? có thật không ? Chúa
Chồm tức là vua Lê-trang-
Tông, thời Hậu-Lê, con út của
vua Chiêu-Tông và tên húy là
DUY-NINH. Ông là vua khởi
đầu triều Hậu-Lê. Khi MẠC-
ĐĂNG-DUNG thoán đoạt ngôi
vua, cựu thần nhà Lê trốn tránh
đi rất nhiều, trong số đó có
quan Hữu-Vệ-Điện-Tiền-Tướng
Quân NGUYỄN - KIM trốn
sang Ai-Lao, được vua nước
này tên SA-ĐẦU cho đến ngủ
tại Sầm-Châu. Ở đây, ông
Nguyễn-Kim tìm được Duy-
Ninh bèn lập lên làm vua.
Khi vua Trang-Tông chưa lên
làm vua vẫn gọi là Chúa Chồm
và vì nợ nần quá xá nên đã
có câu : « Ngươi như chúa Chồm »
— Vậy các nhà văn nào có nợ
như Chúa Chồm nên lấy đó
làm điều hanh diện vì hai lẽ :
một là mình cũng đáng vì
Thiên-tử lầm, hai là biết đâu
sẽ chẳng gặp một Nguyễn-Kim

để đưa lên ngai Vàng... Hay
là sẽ trúng số độc - đặc để
ngồi trên một đồng vàng !

* CÁI RÙNG MÌNH

Trong khi mình đang mong
trúng số độc - đặc thì lại được tin
Đặng đắt ở Argadir « có lẻ thấy
loài người chém giết nhau
quá ớn nên bà Đắt đã rùng
mình, mà một khi bà đắt rùng
mình thì ghê - gớm lắm như
« chị ». Diệu-Huyền nhà ta đã
nói trong bài « Đặng đắt » ở
Phổ-Thông.

Bà Đắt rùng mình ở thành
phố Agadir, của Maroc, làm
cho cả chục ngàn người chết.
Có người sống sót lù lù dưới
đất chống gậy chui lên tường
đâu là tận thế. Có người
phải ăn cỏ cho đỡ đói v.v...
Ông Tú giảng khoa-học cho
Bà Tú nghe, nhưng tôi thì tôi
đoán rằng tại bà Thần Đắt
nỗi ghen vì bà thấy loài
người lầm-le lên Cung Trăng
để o-mèo Hàng-Nga Tiên-nữ.
Có phải không, Bà Tú hỏi
ông Tú xem !

* VẾT RẠN

Nhân tai họa khủng khiếp
nói trên, các nhà địa-chất-học

Hoa-kỳ cho hay, có một vết rạn dài 72.000 CÂY SỐ ở dưới lòng Ấn-Độ - Dương và Đại - Tây - Dương. Nó chạy vòng theo đầu mõm phía nam Phi-Châu và có nhiều nhánh chạy tới biển Ả-Rập và qua Thái-Bình-Dương. Phải chăng đây là một đe-dọa thường trực cho loài người ? Phải chăng sắp đến ngày tận thế ?

* BÀ NỮ-OA

Phải chi thời nay loài người có được bà Nữ-Oa thì đỡ lo biết mấy. Bà NỮ-OA là em gái vua PHỤC-HY đòi thượng cổ bên Tàu. Tục truyền rằng bà có biệt tài luyện đá ngũ-sắc để vá trời. Nếu bà Nữ-Oa có tài vá trời, thì vá đắt đổi với bà là « đỡ bở ».

* PHI CAO CĂNG... BẤT THÀNH...

Vừa rồi, tại Saigon hoa lệ lại xảy ra một truyện xưa như trái đất. Đó là truyện « Phi cao-đẳng bất thành phu phụ ». Cũng chỉ vì cái mảnh bằng mà hận cả một đời. Oán hận thay cái tên Vương-hồng-Chương đã khéo đeo cái « mạc

đồ pha-bờ-rích » tinh vi quá. Có mấy đứa trẻ con còn ngọng ngiu cưng bầy dắt nói chử theo người lớn và đã nói sai như sau : PHI CAO CĂNG bắt thành phu phụ »

Chưa biết chừng sai mà lại đúng kia đây ! Ủ nhỉ ! sao lại chẳng chọn người cao cảng ? Đè lỡ khi nào có động đất thì cao cảng sẽ chạy trốn mau lẹ hơn !

* ĐI TẮT

Anh chàng Vương-Hồng-Chương cảng không cao mà lại thích đi tắt một bước tới luật sư như « đòi giày bảy dặm » của ông Thần Hộ-pháp trong truyện cổ tích danh tiếng của CHARLES PERRAULT ! Ở đời này thiếu gì kẻ thích đi tắt kiểu Vương-Hồng-Chương. Có người muốn tắt ngang cái tập sự để thành luật sư thực thụ, cũng có kẻ (đa số là đàn bà) ưa làm quan tắt bằng cách « lấy chồng quan ». Nói về nghệ-thuật đi tắt thì có lẽ phải nói mấy anh cảng dài (trường túc). Họ chẳng cần bảy bước như GORDON BYRON mới tới thành công đâu, hay là đi bảy

bước làm xong bài thơ như chàng TÀO THỰC con trai của TÀO THÁO. Chỉ cần gối déo lưng mềm và đồi họ là Lưu thì được như ý. Tất cả những dục vọng trên dày đều cần đến tóc đòn. Hiện nay, ta có thấy bà JACQUE-LINE AURIOL, con gái của Cựu Tổng Thống Pháp, Vincent AURIOL được mệnh danh là con người nhanh nhất thế giới vì bà ta bay nhanh gấp đôi tốc độ của âm thanh (2448 cây số một giờ). Nhưng bà Auriol lại không phải là người đi tắt. Can đảm, kiêu nhẫn và sự tập luyện qua thời gian đã đưa bà đến chỗ vinh quang.

* CUỘC HÒ HẸN

Kiêu nhẫn như CARIL CHESS-MAN, một công dân tiểu bang Colifonic, trong 12 năm đã chín lần hò hẹn với tử thần, mà chàng vẫn chưa gặp. Không biết cuộc hẹn-hò ngày 2 tháng 5 tới đây, do tòa án Los Angeles định giờ khắc có thành hình không ? Trong 12 năm qua, cả đến người ngoại cuộc, mỗi khi nghĩ tới cuộc hẹn-hò này cũng hồi hộp đến vỡ tim, thử hỏi Chessman, sống trong tình trạng chờ chết ấy sút cân cách nào ? Dù sao, vì nhân đạo, mọi người vẫn ước ao Chessman « hẹn với Thần Chết mà không gặp ».

* KHÔNG HẸN MÀ GẶP

Có lầm khi ở đời, không hẹn mà gặp, mà trường hợp kể sau đây chắc ít kẽ ham :

DIANE, vì nữ thần La-Mã, là con gái của JUPITER và Latone. Cha nàng ra lệnh : « Con hổng được nấy tồng » (theo kiểu 1 nữ ca sĩ nhà ta). Jupiter ban cho nàng cung tên cùng các nữ thần sông, núi, v.v... phụ tá. Diane được làm chúa rừng, ngày ngày săn bắn. Một hôm, ACTEON không hẹn mà gặp... gặp nàng đang tắm. Nỗi giận vì cuộc gặp gỡ không hẹn nói trên, Diane biến Actéon thành con nai cho bầy chó của nàng mặc tình săn bắt. Chỉ một cái nhìn bậy mà chết, âu cũng một kiếp người !

* SINH TỬ

Ở đời hẽ có sinh át có tử, ai mà sống nỗi muôn đời. Ông BÀNH TỎ đài ĐƯỜNG NGHIEU sống 700 tuổi rồi cũng chết. Đến như ông MATHUSALEM (Cựu U'ôc.kinh) là con ENOCH, ông nội của NOÉ cũng « chỉ sống có 969. tuổi ... mà thôi ! »

=BA TÈO=
và
=TRỌNG TẤU=

Sách Báo mới

* MAU ĐI EM, ngày tháng có đâu nhiều.

Nhạc-phẩm tháng 6-59. Nhạc và lời của THANH-BÌNH.
Ngoài bìa có hình của TRANG-THIỀN-KIM, Giá 5 đồng.

* NHÀ VĂN HIỆN-DẠI. Quyển nhất và quyển hai. Của VŨ- NGỌC-PHAN. Nhà xuất-bản THĂNG LONG Saigon 1960.

Sách này, tác giả, Vũ-ngọc-Phan, đã xuất-bản lần đầu tiên ở
Hà-nội năm 1941. Nay, chính em ruột của ông, bạn Vũ-minh-
Thiệu, tái bản ở Saigon. Bộ sách phê-bình văn-học rất có giá-trị
này gồm có 5 quyển, nay mới ra được 2 quyển, còn 3 quyển sẽ
tiếp tục tái bản.

QUYỂN I viết về «các nhà văn hời mới có chữ quốc-ngữ»
1) Trương-vịnh-Ký. 2) Nhóm Đông-Dương tạp-chí.

(Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-kế-Bính, Nguyễn-Đỗ-Mục). 3) Nhóm
Nam-Phong tạp-chí (Phạm-Quỳnh, Nguyễn-bá-Học, Phạm-duy-Tốn,
Nguyễn-hữu-Tiến. Nguyễn-trọng-Thuật, Đông-Hồ, Tương-Phổ).

Quyển I, dày 192 trang.

QUYỂN II, nói đến «các nhà văn đi tiên phong». Biên-khảo :
Trần-trọng-Kim, Bùi-Ký, Lê-Dư, Phan-Khôi, Nguyễn-văn-Ngọc,
Nguyễn-quang-Oánh, Nguyễn-văn-Tổ, Đào-duy-Anh.

Tiểu-thuyết : Hoàng-ngọc-Phách, Hồ-biểu-Chánh.

Thơ : Nguyễn-khắc-Hiếu, Đoàn-như-Khuê, Dương-Bá-Trạc,
Trần-tuấn-Khai.

Quyển II dày 440 trang. Cả hai quyển đều in rất đẹp. Giấy tốt, chữ rõ.

* **BẠN DÂN.** *Nguyệt-san của Công-An Cảnh-Sát Việt-Nam Cộng-Hà. Giám-đốc Chu-bút : NGUYỄN - VĂN-HAY. Quản-ly : TRƯỞNG-KIM-CANG. Tổng-thư-ký : NGUYỄN - VĂN-LOÁT. Số 1 đã ra ngày 15-3-1960.*

Nhiều bài có giá trị. Tuy là tạp san của Cảnh-Sát Công-An, nhưng có nhiều bài về văn nghệ, như «Nàng Kiều bị bắt cóc lúc nào ?» của Thái-văn-Kiếm, «Một vụ án tình sau bức màn sét» của Duy-Thanh, «Con chó Tess» của Phi-Sơn và Tôn-Ngô, v.v... «Lời phi-lô» của ông Nguyễn-văn-Hay viết rất lưu loát,.., văn hay, ý đẹp. Án-loát mỹ-thuật. 50 trang — Giá 10 đồng.

* **HƯƠNG QUÊ,** *tuần san văn-hoa xã-hội*

Bộ mới, số 1, ra ngày 19-3-1960. Chủ-nhiệm HỒ-BÁ-CAO. Chu-bút : NGUYỄN-NGỌC-BÀO. Giám-Đốc Trị-sự : ĐÀO-ĐÌNH TÍNH. Tổng-thư-ký : LÊ-TRÀNG-KIỀU.

Với sự cộng-tác của nhiều ký giả có tài năng : Phạm-Hữu, Trần-việt-Sơn, Hòa-Ngọc, Bích-Hợp, Giáng-Kiều, Phạm-cao-Cửng, Thái-Linh, Doãn-quốc-Sỹ, Thái-văn-Kiếm, v.v... Nhiều bài hay. 36 trang. Giá 5 đồng.

* **THƠ LAM SƠN,** *của LAM-SƠN.*

Thi-sĩ Lam-Sơn LÊ-TẤN-LỢI, chánh sự vụ Bộ kinh-tế, là một bậc tài hoa khả-áí. Một nhà trí thức tân học có rất nhiều khả năng, một thanh-niên hoạt bát, một thi nhân hào hoa phong nhã.

Tập «thơ Lam-Sơn» có 61 bài, gồm nhiều loại : Thơ hùng. Thơ phiêu-linh. Thơ sống. Thơ vui. Thơ tình cảm. Mỗi loại đều có một sắc thái riêng biệt, gợi được cho người đọc một cảm giác thanh-thú, nhẹ nhàng.

In rất đẹp — 136 trang lбн — 50 đồng.

* **LỊCH SỬ CẨM ĐẠI DANH NHÂN THI TẬP.**

của Đồng-y-sĩ ĐỖ-PHONG-THUẦN

Gồm trên 50 bài thơ bát cú Đường-luật, luận về các nhân vật

Lịch sử Việt-Nam Cận đại : Quang-Trung, Ngọc-Hân Công-chúa, Gia-Lóng, Châu-văn-Tiếp, Đỗ-thành-Nhân, Tôn-thọ-Tường, Phan ðinh-Phùng, Phan-châu-Trinh, Hồ-văn-Ngà, v.v.,.

98 trang — Giá 20 đồng.

* **MÂY**, Thi phẩm của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG tác giả tái bản. Chia làm hai phần : THƠ SAY có 32 bài, và MÂY 25 bài.

Thơ say và Mây là hai thi phẩm đã ấn hành năm 1940 (Thơ say) và 1943 (Mây), nay tác giả tái bản, in chung vào một tập, dưới một hình thức rộng lớn và trình bày rất trang nhã. Nền và bìa do Thi-sĩ Đinh-Hùng minh họa với một nghệ thuật vô cùng tinh tế.

Cùng một lúc, chúng tôi lại nhận được cả tập thơ «HOA-ĐĂNG» cùng một tác giả, do Văn hưu Á-Châu xuất bản năm 1959. Bìa và nền cũng do nét họa tài tình của Thi-sĩ Đinh-Hùng tô điểm.

Thơ của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, tôi tưởng không cần phải giới thiệu nhiều với bạn đọc Phổ-Thông : danh tiếng lừng lẫy của thi - sĩ họ Vũ đã có từ 1940, dù đảm bảo giá trị đặc biệt của Thi phẩm «HOA-ĐĂNG» mới ra đời, và «Thơ say — Mây» vừa tái bản. Ông là một trong số Thi sĩ hiếm hoi của thời Tiền chiến ở đất Bắc có chân tài, có thực học, sống sót ngày nay dưới trời Nam quạnh quẽ, nhưng mặc dầu ở giữa một thế hệ cuồng loạn đảo điên, vẫn còn giữ được phong độ của Thơ thuần túy, của Thơ chân chính, thanh cao, không bị ảnh hưởng nhất thời bởi các triệu chứng giả tạo và bệnh hoạn của một «huyền bí» quá dễ dãi, mơ hồ.

Thơ của Vũ-hoàng-Chương thật đẹp, điêu khắc tinh tế như một mĩ-phẩm nghệ thuật bằng ngà, chạm trổ tinh vi. Thơ say nhưng không cuồng-loạn, không ê-chề, say nhẹ nhàng, êm dịu, như một trái tim đầy men trong ngây ngất của tình yêu. Thơ mây là một bức tranh thêu với màu sắc biến chuyển muôn hình của một nền trời hoa mộng. Hoa mộng cũng thế, vang dội khúc ca diễm tuyệt của ánh sáng muôn màu, của mùa xuân vĩnh viễn.



Truyện dài của cô VÂN - NGA

(Tiếp theo P. T. số 30)

TÌNH yêu ở người đàn bà vẫn hay khăn khít và đôn hậu, nhất là đối với mối tình đầu, như là một người chưa từng biết uống rượu bỗng nhấp phải một thứ men say dễ chịu càng uống càng khao khát, càng say mê mẫn, càng tin tưởng rằng đời không chỉ tươi đẹp bằng chung rượu tình. Tôi chẳng qua nhịn thường tình, đã dâng trọn tâm hồn cho người yêu lý tưởng, xem chàng là trọn cuộc sống tôi, là tất cả tôi, và sự có mặt chàng gần bên tôi cũng cần bằng hơi thở

vậy. Sự yêu mến chưa vừa, thoát phải cảnh chia lìa, ai mà không đau khổ tưởng chừng sắp chết!

Nếu không gánh nặng gia đình, mẹ yếu em thơ, tôi đã không ngăn ngại gì chàng đi theo chàng, như đôi chim liền cánh, dù là phải đến chân trời góc bờ nào, dù phải qua bao giông tố bão bùng, tôi cũng chỉ xin được cùng chàng chia cay sót đắng... Hay bây giờ ước gì có phép lạ nào biến chàng thành chú bé tý hon trong chuyện thần tiên để chàng sẽ không rời tôi nửa bước và tôi sẽ cắt dấu chàng, che chở cho chàng để không ai làm hại đến được.

Tôi dòm qua Thanh thấy chàng đắm đuối nhìn tôi, nhưng trong cặp mắt sáng ấy có phảng phất một vẻ cương quyết khiến tôi đau quặn nơi lòng. Chàng cũng đã khò sờ lầm khi nói đến sự biệt ly, nhưng chàng là trai thời loạn còn bao nhiêu trách nhiệm trên vai, không thể vì sự ủy mị của khách mà hòng mà bỏ rơi chí khí. Tôi tự thẹn lấy mình vì đã có những tư tưởng ích kỷ, tôi không có quyền bịnрин, ràng buộc Thanh, làm cho chàng không thể thành thoi cắt bước ra đi.

Tôi cười qua ngắn - lệ, đã lá cùng chàng :

— Anh đi gấp rút như vậy, làm sao em lo kịp đồ ăn để bỏ theo đường?

Thanh hiều lòng tôi, mỉm cười để cảm ơn:

— Khỏi em à. Các anh đi đến đâu, tìm ăn đến đó.

Tôi vừa muốn nói nữa bỗng nghe có nhiều tiếng gọi ơi ơi bên sông. Thanh và tôi nhìn qua, thấy có nhiều người chạy vội vàng. Biết có biến, tôi vội kêu hỏi:

— Anh Ngà, cái gì vậy?

Người thanh niên gần xóm tôi nhìn qua và trả lời:

— Tây tới!

— Trời chúng đi ngả nào?

— Tụi nó ở Thát-Lát qua. Chị nên ra đồng trốn đi.

Thanh kéo tay tôi chạy vào trong nhà. Các bạn gái của tôi cùng các em tôi nghe tin dữ sợ nhoang nháo.

Thanh và các bạn chàng liền sấp đặt cho chúng tôi ra đồng trốn, người nào có phận này, vừa trong coi đồ đặc cần thiết vừa bảo vệ trẻ nít. Khi chúng tôi qua khỏi vườn dừa, nghe có lát đát vài tiếng súng bắn ở xa xa. Thanh liền bảo:

— Giặc còn xa, bà con đừng chộn rộn, người nào núp đâu đó

cho kín đáo để chờ tin. Anh em chúng tôi trở lại nghe ngóng tình hình rồi sẽ cho hay coi là phải tản cư luôn hay thế nào.

Thanh vừa trở bước, tôi liền gọi:

— Anh ơi, trở lại chốn nguy hiểm làm chi nữa, hễ mình thấy thiên hạ chạy đâu, mình chạy đó cũng được rồi.

— Em đừng lo, anh dài gì để bị hại đâu.

Thanh cùng vài bạn biến mình trong các lùm cây. Chúng tôi chờ sót cả ruột, ngồi đứng không yên. Súng giặc nồ càng lúc càng gần, chúng tôi có thể đoán biết được hiện giờ chúng đã đến nhà ai rồi. Vài bụng khói đèn tuông ngùn ngụt lên khỏi rặng cây sau xóm nhà khiến chúng tôi nặng trĩu một mối thương tiếc bên lòng.

Đứa em trai thứ bảy của tôi mếu máo hỏi tôi:

— Tây có đốt nhà mình không hả chị? Nhà cháy rồi, mình ở nơi đâu?

Tôi thở dài, nhìn về hướng nhà tôi cách chỗ cháy độ ngàn thước, không trả lời. Tiếng súng của giặc không còn nghe nồ nưa, và một lúc sau Thanh trở ra

đồng tìm chúng tôi.

— Tây chỉ đi tới trại ruộng ông Cả Thiểm mà thôi.

— Ông Cả là bà con mình, không biết cả nhà có sao không?

— Tụi nó bắn chết vợ chồng Tư Thường, con và dâu của ông!

Giặc hay bắn giết thường dân quá lě. Những ngày gần đây, ngày nào cũng nghe nói có người bị giết, nhưng chúng tôi không ngờ cái tai họa ấy đến làng chúng tôi mau như thế, và rồi đây mai kia mốt nọ, dân làng tôi còn những ai sẽ là nạn nhân của chúng?

Chúng tôi vào nhà lo cơm nước buổi tối cho mấy anh ăn uống xong thì ra đi. Trước đã dự định sẵn là các anh dùng chiếc ghe bốn chèo của nhà tôi để đi cho chồng, nhưng bây giờ bọn anh Thanh không nỡ mượn ghe ấy vì phải đề phòng hờ cho xiết định chúng tôi tản cư. Chàng cùng các bạn định đi bộ, tôi liền bảo với má tôi cho mượn chiếc ghe lào đã kéo úp trên khô. Ghe ấy trong mui vào và đầy xuống nước thì cũng tạm đi được miễn là phải có người nâng tát nước.

Tôi đem đề dưới ghe một khay nhỏ đầy gạo, một thùng thiếc

nước mura và củi, mắm...v.v.. để dùng vào việc nấu nướng không thiếu món chi.

Thanh cầm đòng nắm tay tôi lại và bảo :

— Em lo chu tất như vậy, làm sao mà anh quên em được.

— Anh ơi, em ở nhà khóc lầm anh ráng mau về.

— Xa em anh vẫn nhớ đến em và nguyện cố gắng để xứng với lòng chờ đợi của em. Em đừng quá ưu phiền và phải giữ lấy sức khỏe để mà lo toan việc nhà. Em cũng thừa biết rằng anh nào muôn xa em, nhưng anh không thể ở mãi đây được.

— Và em nữa, khi anh trở về biết em còn ở đây chăng?

Tôi vừa nói vừa gục đầu vào ngực chàng, kéo áo chàng lau nước mắt. Tôi cố cầm lòng lầm mới không khóc ra thành tiếng. Thanh vỗ vỗ tôi :

— Anh cầu xin Trời, Phật phù hộ cho em, cho cả gia đình. Còn việc nhà, nếu xảy ra việc gì khó khăn, em nên tìm đến gia đình bên anh, chắc ba má anh thương yêu, giúp đỡ em được.

Tôi lấy ra một trăm đồng bạc nhỏ ở trong ống tiền tôi vừa đập

ra khi nay mà trao cho Thanh :

— Đây là số tiền mọn em để dành bấy lâu, anh cầm lấy mà đi đường.

— Anh cũng có đủ dùng, em cứ để dành xài đi.

Tôi nhét số bạc vào túi áo chàng :

— Em đâu có cần tối nó bằng mấy anh.

Khi ấy, con nước đã lớn. Các bạn của Thanh lần lượt xuống ghe. Thanh xiết chặt tay tôi :

— Em ơi, anh đi nha em.

— Khoan một chút nữa đã anh.

Thời gian qua sao nhanh quá.
Tôi cầm cọng giữ chàng ở nảng

lại bên tôi ba lần mà ngơ chỉ là trong một giây khắc mà thôi. Sau cùng, chúng tôi bịn rịn lìa tay, chàng xuống ghe, mắt không rời tôi. Ghe từ từ tách bến, tôi giơ tay vẫy chàng, miệng nắc lên câu từ giã :

— Anh đi đường được mạnh giờ.

— Còn em, em ở nhà bình an nhé.

Tôi nhìn theo chàng mãi đến khi bóng chàng khuất hẳn trong đêm tối mà tôi ngần ngại cả lòng. Không biết đến bao lâu, em Năm tôi mới kéo tay tôi và bảo :

— Trời khuya rồi, vào trong đi nghỉ đi chị ạ. (còn nứn)

Kinh Quí Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chân lý cao thâm của Phật Giáo
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

HÃY XEM Liên-Hoa Nguyệt-San

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÔN HẬU
với sự cộng-tác của quý Tăng-sĩ du-học ở hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiếu
Phật-Pháp ở Trung-phòn



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ân-quang Sài-gòn và các
chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung

Thư từ xin gửi về :

Tổng thư ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Số 66, Đường Chi-Lăng
(Hộp thư 24) — HUẾ

Bản Đọc Việt (tiếp theo trang 4)

«— Lông kia có phải CỦA Nagasena không ?

«— Không.

«— Da, thịt, xương, gan, ruột kia có phải CỦA Nagasena không ?

v.v...

Nếu quả thật vua Milinda đã đặt những câu hỏi như trên, trong đó chữ CỦA thủ một vai tuồng then chốt, thì theo phép tỷ-kiện; Đức Nagasena không được, trong tỷ-du đổi chiếu, hỏi lại Vua Milinda :

«— Gọng xe có phải LÀ xe không ?

«— Phải vì xe LÀ xe không ?

Được hỏi lại như thế, chỉ khi nào Vua Milinda đã hỏi : «Tóc, lông, da, thịt, xương, gan, ruột kia có phải LÀ Nagasena không ?»
Đang này, vua Milinda hỏi : phải CỦA Nagasena không ?

Nhưng, sự thực, Vua Milinda đã dùng chữ CỦA hay chữ LÀ ? Ông Thẩm-thệ-Hà quả quyết nhà vua đã dùng chữ thứ nhất. Chúng tôi tin rằng nhà vua đã dùng chữ thứ nhì, căn cứ trên những tài liệu tham khảo sau đây :

1.— *Na-Tiên Tỳ-Kheo Kinh* (bản dịch ra Việt-văn của Đoàn-trung-Còn, trang 25-26) :

«... Nếu Ngài nói rằng : «Các Thầy Tỳ-kheo kêu tôi là Na-tiên», thì Na-tiên đó là ai ? Bạch-Ngài, xin Ngài giải cho. Hay tóc trên đầu, là Na-tiên ?

«— Không phải đâu, Bệ-hạ.

«— Hay là lông, móng, răng, da, thịt, v.v...?

«— Cũng không phải. v.v...

2.— *Les questions de Milinda* (bản dịch từ chữ Pali ra Pháp-văn của Lois Finot, trang 58) :

«... Quand tu dis : «Mes confrères m'appellent Nagasena», quel EST ce Nagasena dont tu parles ? Est-ce les cheveux qui SONT Nagasena ?

«— Non, Maharaja.

«— EST-CE les poils, les ongles, les dents, la peau, etc...?

«— Non, Maharaja.

etc...

3.— *Na-Tiên Tỳ-kheo Kinh* (bản Hán-văn trong bộ Đại-Tạng
Đại Chánh Tâm tu, tập thứ 32, trang 1670) :

«... *Vương văn Na-tiên* : *Thùy VI Na-tiên giả?* *Đần VI Na-tiên da?* »

«— *Bất VI Na-tiên.*

«— *Vương phực ngôn* : *Nhĩ, tỳ, khẩn, VI Na-tiên da?*

«— *Bất VI Na-tiên.*

v.v...

Cứ như trên thì không có chỗ nào nhà vua dùng chữ CỦA
cả, mà đều dùng chữ LÀ — chữ VI ở đây chỉ có nghĩa là LÀ.

Vậy rõ ràng Đức Nagasena không phạm phép tỷ-luận và
không có nguy biện, phi trường hợp Ông Thẩm-thệ-Hà có một
tài liệu đáng tin khác mà chúng tôi chưa được hân hạnh xem
thấy.

Trong khi chờ đợi sự chứng minh của Ông Thẩm-Thệ-Hà,
chúng tôi giữ vững sự tin tưởng của chúng tôi, chẳng những vì
những bằng cớ vừa kể, mà còn vì mạch lạc của câu truyện giữa
Vua Milinda và Đại-đức Nagasena. Hai đảng tranh luận về thuyết
Vô-ngã. Nếu nhà vua quả có hỏi : tóc kia có phải CỦA Nagasena
không ?, thì câu chuyện đã lạc hướng rồi. Đức Nagasena đã bảo
không có Nagasena, mà còn hỏi phải CỦA Nagasena thế nào
được ?...

PHÔ-THÔNG vẫn ra mỗi tháng 2 kỳ

Thể theo ý kiến của đại đa số bạn đọc, Phô-Thông
sẽ không ra mỗi tháng 3 kỳ, và vẫn tiếp tục ra hai kỳ,
đúng những ngày 1 và 15 như thường lệ. Vây xin bá cáo
đè bạn đọc thân mến được rõ.

ĐÁP BẢN BỐN PHƯƠNG

* BẢN TRẦN-AN-CÁT — HUẾ

1) Bài Thơ của Vua Trần-đế Quý-khoách (Trùng-Quang) tiến đưa Nguyễn-Biểu lúc vua ở Hóa-Châu phái ông này ra Nghệ-An để cầu với Tướng nhà Minh là Trương-phụ, phong cho Vua, (1413) :

Máy vẫn thơ cũ ngồi hoàng-hoa,
Trịnh-trọng rày nhân dưng khúc ca.
Chiếu phuợng mướt hàng tơ cẩn-kẽ,
Võ câu ngàn dặm tuyết xlong-phạ.
Tang bồng đã bấm lồng khi trè,
Khuông-quế thêm cay tinh trỗi già,
Việc mớc mệt vai công ngô vẹn,
Gác lán danh tiếng đợi lâu xa.

Bài thơ của Nguyễn-Biểu họa lại :

Tiếng ngọc từ vâng truớc bệ hoa,
Ngóng tai đồng-vọng thuở thi-ca.
Đường mây và ký lẩn lẩn trãi.
Ái-tuyết cờ mao thức-thức phai.
Hà một cung tên lồng chí trè,
Bởi mướt vàng sắt đúc gan già.
Hồ mình và thiểu tài chuyên đổi,
Dịch lờ ba ngàn dặm ngại xa.

2) Những chữ Pháp : Xà-phòng, cà-phê, phim, radio, và hàng nghìn chữ nữa có thể được coi như là đã Việt-nam-hóa vì đã được thông-dụng từ lâu, và tiếng Việt không có chữ khác để thay thế những tiếng Pháp kia. Cũng không thể dịch cách nào được.

3) Máy vô-tuyến-diện dùng trong nhà là MÁY THÂU-THANH (Poste récepteur), chỉ thâu thanh thôi, không thể gọi là MÁY PHÁT-THANH được (Poste émetteur).

4) Vâng; có nhiều người Việt-nam nói chữ V trong tiếng Pháp : Vendredi, Vingt, Je Vais, je Viens, v.v... thì được, mà nói tiếng Việt thì Giui-Giê, đi Dề, như Giây..., đó là tai thói quen, không sửa giọng, chờ không phải là không nói được.

❖ BẠN THANH - HUYỀN, HỘP THƠ SỐ 41 NHA - TRANG

— Thế-Hệ = một thời-gian trải qua từ lúc thiêu-niên đến lão-thành. (Une génération). Một lóp người đồng lứa.

— Thế-kỷ = một phân-chia niên-kỷ gồm mỗi khoản-cách 100 năm ; (un Siècle)

— Cao 1 thước 63 mà chỉ cân nặng được 48 kí thì triều-chứng sức khỏe không được dồi-dào. (Ít nhất, m uốn cho sức khỏe được cân-đối, phải cân nặng 60 kí, nếu cao 1m63).

— Nói về nguyên - thủy của ĐƯỜNG - LỊCH và ÂM - LỊCH hiện đang áp - dụng, thì phải chia ra 3 thứ Lịch : ĐƯỜNG - LỊCH (hoặc Nhựt - Lịch — *Calendriers solaires*), ÂM-LỊCH (hoặc Nguyệt-Lịch — *calendriers lunaires*), và ÂM-DƯỜNG-LỊCH (*calendriers luni-solaires*),

A.— ĐƯỜNG-LỊCH hiện được thông-dụng khắp nơi trên Trái-Đất, là căn cứ trên cuộc tuần-hoàn của quả Địa-cầu chung quanh Mặt Trời (thái-dương), tức là : 65 NGÀY và 6 GIỜ, hơn hay kém vài phút thôi.

Hiện giờ thái dương-lịch được thông-dụng theo quy-tắc chung như nhau, nhưng trước đây Dương-Lịch đã biến đổi hai ba lần, xê-xích nhau chỉ mấy ngày hay mấy giờ thôi.

1.— *Lịch julien* (cũng gọi là lịch xưa) do Hoàng đế La-Mã JULES CÉSAR (vì tên Vua có chữ Jules nên gọi là lịch julien) đặt ra từ năm 45 trước chúa Giê-su. Lịch này được thông-dụng khắp các nơi ở Âu-châu và Tây-Á cho đến CUỐI THẾ KỶ XVI, nói đúng hơn là đến năm 1582. Riêng nước NGA, còn dùng mãi đến năm 1918, và nước HY LẠP, dùng cho đến năm 1923. Dương-lịch julien tính một năm 365 NGÀY 1/4. Cứ ba năm liên tiếp 365 ngày rồi đến một năm nhuận 366 ngày (Thêm một ngày vào tháng Hai).

2.— *Lịch grégorien* (cũng gọi là Lịch Mới) Gần cuối thế kỷ XVI các nhà văn Thiên-văn-học La-Mã xét lại thấy rằng căn cứ theo tiết-xuân-phân (Equinoxe de Printemps) thì trái đất xoay chung quanh mặt trời không phải là 365 ngày 6 giờ, mà 365 ngày 5 giờ 48 phút 45 giây 985, mới thật là đúng theo xuân-tiết. Vì vậy cứ tính theo Lịch julien của César thì dần dà từ xưa đến năm 582 Lịch Gregory quá lỗ 10 ngày. Giáo-Hoàng GRÉGOIRE XIII liền sửa đổi Lịch của César cho đúng với xuân tiết, nên quyết định ngày 5-

tháng 10 năm 1582 đổi thành ngày 15 tháng 10, nghĩa là năm 1582 phải rút ngắn lại 10 ngày. Thế là Lịch mới này được gọi là lịch *Grégorien* (lấy tên của Giáo Hoàng Grégoire XIII) và bắt đầu từ ngày 15 tháng 10 năm 1582. Nhưng có hai nước không theo Lịch mới, Hy-Lạp và Nga, nhất định giữ theo Lịch cũ của Jules César. Nghĩa là trong lúc các nước theo Thiên-chúa-giáo ở Âu-Châu đều sửa lại theo Lịch mới ngày 15 tháng 10 năm 1582, thì riêng Hy-Lạp và Nga vẫn giữ theo Lịch cũ, là 5 tháng 10. Năm 1918, Nga bỏ lịch cũ, sửa lại theo Lịch mới. Mãi đến năm 1923 Hy-Lạp mới sửa Lịch cũ lại theo Lịch mới. Cho đến ngày nay, Dương Lịch mà chúng ta hiện đang dùng, là Dương-Lịch *grégorien*, được thông dụng khắp thế giới, không còn sửa đổi nữa. Theo Lịch này, cứ 4 năm thì có 1 năm nhuận, nghĩa là năm ấy tháng Hai có 29 ngày, còn 3 năm không nhuận thì tháng Hai (Février) chỉ có 28 ngày. Theo Dương-Lịch hiện nay mỗi năm Lịch là 365 ngày 5 giờ 49 phút 12 giây, tức là chỉ sai với Năm của tiết Xuân (Année tropique) không đến nửa phút. (Năm của Tiết Xuân là 365 ngày 5 giờ 48 phút, 45 giây 985). Phải 4.000 năm mới sai một ngày.

B. ÂM-LỊCH chỉ tính theo mặt trăng chứ không tính theo mặt trời.

1º) Lịch La-Mã trước Jules César. Mỗi năm chỉ tính có 304 ngày.

2º) Lịch Macédonien cũng 12 tháng mỗi tháng 29 ngày, hoặc 30 ngày.

3º) Lịch Hy-Lạp, 354 ngày.

4º) Lịch Ba-Tư, 365 ngày.

5º) Lịch Hồi-giáo, 360 ngày.

C. ÂM-DƯƠNG-LỊCHU, tức là Lịch Tàu, Nhật, Việt-Nam. Lịch này người ta gọi «*Âm-Lịch*» là hoàn toàn sai lầm. Vì chỉ có lịch Tàu là tính theo đúng với cuộc tuần hoàn của Trái Đất chung quanh Mặt trời và của Mặt Trăng chung quanh Trái Đất, theo đúng kinh tuyến Bắc-kinh. Quyển lịch Tàu đầu tiên được xuất bản tại Bắc-Kinh năm 1644. Mỗi năm 12 tháng lấy theo 12 con Trăng, tức là 360 ngày. Tuy nhiên có tháng đầu là 30 ngày, tháng thiểu 29 ngày. Có năm phải tính 13 tháng (tháng nhuận) cho hợp với vị trí Mặt Trời, và theo mỗi Niên-kỷ là 60 năm. Năm 1923 là khởi tiếp Niên-kỷ 77.

XÔ SỐ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niên bảo - vệ hương - thôn



Phát - hành 4 kỳ :

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7-6-1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10^v